

Số: 09 /2023/TT-NHNN

Hà Nội, ngày 27 tháng 7 năm 2023

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Phòng, chống rửa tiền

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Phòng, chống rửa tiền ngày 15 tháng 11 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 102/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng;

Thông đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Phòng, chống rửa tiền.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về tiêu chí, phương pháp đánh giá rủi ro về rửa tiền của đối tượng báo cáo; quy trình quản lý rủi ro về rửa tiền và phân loại khách hàng theo mức độ rủi ro về rửa tiền; quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền; chế độ báo cáo giao dịch có giá trị lớn phải báo cáo; chế độ báo cáo giao dịch đáng ngờ; giao dịch chuyển tiền điện tử; chế độ báo cáo giao dịch chuyển tiền điện tử; hình thức và thời hạn báo cáo dữ liệu điện tử.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Tổ chức tài chính.
- Tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành, nghề phi tài chính có liên quan.
- Tổ chức, cá nhân Việt Nam, tổ chức nước ngoài, người nước ngoài, tổ chức quốc tế có giao dịch với tổ chức tài chính, tổ chức, cá nhân kinh doanh ngành, nghề phi tài chính có liên quan.
- Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến phòng, chống rửa tiền.

Điều 3. Tiêu chí, phương pháp đánh giá rủi ro về rửa tiền của đối tượng báo cáo

- Tiêu chí đánh giá rủi ro về rửa tiền của đối tượng báo cáo bao gồm tiêu chí nguy cơ rửa tiền và tiêu chí mức độ phù hợp của chính sách, quy định nội bộ

về phòng, chống rửa tiền tại đối tượng báo cáo.

2. Tiêu chí nguy cơ rửa tiền bao gồm tiêu chí nguy cơ rửa tiền từ môi trường kinh doanh của đối tượng báo cáo và tiêu chí nguy cơ rửa tiền từ hoạt động kinh doanh của đối tượng báo cáo, cụ thể như sau:

a) Tiêu chí nguy cơ rửa tiền từ môi trường kinh doanh của đối tượng báo cáo bao gồm nguy cơ rửa tiền từ ngành, lĩnh vực; quốc gia, vùng lãnh thổ mà đối tượng báo cáo hoạt động theo kết quả đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền và do đối tượng báo cáo tự xác định;

b) Tiêu chí nguy cơ rửa tiền từ hoạt động kinh doanh của đối tượng báo cáo bao gồm nguy cơ rửa tiền từ khách hàng; nguy cơ rửa tiền từ sản phẩm, dịch vụ cung cấp cho khách hàng; nguy cơ rửa tiền từ cách thức phân phối sản phẩm, dịch vụ.

3. Tiêu chí mức độ phù hợp của chính sách, quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền tại đối tượng báo cáo bao gồm tính toàn diện của chính sách, quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền và tính hiệu quả của việc thực hiện chính sách, quy định nội bộ đó, cụ thể như sau:

a) Tính toàn diện của chính sách, quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền tại đối tượng báo cáo bao gồm tính đầy đủ của chính sách, quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền; mức độ phù hợp với quy định pháp luật về phòng, chống rửa tiền; mức độ phù hợp với mức độ rủi ro về rửa tiền của đối tượng báo cáo; việc định kỳ đánh giá lại chính sách, quy định nội bộ đó để phù hợp với thay đổi của quy định pháp luật và thực tiễn hoạt động;

b) Tính hiệu quả của việc thực hiện chính sách, quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền tại đối tượng báo cáo bao gồm hiệu quả thực hiện các biện pháp phòng, chống rửa tiền; mức độ hiểu biết, tuân thủ các quy tắc, chuẩn mực nghề nghiệp của lãnh đạo và nhân viên có trách nhiệm liên quan về phòng, chống rửa tiền; mức độ hiệu quả quản lý công tác phòng, chống rửa tiền.

4. Phương pháp đánh giá rủi ro về rửa tiền của đối tượng báo cáo là phương pháp chấm điểm. Phương pháp chấm điểm được thực hiện trên cơ sở tính điểm đối với từng tiêu chí quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, cụ thể như sau:

a) Điểm số của từng tiêu chí quy định tại khoản 2 Điều này được xác định theo thang điểm từ 1 đến 5 theo nguyên tắc điểm số có giá trị càng nhỏ thì nguy cơ rửa tiền càng thấp;

b) Điểm số của từng tiêu chí quy định tại khoản 3 Điều này được xác định theo thang điểm từ 1 đến 5 theo nguyên tắc điểm số có giá trị càng nhỏ thì mức độ phù hợp của chính sách, quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền càng cao;

c) Trọng số của từng tiêu chí quy định tại khoản 2, 3 Điều này là tỷ lệ phần trăm (%) được xác định trên cơ sở tầm quan trọng của từng tiêu chí trong công tác phòng, chống rửa tiền. Đối tượng báo cáo tự xác định trọng số dựa trên quy mô, phạm vi và đặc thù hoạt động;

d) Điểm số của nguy cơ rửa tiền được xác định dựa trên việc tính toán tổng điểm từng tiêu chí nguy cơ rửa tiền quy định tại điểm a khoản này sau khi nhân với trọng số quy định tại điểm c khoản này. Nguy cơ rửa tiền thấp nếu điểm số nhỏ hơn hoặc bằng 1; nguy cơ rửa tiền trung bình thấp nếu điểm số lớn hơn 1 và nhỏ hơn hoặc bằng 2; nguy cơ rửa tiền trung bình nếu điểm số lớn hơn 2 và nhỏ hơn hoặc bằng 3; nguy cơ rửa tiền trung bình cao nếu điểm số lớn hơn 3 và nhỏ hơn hoặc bằng 4; nguy cơ rửa tiền cao nếu điểm lớn hơn 4 và nhỏ hơn hoặc bằng 5;

đ) Điểm số của mức độ phù hợp của chính sách, quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền được xác định dựa trên việc tính toán tổng điểm từng tiêu chí mức độ phù hợp của chính sách, quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền quy định tại điểm b khoản này sau khi nhân với trọng số quy định tại điểm c khoản này. Mức độ phù hợp của chính sách, quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền cao nếu điểm số nhỏ hơn hoặc bằng 1; mức độ phù hợp của các chính sách, quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền trung bình cao nếu điểm số lớn hơn 1 và nhỏ hơn hoặc bằng 2; mức độ phù hợp của các chính sách, quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền trung bình nếu điểm số lớn hơn 2 và nhỏ hơn hoặc bằng 3; mức độ phù hợp của các chính sách, quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền trung bình thấp nếu điểm số lớn hơn 3 và nhỏ hơn hoặc bằng 4; mức độ phù hợp của các chính sách, quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền thấp nếu điểm số lớn hơn 4 và nhỏ hơn hoặc bằng 5;

e) Điểm số rủi ro về rửa tiền được xác định bằng việc tính trung bình cộng điểm số của nguy cơ rửa tiền và điểm số của mức độ phù hợp của chính sách, quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền. Trường hợp điểm số càng nhỏ thì mức độ rủi ro về rửa tiền càng thấp: mức độ rủi ro về rửa tiền thấp nếu điểm số nhỏ hơn hoặc bằng 1; mức độ rủi ro về rửa tiền trung bình thấp nếu điểm số lớn hơn 1 và nhỏ hơn hoặc bằng 2; mức độ rủi ro về rửa tiền trung bình nếu điểm số lớn hơn 2 và nhỏ hơn hoặc bằng 3; mức độ rủi ro về rửa tiền trung bình cao nếu điểm số lớn hơn 3 và nhỏ hơn hoặc bằng 4; mức độ rủi ro về rửa tiền cao nếu điểm số lớn hơn 4 và nhỏ hơn hoặc bằng 5.

5. Kỳ thu thập thông tin, số liệu phục vụ đánh giá, cập nhật rủi ro về rửa tiền của đối tượng báo cáo được tính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 của năm đánh giá, cập nhật. Đối tượng báo cáo phải hoàn thành báo cáo đánh giá, cập nhật rủi ro về rửa tiền chậm nhất vào ngày 31 tháng 3 năm tiếp theo.

Điều 4. Quy trình quản lý rủi ro về rửa tiền và phân loại khách hàng theo mức độ rủi ro về rửa tiền

1. Căn cứ kết quả đánh giá, cập nhật rủi ro về rửa tiền theo quy định tại Điều 3 của Thông tư này, đối tượng báo cáo xây dựng và ban hành quy trình quản lý rủi ro về rửa tiền tại đối tượng báo cáo. Quy trình quản lý rủi ro về rửa tiền phải được thể hiện theo từng bước phù hợp với quy mô, phạm vi và đặc thù hoạt động của đối tượng báo cáo để quản lý rủi ro về rửa tiền. Quy trình quản lý rủi ro về rửa tiền bao gồm các nội dung tối thiểu sau:

- a) Xác định phạm vi, mục tiêu của hoạt động quản lý rủi ro về rửa tiền;
- b) Xác định, đánh giá mức độ ảnh hưởng của rủi ro về rửa tiền tại đối tượng báo cáo;
- c) Phân loại khách hàng theo mức độ rủi ro về rửa tiền thấp, trung bình, cao dựa vào các yếu tố sau: khách hàng; sản phẩm, dịch vụ khách hàng đang sử dụng hoặc có ý định sử dụng; vị trí địa lý nơi khách hàng cư trú hoặc có trụ sở chính và yếu tố khác do đối tượng báo cáo tự xác định, phân loại phù hợp với thực tế phát sinh và được quy định trong quy trình quản lý rủi ro;
- d) Quy trình để nhận diện và đánh giá mức độ rủi ro về rửa tiền trước khi cung cấp sản phẩm, dịch vụ mới; sản phẩm, dịch vụ hiện có áp dụng công nghệ đổi mới;
- đ) Quy trình quản lý rủi ro để thực hiện, từ chối, tạm dừng, kiểm soát sau giao dịch hoặc xem xét, báo cáo giao dịch đáng ngờ các giao dịch chuyển tiền điện tử không chính xác, không đầy đủ các thông tin theo yêu cầu;
- e) Các biện pháp áp dụng tương ứng với các mức độ rủi ro về rửa tiền của khách hàng, bao gồm tần suất cập nhật, xác minh thông tin nhận biết khách hàng, mức độ giám sát giao dịch của khách hàng theo mức độ rủi ro về rửa tiền, các biện pháp nhận biết khách hàng ở mức độ giảm nhẹ và biện pháp tăng cường quy định tại khoản 2, 5 Điều này.

2. Đối với khách hàng có mức độ rủi ro về rửa tiền thấp, sau lần đầu thiết lập quan hệ với khách hàng, khi áp dụng các biện pháp nhận biết khách hàng theo quy định của Luật Phòng, chống rửa tiền và Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống rửa tiền, đối tượng báo cáo được lựa chọn áp dụng một hoặc tất cả các biện pháp nhận biết khách hàng ở mức độ giảm nhẹ sau:

- a) Không thu thập thông tin về mục đích, bản chất mối quan hệ kinh doanh nếu thông qua các loại giao dịch hoặc mối quan hệ kinh doanh đã được thiết lập xác định được mục đích và bản chất mối quan hệ kinh doanh;
- b) Giảm tần suất cập nhật thông tin nhận biết khách hàng so với khách

hàng có mức độ rủi ro về rửa tiền trung bình;

c) Giảm mức độ giám sát giao dịch của khách hàng so với khách hàng có mức độ rủi ro về rửa tiền trung bình.

3. Đối tượng báo cáo không được áp dụng các biện pháp nhận biết khách hàng ở mức độ giảm nhẹ trong trường hợp nghi ngờ liên quan đến rửa tiền.

4. Đối với khách hàng có mức độ rủi ro về rửa tiền trung bình, đối tượng báo cáo phải áp dụng các biện pháp nhận biết khách hàng theo quy định của Luật Phòng, chống rửa tiền và Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống rửa tiền.

5. Đối với khách hàng có mức độ rủi ro về rửa tiền cao, ngoài việc áp dụng các biện pháp nhận biết khách hàng theo quy định của Luật Phòng, chống rửa tiền và Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống rửa tiền đối tượng báo cáo phải áp dụng các biện pháp tăng cường, bao gồm:

a) Có sự phê duyệt của cấp quản lý cao hơn ít nhất một cấp so với cấp phê duyệt áp dụng đối với khách hàng có mức độ rủi ro về rửa tiền trung bình về việc thiết lập hoặc tiếp tục duy trì mối quan hệ kinh doanh với khách hàng có rủi ro cao;

b) Thu thập, cập nhật, xác minh bổ sung các thông tin của khách hàng cá nhân để phục vụ việc đánh giá và quản lý rủi ro khách hàng, bao gồm các thông tin tối thiểu sau: Mức thu nhập trung bình hàng tháng của khách hàng trong thời gian ít nhất 06 tháng gần nhất trước thời điểm đánh giá; thông tin liên lạc của cơ quan, tổ chức hoặc chủ cơ sở nơi làm việc hoặc nơi khách hàng có thu nhập chính (nếu có); thông tin liên quan đến nguồn tiền hoặc nguồn tài sản trong giao dịch của khách hàng;

c) Thu thập, cập nhật, xác minh bổ sung các thông tin của khách hàng tổ chức để phục vụ việc đánh giá và quản lý rủi ro khách hàng, bao gồm các thông tin tối thiểu sau: ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tạo doanh thu chính; tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất trước thời điểm đánh giá; thông tin liên quan đến nguồn tiền hoặc nguồn tài sản trong giao dịch của khách hàng;

d) Thu thập, cập nhật, xác minh bổ sung các thông tin khác (nếu có) phục vụ việc đánh giá và quản lý rủi ro khách hàng;

đ) Giám sát tăng cường các giao dịch của khách hàng thực hiện thông qua đối tượng báo cáo, mối quan hệ kinh doanh thông qua việc áp dụng các biện pháp kiểm soát và chọn mẫu giao dịch để kiểm tra, bảo đảm giao dịch của khách hàng phù hợp với mục đích, bản chất của mối quan hệ kinh doanh của khách hàng với đối tượng báo cáo, hoạt động kinh doanh của khách hàng; kịp thời phát

hiện dấu hiệu đáng ngờ và xem xét báo cáo giao dịch đáng ngờ;

e) Tăng tần suất cập nhật thông tin nhận biết khách hàng so với khách hàng có mức độ rủi ro về rửa tiền trung bình.

Điều 5. Quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền

Nội dung quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền của đối tượng báo cáo tại các điểm b, c, e, g, h, i, k khoản 1 Điều 24 Luật Phòng, chống rửa tiền như sau:

1. Quy trình, thủ tục nhận biết khách hàng bao gồm việc thu thập, cập nhật, xác minh thông tin theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền và có các nội dung quy định về các trường hợp nhận biết, thông tin nhận biết, cập nhật; phân cấp trách nhiệm nhận biết khách hàng theo mức độ rủi ro và theo quy mô, phạm vi và đặc thù hoạt động của đối tượng báo cáo.

2. Quy trình quản lý rủi ro về rửa tiền tại đối tượng báo cáo phải bao gồm các nội dung được quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này.

3. Quy định về lưu trữ và bảo mật thông tin theo quy định tại Điều 38, Điều 40 Luật Phòng, chống rửa tiền.

4. Quy định về áp dụng biện pháp tạm thời theo quy định tại Điều 44 Luật Phòng, chống rửa tiền và Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống rửa tiền.

5. Quy định về chế độ báo cáo, cung cấp thông tin cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và cơ quan nhà nước có thẩm quyền, bao gồm quy định về cách thức, quy trình báo cáo, cung cấp thông tin nhằm bảo đảm thời hạn và nội dung báo cáo theo quy định của pháp luật.

6. Quy định về tuyển dụng nhân sự phải bao gồm các quy định để nhận biết, lựa chọn nhân sự được tuyển dụng đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm; đào tạo kiến thức cơ bản về phòng, chống rửa tiền trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày được tuyển dụng.

7. Nội dung đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng, chống rửa tiền, bao gồm: quy định của pháp luật và quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền; trách nhiệm khi không thực hiện các quy định của pháp luật và quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền; phương thức, thủ đoạn rửa tiền; rủi ro về rửa tiền liên quan đến sản phẩm, dịch vụ; nhiệm vụ mà lãnh đạo, nhân viên được giao thực hiện.

8. Nội dung kiểm toán nội bộ về phòng, chống rửa tiền bao gồm: kiểm tra, rà soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan hệ thống kiểm soát nội bộ, việc tuân thủ quy định nội bộ và quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền;

kiến nghị, đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả, hiệu lực của công tác phòng, chống rửa tiền. Việc kiểm toán nội bộ về phòng, chống rửa tiền có thể được tiến hành độc lập hoặc kết hợp với các nội dung khác nhưng phải là một nội dung riêng trong báo cáo kiểm toán. Trong trường hợp đối tượng báo cáo không phải thực hiện kiểm toán nội bộ theo quy định của pháp luật, đối tượng báo cáo phải đảm bảo thực hiện kiểm soát việc tuân thủ quy định nội bộ và quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền.

9. Nội dung trách nhiệm của cá nhân, bộ phận có liên quan trong việc thực hiện công tác phòng, chống rửa tiền phải bảo đảm:

a) Phân công một người quản lý của đối tượng báo cáo hoặc người được người quản lý ủy quyền chịu trách nhiệm về tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra việc tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền (sau đây gọi là người chịu trách nhiệm về phòng, chống rửa tiền);

b) Tùy theo quy mô, phạm vi và đặc thù hoạt động, đối tượng báo cáo phải thành lập bộ phận chuyên trách (tổ, phòng, ban) hoặc chỉ định một bộ phận hoặc chỉ định một người chịu trách nhiệm về phòng, chống rửa tiền tại trụ sở chính; phân công một hoặc một số người hoặc bộ phận chịu trách nhiệm về phòng, chống rửa tiền tại chi nhánh, công ty con của đối tượng báo cáo có liên quan đến nghiệp vụ phòng, chống rửa tiền (nếu có).

10. Đối tượng báo cáo có trách nhiệm:

a) Hằng năm, thực hiện đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng, chống rửa tiền cho lãnh đạo, nhân viên có liên quan đến công tác phòng, chống rửa tiền (bao gồm cả nhân viên được giao nhiệm vụ liên quan trực tiếp đến giao dịch tiền, tài sản với khách hàng);

b) Hằng năm, rà soát, cập nhật các quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền, chính sách, quy trình quản lý rủi ro phù hợp với kết quả đánh giá rủi ro về rửa tiền tại đối tượng báo cáo và tình hình thực tế thực hiện để đánh giá quy định nội bộ và xem xét sửa đổi, bổ sung, thay thế cho phù hợp; gửi quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền cho Cơ quan thực hiện chức năng, nhiệm vụ phòng, chống rửa tiền thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Cơ quan thực hiện chức năng, nhiệm vụ phòng, chống rửa tiền) trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung, thay thế quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền;

c) Hằng năm, gửi báo cáo kiểm toán nội bộ về phòng, chống rửa tiền tại đối tượng báo cáo cho Cơ quan thực hiện chức năng, nhiệm vụ phòng, chống rửa tiền trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính trừ các đối tượng báo cáo không phải thực hiện kiểm toán nội bộ theo quy định của pháp luật;

d) Đăng ký thông tin về họ tên, địa chỉ nơi làm việc, số điện thoại, địa chỉ thư điện tử để liên lạc khi cần thiết của người chịu trách nhiệm về phòng, chống rửa tiền theo quy định tại điểm a khoản 9 Điều này và người chịu trách nhiệm về phòng, chống rửa tiền hoặc người đầu mối thuộc bộ phận theo quy định tại điểm b khoản 9 Điều này; địa chỉ thư điện tử của bộ phận theo quy định tại điểm b khoản 9 Điều này (nếu có) cho Cơ quan thực hiện chức năng, nhiệm vụ phòng, chống rửa tiền;

đ) Thông báo bằng văn bản cho Cơ quan thực hiện chức năng, nhiệm vụ phòng, chống rửa tiền khi thông tin quy định tại điểm d khoản 10 Điều này có thay đổi trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thay đổi thông tin.

11. Đối tượng báo cáo là doanh nghiệp siêu nhỏ, cá nhân ban hành quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền có nội dung quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều này và điểm a, đ khoản 1 Điều 24 Luật Phòng, chống rửa tiền.

Điều 6. Chế độ báo cáo giao dịch có giá trị lớn phải báo cáo

1. Đối tượng báo cáo có trách nhiệm báo cáo giao dịch có giá trị lớn phải báo cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Luật Phòng, chống rửa tiền cho Cơ quan thực hiện chức năng, nhiệm vụ phòng, chống rửa tiền bằng dữ liệu điện tử theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư này hoặc báo cáo bằng văn bản giấy theo Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này khi chưa thiết lập được hệ thống công nghệ thông tin tương thích phục vụ cho việc báo cáo.

2. Trường hợp khách hàng nộp ngoại tệ tiền mặt có giá trị lớn để mua đồng Việt Nam hoặc nộp tiền mặt bằng đồng Việt Nam có giá trị lớn để mua ngoại tệ tiền mặt thì chỉ báo cáo giao dịch nộp tiền mặt.

Điều 7. Chế độ báo cáo giao dịch đáng ngờ

1. Đối tượng báo cáo có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan thực hiện chức năng, nhiệm vụ phòng, chống rửa tiền khi phát hiện giao dịch đáng ngờ theo quy định tại Điều 26 Luật Phòng, chống rửa tiền. Báo cáo được thực hiện bằng văn bản giấy theo Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này hoặc báo cáo bằng dữ liệu điện tử khi triển khai thiết lập được hệ thống công nghệ thông tin tương thích phục vụ cho việc báo cáo bằng dữ liệu điện tử theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư này và không áp dụng trong trường hợp báo cáo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác theo quy định tại khoản 3 Điều 37 Luật Phòng, chống rửa tiền.

2. Việc báo cáo giao dịch đáng ngờ theo quy định tại Điều 26 Luật Phòng, chống rửa tiền không phụ thuộc vào lượng tiền giao dịch của khách hàng, giao dịch đó đã hoàn thành hay chưa.

3. Cơ quan thực hiện chức năng, nhiệm vụ phòng, chống rửa tiền có trách

nhiệm xác nhận việc đã nhận được báo cáo giao dịch đáng ngờ thông qua hình thức gửi thư điện tử đến địa chỉ thư điện tử của cá nhân hoặc bộ phận theo quy định tại điểm b khoản 9 Điều 5 Thông tư này hoặc bằng văn bản giấy trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo giao dịch đáng ngờ; trao đổi với đối tượng báo cáo những vấn đề phát sinh (nếu có).

4. Tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán; cung cấp dịch vụ công chứng; cung cấp dịch vụ pháp lý của luật sư, tổ chức hành nghề luật sư phải xem xét, thu thập, phân tích thông tin để báo cáo giao dịch đáng ngờ khi kinh doanh dịch vụ kế toán; thực hiện thủ tục công chứng, thay mặt khách hàng chuẩn bị các điều kiện để thực hiện giao dịch hoặc thay mặt khách hàng thực hiện giao dịch chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản khác gắn liền với đất; quản lý tiền, chứng khoán hoặc tài sản khác của khách hàng; quản lý tài khoản của khách hàng tại ngân hàng, công ty chứng khoán; điều hành, quản lý công ty; tham gia vào hoạt động mua, bán doanh nghiệp thay mặt khách hàng.

Điều 8. Giao dịch chuyển tiền điện tử

1. Tổ chức tài chính tham gia vào giao dịch chuyển tiền điện tử bao gồm:

a) Tổ chức tài chính khởi tạo là tổ chức khởi tạo lệnh chuyển tiền điện tử và thực hiện chuyển tiền thay mặt cho người khởi tạo;

b) Tổ chức tài chính trung gian là tổ chức nhận và chuyển lệnh chuyển tiền điện tử thay mặt cho tổ chức tài chính khởi tạo và tổ chức tài chính thụ hưởng hoặc thay mặt cho tổ chức tài chính trung gian khác;

c) Tổ chức tài chính thụ hưởng là tổ chức nhận lệnh chuyển tiền điện tử trực tiếp từ tổ chức tài chính khởi tạo hoặc thông qua tổ chức tài chính trung gian và thực hiện chi trả cho người thụ hưởng.

2. Tổ chức tài chính trong nước là tổ chức tài chính khởi tạo trong giao dịch chuyển tiền điện tử chỉ được thực hiện giao dịch chuyển tiền điện tử khi lệnh chuyển tiền điện tử có đầy đủ, chính xác thông tin theo quy định của pháp luật về thanh toán không dùng tiền mặt và quản lý ngoại hối.

3. Tổ chức tài chính trong nước là tổ chức tài chính trung gian tham gia giao dịch chuyển tiền điện tử phải bảo đảm:

a) Có biện pháp để xác định các giao dịch chuyển tiền điện tử không đầy đủ, không chính xác thông tin theo quy định của pháp luật về thanh toán không dùng tiền mặt và quản lý ngoại hối;

b) Áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp bao gồm từ chối hoặc tạm dừng giao dịch hoặc áp dụng các biện pháp kiểm soát sau giao dịch hoặc xem xét, báo cáo giao dịch đáng ngờ đối với các giao dịch chuyển tiền điện tử không đầy đủ, không chính xác thông tin theo quy định của pháp luật về thanh toán không

dùng tiền mặt và quản lý ngoại hối.

4. Tổ chức tài chính trong nước là tổ chức tài chính thụ hưởng trong giao dịch chuyển tiền điện tử phải bảo đảm:

a) Có biện pháp để xác định các giao dịch chuyển tiền điện tử không đầy đủ, không chính xác theo quy định của pháp luật về thanh toán không dùng tiền mặt và quản lý ngoại hối;

b) Áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp bao gồm từ chối hoặc tạm dừng giao dịch hoặc áp dụng các biện pháp kiểm soát sau giao dịch hoặc xem xét, báo cáo giao dịch đáng ngờ đối với các giao dịch chuyển tiền điện tử không đầy đủ, không chính xác thông tin theo quy định của pháp luật về thanh toán không dùng tiền mặt và quản lý ngoại hối.

Điều 9. Chế độ báo cáo giao dịch chuyển tiền điện tử

1. Đối tượng báo cáo có trách nhiệm thu thập thông tin tại khoản 3 Điều này và báo cáo Cơ quan thực hiện chức năng, nhiệm vụ phòng, chống rửa tiền bằng dữ liệu điện tử theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư này khi thực hiện giao dịch chuyển tiền điện tử trong các trường hợp sau đây:

a) Giao dịch chuyển tiền điện tử mà tất cả các tổ chức tài chính tham gia giao dịch chuyển tiền điện tử quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư này cùng ở Việt Nam (sau đây gọi là giao dịch chuyển tiền điện tử trong nước) có giá trị giao dịch chuyển tiền điện tử từ 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng trở lên hoặc bằng ngoại tệ có giá trị tương đương;

b) Giao dịch chuyển tiền điện tử mà có ít nhất một trong các tổ chức tài chính tham gia giao dịch chuyển tiền điện tử quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư này ở các quốc gia, vùng lãnh thổ ngoài Việt Nam (sau đây gọi là giao dịch chuyển tiền điện tử quốc tế) có giá trị giao dịch chuyển tiền điện tử từ 1.000 (một nghìn) đô la Mỹ trở lên hoặc bằng ngoại tệ khác có giá trị tương đương.

2. Trường hợp đối tượng báo cáo là tổ chức tài chính trung gian trong giao dịch chuyển tiền điện tử không phải thực hiện báo cáo theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Nội dung báo cáo giao dịch chuyển tiền điện tử tối thiểu gồm các thông tin sau:

a) Thông tin về tổ chức tài chính khởi tạo và thụ hưởng bao gồm: tên giao dịch của tổ chức hoặc chi nhánh giao dịch; địa chỉ trụ sở chính (hoặc mã ngân hàng đối với giao dịch chuyển tiền điện tử trong nước, mã SWIFT đối với chuyển tiền điện tử quốc tế); quốc gia nhận và chuyển tiền;

b) Thông tin về khách hàng là cá nhân tham gia giao dịch chuyển tiền điện

từ: họ và tên, ngày, tháng, năm sinh; số Chứng minh nhân dân hoặc số Căn cước công dân hoặc số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu; số thị thực nhập cảnh (nếu có); địa chỉ đăng ký thường trú hoặc nơi ở hiện tại khác (nếu có); quốc tịch (theo chứng từ giao dịch);

c) Thông tin về khách hàng là tổ chức tham gia giao dịch chuyển tiền điện tử: tên giao dịch đầy đủ và viết tắt (nếu có); địa chỉ trụ sở chính; số giấy phép thành lập hoặc mã số doanh nghiệp hoặc mã số thuế; quốc gia nơi đặt trụ sở chính;

d) Thông tin về giao dịch: số tài khoản (nếu có); số tiền; loại tiền; số tiền được quy đổi sang đồng Việt Nam (nếu loại tiền giao dịch là ngoại tệ); lý do, mục đích giao dịch; mã giao dịch; ngày giao dịch;

đ) Thông tin khác theo yêu cầu của Cơ quan thực hiện chức năng, nhiệm vụ phòng, chống rửa tiền để phục vụ công tác quản lý nhà nước về phòng, chống rửa tiền trong từng thời kỳ.

4. Các thông tin về ngày, tháng, năm sinh, số Chứng minh nhân dân hoặc số Căn cước công dân hoặc số định danh cá nhân hoặc số Hộ chiếu, số thị thực nhập cảnh (nếu có) quy định tại điểm b khoản 3 Điều này; số giấy phép thành lập hoặc mã số doanh nghiệp hoặc mã số thuế theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều này là không bắt buộc đối với:

a) Người thụ hưởng trong giao dịch chuyển tiền điện tử quốc tế từ Việt Nam ra nước ngoài;

b) Người khởi tạo trong giao dịch chuyển tiền điện tử quốc tế từ nước ngoài về Việt Nam.

5. Các giao dịch chuyển tiền điện tử không phải báo cáo bao gồm:

a) Giao dịch chuyển tiền bắt nguồn từ giao dịch sử dụng thẻ ghi nợ, thẻ tín dụng hoặc thẻ trả trước để thanh toán tiền hàng hóa dịch vụ;

b) Giao dịch chuyển tiền và thanh toán giữa các tổ chức tài chính mà người khởi tạo và người thụ hưởng đều là các tổ chức tài chính.

Điều 10. Hình thức và thời hạn báo cáo dữ liệu điện tử

1. Hình thức báo cáo dữ liệu điện tử:

a) Đối tượng báo cáo thiết lập đường truyền, kết nối mạng truyền tin với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thông qua Cục Công nghệ thông tin để gửi báo cáo, thông tin về phòng, chống rửa tiền;

b) Báo cáo dữ liệu điện tử được truyền qua đường truyền, mạng truyền tin quy định tại điểm a khoản này. Báo cáo dữ liệu điện tử phải theo đúng định dạng dữ liệu, cấu trúc file theo hướng dẫn của Cơ quan thực hiện chức năng, nhiệm vụ phòng, chống rửa tiền.

vụ phòng, chống rửa tiền;

c) Đối tượng báo cáo được phép thực hiện chuyển tiền điện tử phải xây dựng hệ thống công nghệ thông tin phù hợp phục vụ cho việc báo cáo bằng dữ liệu điện tử và phải có hệ thống phần mềm để quét, lọc theo danh sách đen, danh sách cảnh báo, danh sách cá nhân có ảnh hưởng chính trị quy định tại khoản 9, khoản 10 Điều 3 và khoản 1 Điều 17 Luật Phòng, chống rửa tiền, phát hiện, cảnh báo dấu hiệu đáng ngờ nhằm mục đích phòng, chống rửa tiền.

2. Thời hạn báo cáo dữ liệu điện tử: đối tượng báo cáo phải gửi báo cáo giao dịch có giá trị lớn phải báo cáo, báo cáo giao dịch chuyển tiền điện tử trước 16 giờ ngày làm việc tiếp theo ngay sau ngày phát sinh giao dịch. Nếu ngày gửi báo cáo trùng với ngày nghỉ lễ, nghỉ Tết hoặc ngày nghỉ cuối tuần, thì ngày gửi báo cáo là ngày làm việc tiếp theo ngay sau ngày nghỉ lễ, nghỉ Tết hoặc ngày nghỉ cuối tuần đó.

3. Chính sửa, bổ sung báo cáo dữ liệu điện tử:

a) Khi đối tượng báo cáo phát hiện gửi thiếu báo cáo, đối tượng báo cáo phải có văn bản giải trình và gửi báo cáo bổ sung trong 01 ngày làm việc sau khi có văn bản xác nhận của Cơ quan thực hiện chức năng, nhiệm vụ phòng, chống rửa tiền. Khi đối tượng báo cáo phát hiện thông tin, dữ liệu báo cáo đã gửi cho Cơ quan thực hiện chức năng, nhiệm vụ phòng, chống rửa tiền có sai sót, đối tượng báo cáo phải có văn bản hoặc thư điện tử giải trình, chỉnh sửa và gửi lại báo cáo trong 01 ngày làm việc kể từ ngày phát hiện;

b) Khi đối tượng báo cáo nhận được thông báo của Cơ quan thực hiện chức năng, nhiệm vụ phòng, chống rửa tiền về việc thiếu hoặc sai sót của báo cáo, đối tượng báo cáo phải có văn bản hoặc thư điện tử giải trình, bổ sung hoặc chỉnh sửa và gửi lại báo cáo chậm nhất trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo;

c) Khi đối tượng báo cáo nhận được thông báo của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về việc rà soát, bổ sung báo cáo, đối tượng báo cáo phải thông báo cho Cơ quan thực hiện chức năng, nhiệm vụ phòng, chống rửa tiền và có văn bản giải trình, gửi báo cáo chỉnh sửa, bổ sung sau khi có văn bản xác nhận của Cơ quan thực hiện chức năng, nhiệm vụ phòng, chống rửa tiền.

4. Đối tượng báo cáo phải đăng ký bằng văn bản với Cơ quan thực hiện chức năng, nhiệm vụ phòng, chống rửa tiền về người phụ trách báo cáo bằng dữ liệu điện tử, bao gồm các thông tin: họ tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc, số điện thoại, địa chỉ thư điện tử và phải thông báo bằng văn bản khi có sự thay đổi thông tin về người phụ trách báo cáo này.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 7 năm 2023, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Quy định về quy trình quản lý rủi ro về rửa tiền tại khoản 2 Điều 5, quy định về chế độ báo cáo giao dịch có giá trị lớn phải báo cáo tại Điều 6, quy định về chế độ báo cáo giao dịch chuyển tiền điện tử tại Điều 9 và các mẫu báo cáo giao dịch đáng ngờ tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 12 năm 2023. Trong thời gian khoản 2 Điều 5, Điều 6, Điều 9, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này chưa có hiệu lực thi hành, đối tượng báo cáo tiếp tục thực hiện các quy định về quy trình quản lý rủi ro, báo cáo giao dịch có giá trị lớn phải báo cáo, báo cáo giao dịch chuyển tiền điện tử, mẫu báo cáo giao dịch đáng ngờ bằng văn bản giấy tại khoản 2 Điều 3a, Điều 5, Điều 7, Điều 10, Mẫu biểu số 01 Thông tư số 35/2013/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện một số quy định về phòng, chống rửa tiền (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 31/2014/TT-NHNN ngày 11 tháng 11 năm 2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 35/2013/TT-NHNN và khoản 2, khoản 4 Điều 1 Thông tư số 20/2019/TT-NHNN ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 35/2013/TT-NHNN).

3. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành theo quy định tại khoản 1 Điều này, các Thông tư sau hết hiệu lực thi hành:

a) Thông tư số 35/2013/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, trừ quy định về báo cáo giao dịch có giá trị lớn phải báo cáo, báo cáo giao dịch chuyển tiền điện tử, mẫu báo cáo giao dịch đáng ngờ bằng văn bản giấy tại Điều 5, Điều 7, Điều 10, Mẫu biểu số 01 hết hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 12 năm 2023;

b) Thông tư số 31/2014/TT-NHNN ngày 11 tháng 11 năm 2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, trừ quy định về báo cáo giao dịch chuyển tiền điện tử tại khoản 3 Điều 1 hết hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 12 năm 2023;

c) Thông tư số 20/2019/TT-NHNN ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, trừ quy định về quy trình quản lý rủi ro và giao dịch chuyển tiền điện tử tại khoản 2, khoản 4 Điều 1 hết hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 12 năm 2023.

Điều 12. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Thủ trưởng Cơ quan thực hiện chức năng, nhiệm vụ phòng, chống rửa tiền, Thủ trưởng các

đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và đối tượng báo cáo là tổ chức chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện Thông tư này, nếu có vướng mắc, đề nghị tổ chức, cá nhân, đối tượng báo cáo phản ánh về Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (qua Cơ quan thực hiện chức năng, nhiệm vụ phòng, chống rửa tiền) để có hướng dẫn. / *phai*

Nơi nhận:

- Như khoản 1 Điều 12;
- Ban Lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Công báo;
- Lưu: VP, PC, TTGSNH5 *hu*

**KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC**



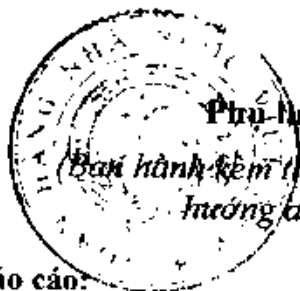
Phạm Tiến Dũng



DANH MỤC PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2023/TT-NHNN ngày 28 tháng 7 năm 2023
2023 hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Phòng, chống rửa tiền)

Số phụ lục	Tên phụ lục
Phụ lục I	Mẫu báo cáo giao dịch có giá trị lớn phải báo cáo
Phụ lục II	Các mẫu báo cáo giao dịch đáng ngờ
Mẫu số 01/Phụ lục II	Mẫu báo cáo giao dịch đáng ngờ áp dụng cho đối tượng báo cáo là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoạt động tại Việt Nam
Mẫu số 02/Phụ lục II	Mẫu báo cáo giao dịch đáng ngờ áp dụng cho đối tượng báo cáo là tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán
Mẫu số 03/Phụ lục II	Mẫu báo cáo giao dịch đáng ngờ áp dụng cho đối tượng báo cáo là tổ chức kinh doanh bảo hiểm nhân thọ
Mẫu số 04/Phụ lục II	Mẫu báo cáo giao dịch đáng ngờ áp dụng cho đối tượng báo cáo là tổ chức kinh doanh chứng khoán
Mẫu số 05/Phụ lục II	Mẫu báo cáo giao dịch đáng ngờ áp dụng cho đối tượng báo cáo là tổ chức kinh doanh bất động sản
Mẫu số 06/Phụ lục II	Mẫu báo cáo giao dịch đáng ngờ áp dụng cho đối tượng báo cáo là tổ chức kinh doanh trò chơi có thưởng, bao gồm: trò chơi điện tử có thưởng; trò chơi trên mạng viễn thông, mạng Internet; casino; xổ số; đặt cược
Mẫu số 07/Phụ lục II	Mẫu báo cáo giao dịch đáng ngờ áp dụng cho đối tượng báo cáo là tổ chức/cá nhân kinh doanh ngành, nghề phi tài chính có liên quan (trừ các tổ chức kinh doanh bất động sản, trò chơi có thưởng) và tổ chức khác



Phụ lục 1: Mẫu báo cáo giao dịch có giá trị lớn phải báo cáo

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2023/TT-NHNN ngày 28 tháng 7 năm 2023
hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Phòng, chống rửa tiền)*

Tên đối tượng báo cáo:

Địa chỉ:

Ngày thực hiện giao dịch: dd/mm/yyyy

; Số điện thoại:

STT	Loại giao dịch	Tên khách hàng	Địa chỉ	Quốc gia/Quốc tịch	Ngày, tháng, năm sinh	Giấy tờ nhận dạng khách hàng		Loại hàng hóa, dịch vụ	Số lượng và đơn vị tính	Số tiền giao dịch	Loại tiền giao dịch	Số tiền được quy đổi sang VND	Số tài khoản	Địa điểm phát sinh giao dịch	Lý do/Mục đích giao dịch	Mã giao dịch	Ghi chú
						Cá nhân	Tổ chức										
						Số CMND/CCCD/ Số định danh cá nhân/ Hộ chiếu	Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế/Số giấy phép thành lập										
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
1																	
2																	

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP ⁽¹⁸⁾

(Ký và ghi rõ họ tên)

Hướng dẫn:

(1) Ký hiệu loại giao dịch

C. Khách hàng thực hiện giao dịch nộp/gửi tiền mặt vào tài khoản hoặc sử dụng tiền mặt thực hiện giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ do đối tượng báo cáo cung cấp;

D. Khách hàng thực hiện giao dịch rút tiền mặt từ tài khoản hoặc nhận tiền mặt từ đối tượng báo cáo;

(2) Họ và tên (đối với khách hàng là cá nhân), tên đầy đủ và tên viết tắt (nếu có) (đối với khách hàng là tổ chức);

(3) Địa chỉ thường trú đối với khách hàng cá nhân thực hiện giao dịch, địa chỉ trụ sở chính đối với khách hàng tổ chức thực hiện giao dịch;

(4) Quốc gia/Quốc tịch của khách hàng thực hiện giao dịch (02 ký tự theo chuẩn ISO-3166);

(5) Ngày, tháng, năm sinh của khách hàng là cá nhân thực hiện giao dịch;

(6) Số chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc số định danh cá nhân hoặc hộ chiếu đối với khách hàng là cá nhân thực hiện giao dịch;

(7) Mã số doanh nghiệp hoặc mã số thuế hoặc số giấy phép thành lập hoặc quyết định thành lập đối với khách hàng là tổ chức thực hiện giao dịch;

(8) Loại hàng hóa, dịch vụ do đối tượng báo cáo cung cấp cho khách hàng (Ví dụ: Căn hộ, Thửa đất, Vàng miếng, Vàng trang sức, ...) mà khách hàng sử dụng tiền mặt để mua hàng hóa, dịch vụ đó;

(9) Số lượng và đơn vị tính của hàng hóa, dịch vụ do đối tượng báo cáo cung cấp cho khách hàng (Ví dụ: 100m², 10 gram, 05 vé số, đồng tiền quy ước trong hoạt động trò chơi có thưởng, ...) mà khách hàng sử dụng tiền mặt để mua hàng hóa, dịch vụ đó;

(10) Số tiền thực hiện giao dịch;

(11) Ký hiệu loại tiền thực hiện giao dịch (03 ký tự theo chuẩn ISO-4217);

(12) Nếu là ngoại tệ thì quy đổi về đồng Việt Nam theo tỷ giá hạch toán mua và tỷ giá hạch toán bán của đối tượng báo cáo;

(13) Số tài khoản của khách hàng khi thực hiện giao dịch;

(14) Ghi rõ địa điểm thực hiện giao dịch của khách hàng với đối tượng báo cáo;

(15) Nếu rõ lý do, mục đích khách hàng thực hiện giao dịch đối với giao dịch sử dụng tiền mặt để mua hàng hóa, dịch vụ do đối tượng báo cáo cung cấp; đối với giao dịch nộp/gửi tiền mặt vào tài khoản, giao dịch rút tiền mặt từ tài khoản, nhận tiền mặt từ đối tượng báo cáo thì ghi nội dung giao dịch;

(16) Mã số thực hiện giao dịch (nếu có), trường hợp là các hợp đồng, thỏa thuận pháp lý giữa cá nhân, tổ chức thì ghi số hợp đồng, số thỏa thuận pháp lý đó;

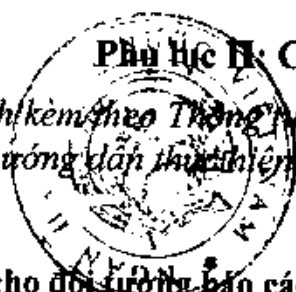
(17) Thông tin bổ sung cho quốc tịch, số giấy tờ nhận dạng khác (nếu có), thông tin khác (nếu có);

(18) Tổng giám đốc/Giám đốc hoặc người được ủy quyền đối với đối tượng báo cáo là tổ chức; Cá nhân hoặc người được cá nhân ủy quyền đối với đối tượng báo cáo là cá nhân

Lưu ý:

- Báo cáo từng giao dịch của khách hàng có tổng giá trị giao dịch (theo từng loại ký hiệu giao dịch C hoặc D nêu trên) trong một ngày bằng hoặc vượt mức quy định,
- Trường hợp khách hàng nộp ngoại tệ tiền mặt có giá trị lớn để mua đồng Việt Nam hoặc nộp tiền mặt bằng đồng Việt Nam có giá trị lớn để mua ngoại tệ tiền mặt thì chỉ báo cáo giao dịch nộp tiền mặt.
- Ghi đầy đủ, chi tiết từng cột. Nếu không có thông tin, ghi "Không".





Phụ lục II: Các mẫu báo cáo giao dịch đáng ngờ

(Ban hành/kèm theo Thông tư số 09/2023/TT-NHNN ngày 28 tháng 7 năm 2023 hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Phòng, chống rửa tiền)

Mẫu số 01

Áp dụng cho đối tượng báo cáo là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoạt động tại Việt Nam

BÁO CÁO GIAO DỊCH ĐÁNG NGỜ Ngày..... tháng..... năm.....		Số báo cáo: abcd/yyyy
PHẢI ĐIỀN ĐẦY ĐỦ THÔNG TIN VÀO CÁC TRƯỜNG YÊU CẦU CÓ DẤU * (Xem phần Hướng dẫn điền báo cáo)		
Báo cáo này có sửa đổi/bổ sung/thay thế báo cáo nào trước không?*		
☐ Không	☐ Có sửa đổi/bổ sung cho Báo cáo số..... ngày..... ☐ Có thay thế cho Báo cáo số..... ngày.....	
Phần I	THÔNG TIN VỀ ĐỐI TƯỢNG BÁO CÁO	
1. Thông tin về đối tượng báo cáo*		
a. Tên đối tượng báo cáo:		
b. Mã đối tượng báo cáo: định dạng aa.bbb		
c. Địa chỉ (số nhà, đường/phố):		
Quận/Huyện:	Tỉnh/Thành phố:	Quốc gia:
d. Điện thoại:		
đ. Tên điểm phát sinh giao dịch hoặc đơn vị quản lý tài khoản:		
e. Địa chỉ điểm phát sinh giao dịch hoặc địa chỉ đơn vị quản lý tài khoản:		
Quận/Huyện:	Tỉnh/Thành phố:	Quốc gia:
g. Điện thoại:		
h. Địa chỉ email của đơn vị (nhận email xác nhận của Cơ quan thực hiện chức năng, nhiệm vụ phòng, chống rửa tiền thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam):		
2. Thông tin về người chịu trách nhiệm về phòng, chống rửa tiền và người lập báo cáo		
2.1. Thông tin về người chịu trách nhiệm về phòng, chống rửa tiền		
a. Họ và tên:		
b. Điện thoại nơi làm việc:	c. Điện thoại di động:	
d. Chức vụ:		
2.2. Thông tin về người lập báo cáo*		
a. Họ và tên:		
b. Điện thoại nơi làm việc:	c. Điện thoại di động:	

d. Bộ phận công tác:				
Phần II		THÔNG TIN VỀ CÁ NHÂN, TỔ CHỨC THỰC HIỆN GIAO DỊCH ĐĂNG NGỜ		
1. Thông tin về cá nhân thực hiện giao dịch				
a. Họ và tên*:				
b. Ngày, tháng, năm sinh*:				
c. Độ tuổi:				
☐ Dưới 20 tuổi ☐ Từ 20 tuổi đến dưới 30 tuổi ☐ Từ 30 tuổi đến dưới 40 tuổi ☐ Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi ☐ Từ 50 tuổi trở lên				
d. Giới tính*:				
☐ Nam ☐ Nữ ☐ Khác				
đ. Quốc tịch*:				
☐ Việt Nam ☐ Nước ngoài: (tên quốc gia.....) ☐ Không quốc tịch				
e. Nghề nghiệp*:				
☐ Công chức/viên chức ☐ Học sinh/sinh viên ☐ Giáo viên/bác sĩ ☐ Nội trợ ☐ Kinh doanh tự do ☐ Kỹ sư ☐ Công nhân ☐ Nông dân ☐ Khác				
g. Chức vụ/vị trí việc làm:				
h. Địa chỉ đăng ký thường trú*:				
Quận/Huyện:		Tỉnh/Thành phố:		Quốc gia:
i. Nơi ở hiện tại*:				
Quận/Huyện:		Tỉnh/Thành phố:		Quốc gia:
k. Thông tin định danh cá nhân*:				
☐ CMND ☐ CCCD ☐ Hộ chiếu ☐ Định danh cá nhân	Số:	Ngày cấp:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
☐ Thị thực nhập cảnh:				
Số thị thực:	Ngày cấp:	Ngày hết hạn:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
☐ Giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế/thẻ cư trú:				
Số thẻ:	Ngày cấp:	Ngày hết hạn:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
l. Số điện thoại liên lạc*:				
m. Danh sách các số tài khoản*:				

Số tài khoản:	Ngân hàng mở tài khoản:	Loại tiền:	Loại tài khoản:	Ngày mở tài khoản:	Tình trạng tài khoản ☐ Còn hoạt động ☐ Đã đóng ☐ Đang bị phong tỏa
n. Thông tin khác bổ sung của cá nhân: - Trình độ văn hóa: - Thư điện tử (email):					
o. Thông tin về người được ủy quyền sử dụng tài khoản (nếu có):					
o1. Họ và tên:					
o2. Thông tin định danh cá nhân:					
☐ CMND ☐ CCCD ☐ Hộ chiếu ☐ Định danh cá nhân ☐ Khác	Số:	Ngày cấp:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:	
2. Thông tin về tổ chức thực hiện giao dịch					
2.1. Thông tin về tổ chức					
a. Tên đầy đủ của tổ chức*:					
b. Tên tiếng nước ngoài (nếu có):					
c. Tên viết tắt (nếu có):					
d. Địa chỉ*:					
Quận/Huyện:		Tỉnh/Thành phố:		Quốc gia:	
đ. Giấy phép thành lập số:		Ngày cấp:		Nơi cấp:	
e. Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế*:		Ngày cấp:		Nơi cấp:	
g. Loại hình tổ chức*:					
☐ Công ty TNHH Một thành viên ☐ Công ty TNHH Hai thành viên trở lên ☐ Công ty cổ phần ☐ Công ty hợp danh ☐ Doanh nghiệp tư nhân ☐ Tổ chức phi lợi nhuận ☐ Khác (mô tả rõ)					
h. Ngành nghề kinh doanh chính:					
i. Số điện thoại liên lạc*:					
k. Địa chỉ trang thông tin điện tử của doanh nghiệp (tổ chức):					

1. Danh sách các số tài khoản*:

Số tài khoản:	Ngân hàng mở tài khoản:	Loại tiền:	Loại tài khoản:	Ngày mở tài khoản:	Tình trạng tài khoản ☐ Còn hoạt động ☐ Đã đóng ☐ Đang bị phong tỏa
---------------	-------------------------	------------	-----------------	--------------------	--

2.2. Thông tin về người đại diện theo pháp luật của tổ chức

a. Họ và tên*:

b. Ngày, tháng, năm sinh*:

c. Quốc tịch*:

☐ Việt Nam ☐ Nước ngoài: (tên quốc gia.....) ☐ Không quốc tịch

d. Nghề nghiệp:

đ. Chức vụ/vị trí việc làm:

e. Địa chỉ đăng ký thường trú*:

Quận/Huyện: Tỉnh/Thành phố: Quốc gia:

g. Nơi ở hiện tại*:

Quận/Huyện: Tỉnh/Thành phố: Quốc gia:

h. Thông tin định danh cá nhân*:

☐ CMND ☐ CCCD ☐ Hộ chiếu ☐ Định danh cá nhân	Số:	Ngày cấp:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
---	-----	-----------	----------------------------	----------

☐ Thị thực nhập cảnh:

Số thị thực:	Ngày cấp:	Ngày hết hạn:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
--------------	-----------	---------------	----------------------------	----------

i. Số điện thoại liên lạc:

2.3. Thông tin về người được ủy quyền sử dụng tài khoản của chủ tài khoản là tổ chức

a. Họ và tên*:

b. Quan hệ với chủ tài khoản:

c. Thông tin định danh cá nhân*:

☐ CMND ☐ CCCD ☐ Hộ chiếu ☐ Định danh cá nhân:	Số:	Ngày cấp:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
--	-----	-----------	----------------------------	----------

☐ Thị thực nhập cảnh:

Số thị thực:	Ngày cấp:	Ngày hết hạn:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
3. Thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi				
☐ Trùng với cá nhân tại mục 1 ☐ Trùng với cá nhân tại mục 2.2 ☐ Trùng với cá nhân tại mục 2.3		☐ Khác		
<i>Điền các thông tin bên dưới (từ a đến l) trong trường hợp chủ sở hữu hưởng lợi khác với cá nhân tại mục 1, 2.2, 2.3:</i>				
a. Họ và tên*:				
b. Ngày, tháng, năm sinh*:				
c. Độ tuổi:				
☐ Dưới 20 tuổi ☐ Từ 20 tuổi đến dưới 30 tuổi ☐ Từ 30 tuổi đến dưới 40 tuổi ☐ Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi ☐ Từ 50 tuổi trở lên				
d. Giới tính*:				
☐ Nam ☐ Nữ ☐ Khác				
đ. Quốc tịch*:				
☐ Việt Nam ☐ Nước ngoài: (tên quốc gia.....) ☐ Không quốc tịch				
e. Nghề nghiệp*:				
☐ Công chức/viên chức ☐ Học sinh/sinh viên ☐ Giáo viên/bác sĩ ☐ Nội trợ ☐ Kinh doanh tự do ☐ Kỹ sư ☐ Công nhân ☐ Nông dân ☐ Khác				
g. Chức vụ/vị trí việc làm:				
h. Địa chỉ đăng ký thường trú*:				
Quận/Huyện:		Tỉnh/Thành phố:	Quốc gia:	
i. Nơi ở hiện tại*:				
Quận/Huyện:		Tỉnh/Thành phố:	Quốc gia:	
k. Thông tin định danh cá nhân*:				
☐ CMND ☐ CCCD ☐ Hộ chiếu ☐ Định danh cá nhân	Số:	Ngày cấp:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
☐ Thị thực nhập cảnh:				
Số thị thực:	Ngày cấp:	Ngày hết hạn:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
☐ Giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế/thẻ cư trú:				
Số thẻ:	Ngày cấp:	Ngày hết hạn:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:

l. Số điện thoại liên lạc*:				
4. Thông tin khác bổ sung				
Phần III		THÔNG TIN VỀ CÁ NHÂN, TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN GIAO DỊCH ĐĂNG NGỜ		
1. Thông tin về cá nhân liên quan đến giao dịch				
a. Họ và tên:				
b. Ngày, tháng, năm sinh:				
c. Độ tuổi:				
☐ Dưới 20 tuổi ☐ Từ 20 tuổi đến dưới 30 tuổi ☐ Từ 30 tuổi đến dưới 40 tuổi ☐ Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi ☐ Từ 50 tuổi trở lên				
d. Giới tính:				
☐ Nam ☐ Nữ ☐ Khác				
đ. Quốc tịch:				
☐ Việt Nam ☐ Nước ngoài: (tên quốc gia.....) ☐ Không quốc tịch				
e. Nghề nghiệp:				
☐ Công chức/viên chức ☐ Học sinh/sinh viên ☐ Giáo viên/bác sĩ ☐ Nội trợ ☐ Kinh doanh tự do ☐ Kỹ sư ☐ Công nhân ☐ Nông dân ☐ Khác				
g. Địa chỉ đăng ký thường trú:				
Quận/Huyện:		Tỉnh/Thành phố:		Quốc gia:
h. Nơi ở hiện tại:				
Quận/Huyện/Thị trấn:		Tỉnh/Thành phố:		Quốc gia:
i. Thông tin định danh cá nhân:				
☐ CMND ☐ CCCD ☐ Hộ chiếu ☐ Định danh cá nhân:	Số:	Ngày cấp:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
☐ Thị thực nhập cảnh:				
Số thị thực:	Ngày cấp:	Ngày hết hạn:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
k. Số điện thoại liên lạc:				
l. Danh sách các số tài khoản:				

- Dòng tiền vào liên quan đến cá nhân, tổ chức thực hiện giao dịch (ghi có vào tài khoản) (trong trường hợp tài khoản của khách hàng có phát sinh giao dịch):

Họ và tên người chuyển tiền/ nộp tiền mặt	Số CMND/ CCCD/ Hộ chiếu/ định danh cá nhân áp dụng cho trường hợp nộp tiền mặt	Số tài khoản áp dụng cho trường hợp chuyển khoản	Tên ngân hàng chuyển tiền	Tổng số tiền (Đ/vị: nghìn đồng)	Tổng số lượng giao dịch	Khoảng thời gian giao dịch	Loại tiền	Nội dung giao dịch

- Dòng tiền ra liên quan đến cá nhân, tổ chức thực hiện giao dịch (ghi nợ vào tài khoản) (trong trường hợp tài khoản của khách hàng có phát sinh giao dịch):

Họ và tên người chuyển tiền/ rút tiền mặt	Số CMND/ CCCD/ Hộ chiếu/ định danh cá nhân áp dụng cho trường hợp rút tiền mặt	Số tài khoản áp dụng cho trường hợp chuyển khoản	Tên ngân hàng nhận tiền	Tổng số tiền (Đ/vị: nghìn đồng)	Tổng số lượng giao dịch	Khoảng thời gian giao dịch	Loại tiền	Nội dung giao dịch

- Minh họa bằng sơ đồ dòng tiền (nếu có).

- Mô tả cụ thể, rõ ràng về các dấu hiệu, nhân tố, tình huống bất thường/đáng ngờ liên quan đến các giao dịch và cá nhân, tổ chức nêu trên*:

b) Cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch liên quan đến các dấu hiệu nêu trên được xác định từ việc xem xét, thu thập và phân tích thông tin theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 26 Luật Phòng, chống rửa tiền:

- Thông báo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc xác định bị can, bị cáo, người bị kết án:

- Cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch là tài sản thuộc quyền sở hữu hoặc có nguồn gốc thuộc quyền sở hữu, quyền kiểm soát của bị can, bị cáo, người bị kết án đó:

.....

c) Hoặc cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch liên quan đến các dấu hiệu nêu trên được xác định từ việc xem xét, thu thập và phân tích thông tin theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 26 Luật Phòng, chống rửa tiền (kết quả phân tích, đánh giá của đối tượng báo cáo đối với khách hàng, giao dịch phải báo cáo):

3. Ngày phát hiện giao dịch đáng ngờ*:

Phần V	NHỮNG CÔNG VIỆC ĐÃ XỬ LÝ LIÊN QUAN ĐẾN GIAO DỊCH ĐÁNG NGỜ
Liệt kê cụ thể những công việc đã thực hiện liên quan đến việc xử lý báo cáo giao dịch đáng ngờ, ví dụ: - Từ chối thực hiện giao dịch; - Tạm khóa tài khoản; - Chấm dứt thiết lập giao dịch với khách hàng; - Giám sát sau giao dịch; - Đưa vào hệ thống cảnh báo của đối tượng báo cáo; - Công việc khác	
Phần VI	TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM
- Hồ sơ mở tài khoản của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch và liên quan đến giao dịch (nếu mở tài khoản tại đối tượng báo cáo); - Sao kê tài khoản giao dịch từ trước ngày phát sinh giao dịch đáng ngờ ít nhất 6 tháng đến ngày báo cáo giao dịch đáng ngờ của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch và cá nhân/tổ chức liên quan đến giao dịch (nếu mở tài khoản tại đối tượng báo cáo); - Kết quả phân tích, đánh giá cuối cùng của đối tượng báo cáo đối với khách hàng, giao dịch phải báo cáo; - Tài liệu, chứng từ khác có liên quan đến giao dịch đáng ngờ (bản sao điện chuyển tiền, giấy rút tiền, nộp tiền, phiếu chuyển khoản...) được thể hiện ở phần mô tả, phân tích chi tiết lý do giao dịch đáng ngờ.	

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO*
(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG PHÒNG (bộ phận)*
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP*
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

HƯỚNG DẪN ĐIỀN BÁO CÁO GIAO DỊCH ĐÁNG NGỜ:

Tất cả các trường có dấu (*) là thông tin bắt buộc, không được để trống.

Số báo cáo: theo định dạng abcd/yyyy. Trong đó: abcd là số thứ tự trong năm tài chính; yyyy là năm tài chính (VD: 0010/2023).

Phần I:

(1b): Định dạng của mã đối tượng báo cáo là aa.bbb. Trong đó: aa là mã tỉnh thành đặt trụ sở chính của đối tượng báo cáo; bbb là mã của hệ thống tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoạt động tại Việt Nam. Mã đối tượng báo cáo được quy định tại Thông tư số 17/2015/TT-NHNN ngày 21 tháng 10 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hệ thống mã ngân hàng dùng trong hoạt động, nghiệp vụ ngân hàng (VD: 01.201 thì 01 là Hà Nội, 201 là NH TMCP Công thương Việt Nam).

(1đ): Đối tượng báo cáo điền thông tin về tên điểm phát sinh giao dịch trong trường hợp khách hàng thực hiện trực tiếp hoặc đơn vị quản lý tài khoản trong trường hợp khách hàng thực hiện giao dịch trực tuyến.

(1e): Đối tượng báo cáo điền thông tin về địa chỉ điểm phát sinh giao dịch trong trường hợp khách hàng thực hiện trực tiếp hoặc địa chỉ đơn vị quản lý tài khoản trong trường hợp khách hàng thực hiện giao dịch trực tuyến.

(1h): Chỉ rõ 01 thư điện tử (email) đại diện chung của đối tượng báo cáo để nhận thư xác nhận của Cơ quan thực hiện chức năng, nhiệm vụ phòng, chống rửa tiền thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

(2): Ghi đầy đủ thông tin của người chịu trách nhiệm về phòng, chống rửa tiền và người lập báo cáo tại đơn vị.

(2.1a): Ghi đầy đủ họ, tên đệm, tên của người chịu trách nhiệm về phòng, chống rửa tiền tại đơn vị là chữ thường, có dấu.

(2.2a): Ghi đầy đủ họ, tên đệm, tên của người lập báo cáo là chữ thường, có dấu.

Phần II:

(1): Áp dụng cho khách hàng cá nhân (để trống hoặc có thể lược bỏ các trường thông tin này tại báo cáo nếu khách hàng là tổ chức). Trường hợp có nhiều cá nhân thực hiện giao dịch đáng ngờ thì chèn thêm các trường chi tiết tương ứng với mỗi cá nhân. Nếu có từ 10 cá nhân trở lên có thể tạo thành bảng chi tiết thông tin cá nhân, nhưng phải đảm bảo đầy đủ các thông tin như quy định tại phần này.

(1a): Ghi đầy đủ họ, tên đệm, tên của cá nhân thực hiện giao dịch bằng chữ thường, có dấu.

(1b): Ghi rõ ngày, tháng, năm sinh.

(1c): Xác định độ tuổi tính theo năm sinh của khách hàng đến thời điểm báo cáo.

(1d): Trường hợp không xác định được giới tính của khách hàng là nam hay nữ thì chọn vào ô "Khác".

(1h): Điền thông tin đối với khách hàng cá nhân có quốc tịch là người Việt Nam.

(1i):

- Điền thông tin này khi khách hàng cá nhân có quốc tịch là người Việt Nam có địa chỉ nơi ở hiện tại khác với địa chỉ đăng ký thường trú.

- Điền thông tin địa chỉ của các khách hàng theo quy định tại điểm b, c, d, đ khoản 1 Điều 10 Luật Phòng, chống rửa tiền.

(1k): Có thể chọn một hoặc nhiều giấy tờ định danh cá nhân và điền đầy đủ thông tin đối với mỗi loại giấy tờ tương ứng.

(1m): Liệt kê tất cả tài khoản hiện có của cá nhân, tổ chức tại ngân hàng. Trường hợp có nhiều hơn một tài khoản, đề nghị chèn bổ sung thêm các hàng nhưng phải đảm bảo thông tin chi tiết đối với từng tài khoản theo các mục "Số tài khoản/Ngân hàng mở tài khoản/Loại tiền/Loại tài khoản/Ngày mở tài khoản/Tình trạng tài khoản".

(2): Áp dụng cho khách hàng là tổ chức (để trống hoặc có thể lược bỏ các trường thông tin

này tại báo cáo nếu là khách hàng cá nhân). Trường hợp có nhiều tổ chức thực hiện giao dịch đáng ngờ thì chèn thêm các trường chi tiết tương ứng với mỗi tổ chức.

(2.1b): Đề trống nếu tổ chức không có tên nước ngoài tương ứng.

(2.11): Liệt kê tất cả tài khoản hiện có của cá nhân, tổ chức tại ngân hàng. Trường hợp có nhiều hơn một tài khoản, đề nghị chèn bổ sung thêm các hàng nhưng phải đảm bảo thông tin chi tiết đối với từng tài khoản theo các mục “Số tài khoản/Ngân hàng mở tài khoản/Loại tiền/Loại tài khoản/Ngày mở tài khoản/Tình trạng tài khoản”.

(2.2): Trong trường hợp có nhiều người đại diện theo pháp luật, chèn bổ sung thêm trường thông tin và điền đủ số người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

(2.2a): Ghi đầy đủ họ, tên đệm, tên người đại diện theo pháp luật của tổ chức bằng chữ thường, có dấu.

(2.2b): Ghi rõ ngày, tháng, năm sinh.

(2.2e): Điền thông tin đối với khách hàng cá nhân có quốc tịch là người Việt Nam.

(2.2g):

- Điền thông tin này khi khách hàng cá nhân có quốc tịch là người Việt Nam có địa chỉ nơi ở hiện tại khác với địa chỉ đăng ký thường trú.

- Điền thông tin địa chỉ của các khách hàng theo quy định tại điểm b, c, d, đ khoản 1 Điều 10 Luật Phòng, chống rửa tiền.

(2.2h): Có thể chọn một hoặc nhiều giấy tờ định danh cá nhân và điền đầy đủ thông tin đối với mỗi loại giấy tờ tương ứng.

(2.3):

- Trong trường hợp có nhiều người được ủy quyền, chèn bổ sung thêm trường thông tin và điền đủ số người được ủy quyền của chủ tài khoản.

- Trường hợp người được ủy quyền trùng thông tin với người đại diện theo pháp luật thì có thể bỏ trống hoặc lược bỏ khỏi báo cáo.

(2.3a): Ghi đầy đủ họ, tên đệm, tên của người được ủy quyền của tổ chức bằng chữ thường, có dấu.

(2.3b): Nêu rõ quan hệ của người được ủy quyền với chủ tài khoản là: nhân viên, lãnh đạo, kế toán

(2.3c): Có thể chọn một hoặc nhiều giấy tờ định danh cá nhân và điền đầy đủ thông tin đối với mỗi loại giấy tờ tương ứng.

(3): Trường hợp nhiều chủ sở hữu hưởng lợi, đối tượng báo cáo chèn thêm đầy đủ các trường thông tin từ a đến l đối với mỗi chủ sở hữu hưởng lợi.

Phần III:

- Không bắt buộc trong trường hợp đối tượng báo cáo không có thông tin về cá nhân, tổ chức có liên quan tới giao dịch đáng ngờ (đối tác).

- Trong trường hợp đối tượng báo cáo có thông tin về cá nhân, tổ chức có liên quan tới giao dịch đáng ngờ: chỉ cần điền vào các trường có thông tin, không bắt buộc phải điền đầy đủ vào tất cả các trường thông tin.

(11), (2k): Liệt kê tất cả tài khoản hiện có của cá nhân, tổ chức tại ngân hàng. Trường hợp có nhiều hơn một tài khoản, đề nghị chèn bổ sung thêm trường thông tin nhưng phải đảm bảo thông tin chi tiết đối với từng tài khoản theo các mục “Số tài khoản/Ngân hàng mở tài khoản/Loại tiền/Loại tài khoản/Ngày mở tài khoản/Tình trạng tài khoản”.

Phần IV:

(1a): Nếu có phát sinh, phải đảm bảo hai yếu tố:

- Biết giao dịch được thực hiện theo yêu cầu của bị can, bị cáo, người bị kết án thông qua thông báo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

- Và có cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch là tài sản thuộc quyền sở hữu hoặc có nguồn gốc thuộc quyền sở hữu, quyền kiểm soát của bị can, bị cáo, người bị kết án đó.

(1b1): Nếu có phát sinh, ghi rõ nội dung giao dịch đáng ngờ có liên quan đến điều, khoản nào

của Luật Phòng, chống rửa tiền. Trường hợp có nhiều dấu hiệu đáng ngờ thì liệt kê tất cả các điều, khoản về dấu hiệu đáng ngờ có liên quan.

(1b2): Nếu có phát sinh, ghi rõ nội dung dấu hiệu đáng ngờ có liên quan đến rửa tiền.

(2): Mô tả cụ thể, rõ ràng và chi tiết nhất có thể về các dấu hiệu, nhân tố, tình huống bất thường dẫn tới việc đối tượng báo cáo nghi ngờ giao dịch và/hoặc tin rằng giao dịch có liên quan đến rửa tiền hay hoạt động tội phạm.

(2a): Trong bảng thông tin: Liệt kê cá nhân, tổ chức thực hiện giao dịch chủ yếu (tối đa 20 cá nhân, tổ chức có liên quan với mức giá trị lớn nhất, trường hợp nhiều hơn 20 cá nhân, tổ chức thì lập bảng chi tiết giao dịch đính kèm theo giá trị từ cao đến thấp).

(3): Ngày phát hiện giao dịch đáng ngờ theo khoản 2 Điều 37 Luật Phòng, chống rửa tiền.

Phần V: Mô tả cụ thể những công việc đã thực hiện liên quan đến việc xử lý báo cáo giao dịch đáng ngờ như nội dung hướng dẫn.

Phần VI: Các hồ sơ, tài liệu có liên quan, cần có bảng danh mục hồ sơ, tài liệu liệt kê: số thứ tự; loại hồ sơ, tài liệu gắn với tên tổ chức, cá nhân có liên quan; số lượng trang tương ứng với loại hồ sơ, tài liệu; tình trạng tài liệu (bản chụp hay sao y bản chính hay bản mềm).

Phần ký tên:

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO: theo quy định của Luật Phòng, chống rửa tiền, đơn vị báo cáo và chịu trách nhiệm với báo cáo phải là đối tượng báo cáo (hội sở) nên NGƯỜI LẬP BÁO CÁO là cán bộ tại hội sở. Trường hợp, đối tượng báo cáo ủy quyền cho chi nhánh hoặc phòng giao dịch lập báo cáo thì NGƯỜI LẬP BÁO CÁO là cán bộ của chi nhánh/Phòng giao dịch, tuy nhiên, việc này phải quy định trong Quy định nội bộ của đơn vị và đối tượng báo cáo (hội sở) phải là đơn vị chịu trách nhiệm về báo cáo.

TRƯỞNG PHÒNG (bộ phận): là trưởng phòng hoặc trưởng bộ phận kiểm soát trực tiếp báo cáo giao dịch đáng ngờ.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP: Tổng Giám đốc (Giám đốc) là lãnh đạo cấp cao chịu trách nhiệm về công tác phòng, chống rửa tiền tại đơn vị hoặc người được Tổng Giám đốc (Giám đốc) ủy quyền hợp pháp.

Lưu ý:

(i) Biểu mẫu này áp dụng cho đối tượng báo cáo báo cáo giao dịch đáng ngờ cho Cơ quan thực hiện chức năng, nhiệm vụ phòng, chống rửa tiền thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Không gửi biểu mẫu này cho cơ quan có thẩm quyền khác.

(ii) Các cá nhân, tổ chức nêu trong cùng một báo cáo giao dịch đáng ngờ phải có mối liên hệ với nhau và thể hiện trong phần mô tả, phân tích chi tiết lý do giao dịch đáng ngờ.

Mẫu số 02

Áp dụng cho đối tượng báo cáo là tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán

BÁO CÁO GIAO DỊCH ĐÁNG NGỜ <i>Ngày..... tháng..... năm.....</i>		Số báo cáo: abcd/yyyy
PHẢI ĐIỀN ĐẦY ĐỦ THÔNG TIN VÀO CÁC TRƯỜNG YÊU CẦU CÓ DẤU * (Xem phần Hướng dẫn điền báo cáo)		
Báo cáo này có sửa đổi/bổ sung/thay thế báo cáo nào trước không?		
☐ Không	☐ Có sửa đổi/bổ sung cho Báo cáo số..... ngày..... ☐ Có thay thế cho Báo cáo số..... ngày.....	
Phần I		THÔNG TIN VỀ ĐỐI TƯỢNG BÁO CÁO
1. Thông tin về đối tượng báo cáo*		
a. Tên đối tượng báo cáo:		
b. Mã đối tượng báo cáo (nếu có):		
c. Địa chỉ (số nhà, đường/phố):		
Quận/Huyện:	Tỉnh/Thành phố:	Quốc gia:
d. Điện thoại:		
đ. Tên điểm phát sinh giao dịch hoặc đơn vị quản lý tài khoản:		
e. Địa chỉ điểm phát sinh giao dịch hoặc địa chỉ đơn vị quản lý tài khoản:		
Quận/Huyện:	Tỉnh/Thành phố:	Quốc gia:
g. Điện thoại:		
h. Địa chỉ email của đơn vị (<i>nhận email xác nhận của Cơ quan thực hiện chức năng, nhiệm vụ phòng, chống rửa tiền thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam</i>):		
2. Thông tin về người chịu trách nhiệm về phòng, chống rửa tiền và người lập báo cáo		
2.1. Thông tin về người chịu trách nhiệm về phòng, chống rửa tiền		
a. Họ và tên:		
b. Điện thoại nơi làm việc:	c. Điện thoại di động:	
d. Chức vụ:		
2.2. Thông tin về người lập báo cáo*:		
a. Họ và tên:		
b. Điện thoại nơi làm việc:	c. Điện thoại di động:	
d. Bộ phận công tác:		
Phần II		THÔNG TIN VỀ CÁ NHÂN, TỔ CHỨC THỰC HIỆN GIAO DỊCH ĐÁNG NGỜ

1. Thông tin về cá nhân thực hiện giao dịch				
a. Họ và tên*:				
b. Ngày, tháng, năm sinh*:				
c. Độ tuổi:				
☐ Dưới 20 tuổi ☐ Từ 20 tuổi đến dưới 30 tuổi ☐ Từ 30 tuổi đến dưới 40 tuổi ☐ Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi ☐ Từ 50 tuổi trở lên				
d. Giới tính*:				
☐ Nam ☐ Nữ ☐ Khác				
đ. Quốc tịch*:				
☐ Việt Nam ☐ Nước ngoài: (tên quốc gia.....) ☐ Không quốc tịch				
e. Nghề nghiệp*:				
☐ Công chức/viên chức ☐ Học sinh/sinh viên ☐ Giáo viên/bác sĩ ☐ Nội trợ ☐ Kinh doanh tự do ☐ Kỹ sư ☐ Công nhân ☐ Nông dân ☐ Khác				
g. Chức vụ/vị trí việc làm:				
h. Địa chỉ đăng ký thường trú*:				
Quận/Huyện:		Tỉnh/Thành phố:		Quốc gia:
i. Nơi ở hiện tại*:				
Quận/Huyện:		Tỉnh/Thành phố:		Quốc gia:
k. Thông tin định danh cá nhân*:				
☐ CMND ☐ CCCD ☐ Hộ chiếu ☐ Định danh cá nhân	Số:	Ngày cấp:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
☐ Thị thực nhập cảnh:				
Số thị thực:	Ngày cấp:	Ngày hết hạn:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
☐ Giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế/thẻ cư trú:				
Số thẻ:	Ngày cấp:	Ngày hết hạn:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
l. Số điện thoại liên lạc*:				
m. Dịch vụ sử dụng*:				
☐ Công thanh toán điện tử ☐ Hỗ trợ thu hộ ☐ Hỗ trợ chi hộ ☐ Hỗ trợ chuyển tiền điện tử ☐ Ví điện tử ☐ Khác....				

☐ Công thanh toán điện từ:		
Số hợp đồng:	Số tài khoản ngân hàng liên quan:	Tên ngân hàng liên quan:
☐ Hỗ trợ thu hộ:		
Số hợp đồng:	Số tài khoản ngân hàng liên quan:	Tên ngân hàng liên quan:
☐ Hỗ trợ chi hộ:		
Số hợp đồng:	Số tài khoản ngân hàng liên quan:	Tên ngân hàng liên quan:
☐ Hỗ trợ chuyển tiền điện từ:		
Số tài khoản ngân hàng liên quan:		Tên ngân hàng liên quan:
☐ Ví điện tử:		
Ngày mở tài khoản ví điện tử:	Số thẻ/tài khoản ngân hàng liên kết:	Tên ngân hàng liên kết:
☐ Dịch vụ khác:		
Thông tin chi tiết của dịch vụ khác:		
2. Thông tin về tổ chức thực hiện giao dịch		
2.1. Thông tin về tổ chức		
a. Tên đầy đủ của tổ chức*:		
b. Tên tiếng nước ngoài (nếu có):		
c. Tên viết tắt (nếu có):		
d. Địa chỉ*:		
Quận/Huyện:	Tỉnh/Thành phố:	Quốc gia:
đ. Giấy phép thành lập số:	Ngày cấp:	Nơi cấp:
e. Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế*:	Ngày cấp:	Nơi cấp:
g. Loại hình tổ chức*:		
☐ Công ty TNHH Một thành viên ☐ Công ty TNHH Hai thành viên trở lên ☐ Công ty cổ phần ☐ Công ty hợp danh ☐ Doanh nghiệp tư nhân ☐ Tổ chức phi lợi nhuận ☐ Khác (mô tả rõ)		
h. Ngành nghề kinh doanh chính:		
i. Số điện thoại liên lạc*:		

k. Địa chỉ trang thông tin điện tử của doanh nghiệp (tổ chức):		
l. Dịch vụ sử dụng*:		
☐ Cổng thanh toán điện tử	☐ Hỗ trợ thu hộ	☐ Hỗ trợ chi hộ
☐ Hỗ trợ chuyển tiền điện tử	☐ Ví điện tử	☐ Khác....
☐ Cổng thanh toán điện tử:		
Số hợp đồng:	Số tài khoản ngân hàng liên quan:	Tên ngân hàng liên quan:
☐ Hỗ trợ thu hộ:		
Số hợp đồng:	Số tài khoản ngân hàng liên quan:	Tên ngân hàng liên quan:
☐ Hỗ trợ chi hộ:		
Số hợp đồng:	Số tài khoản ngân hàng liên quan:	Tên ngân hàng liên quan:
☐ Hỗ trợ chuyển tiền điện tử:		
Số tài khoản ngân hàng liên quan:		Tên ngân hàng liên quan:
☐ Ví điện tử:		
Ngày mở tài khoản ví điện tử:	Số thẻ/tài khoản ngân hàng liên kết:	Tên ngân hàng liên kết
☐ Dịch vụ khác:		
Thông tin chi tiết của dịch vụ khác:		
2.2. Thông tin về người đại diện theo pháp luật của tổ chức		
a. Họ và tên*:		
b. Ngày, tháng, năm sinh*:		
c. Quốc tịch*:		
☐ Việt Nam	☐ Nước ngoài: (tên quốc gia.....)	☐ Không quốc tịch
d. Nghề nghiệp*:		
☐ Công chức/viên chức	☐ Học sinh/sinh viên	☐ Giáo viên/bác sĩ
☐ Nội trợ	☐ Kinh doanh tự do	☐ Kỹ sư
☐ Công nhân	☐ Nông dân	☐ Khác
đ. Chức vụ/vị trí việc làm:		
e. Địa chỉ đăng ký thường trú*:		
Quận/Huyện:	Tỉnh/Thành phố:	Quốc gia:
g. Nơi ở hiện tại*:		
Quận/Huyện:	Tỉnh/Thành phố:	Quốc gia:
h. Thông tin định danh cá nhân*:		

☐ CMND ☐ CCCD ☐ Hộ chiếu ☐ Định danh cá nhân	Số:	Ngày cấp:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
☐ Thị thực nhập cảnh:				
Số thị thực:	Ngày cấp:	Ngày hết hạn:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
i. Số điện thoại liên lạc:				
2.3. Thông tin về người đại diện mô vi điện tử của tổ chức				
a. Họ và tên:				
b. Ngày, tháng, năm sinh:				
c. Quan hệ với chủ vi điện tử:				
d. Quốc tịch:				
☐ Việt Nam ☐ Nước ngoài: (tên quốc gia.....) ☐ Không quốc tịch				
đ. Địa chỉ đăng ký thường trú:				
Quận/Huyện:		Tỉnh/Thành phố:	Quốc gia:	
e. Nơi ở hiện tại/hoặc nơi làm việc:				
Quận/Huyện:		Tỉnh/Thành phố:	Quốc gia:	
g. Thông tin định danh cá nhân:				
☐ CMND ☐ CCCD ☐ Hộ chiếu ☐ Định danh cá nhân:	Số:	Ngày cấp:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
☐ Thị thực nhập cảnh:				
Số thị thực:	Ngày cấp:	Ngày hết hạn:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
h. Số điện thoại liên lạc:				
3. Thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi				
☐ Trùng với cá nhân tại mục 1 ☐ Trùng với cá nhân tại mục 2.2 ☐ Trùng với cá nhân tại mục 2.3			☐ Khác	
Điền các thông tin bên dưới (từ a đến l) trong trường hợp chủ sở hữu hưởng lợi khác với cá nhân tại mục 1, 2.2, 2.3:				
a. Họ và tên*:				
b. Ngày, tháng, năm sinh*:				
c. Độ tuổi:				

☐ Dưới 20 tuổi	☐ Từ 20 tuổi đến dưới 30 tuổi	☐ Từ 30 tuổi đến dưới 40 tuổi		
☐ Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	☐ Từ 50 tuổi trở lên			
d. Giới tính*:				
☐ Nam	☐ Nữ	☐ Khác		
đ. Quốc tịch*:				
☐ Việt Nam	☐ Nước ngoài: (tên quốc gia.....)	☐ Không quốc tịch		
e. Nghề nghiệp*:				
☐ Công chức/viên chức	☐ Học sinh/sinh viên	☐ Giáo viên/bác sĩ		
☐ Nội trợ	☐ Kinh doanh tự do	☐ Kỹ sư		
☐ Công nhân	☐ Nông dân	☐ Khác		
g. Chức vụ/vị trí việc làm:				
h. Địa chỉ đăng ký thường trú*:				
Quận/Huyện:	Tỉnh/Thành phố:	Quốc gia:		
i. Nơi ở hiện tại*:				
Quận/Huyện:	Tỉnh/Thành phố:	Quốc gia:		
k. Thông tin định danh cá nhân*:				
☐ CMND ☐ CCCD ☐ Hộ chiếu ☐ Định danh cá nhân	Số:	Ngày cấp:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
☐ Thị thực nhập cảnh:				
Số thị thực:	Ngày cấp:	Ngày hết hạn:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
☐ Giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế/thẻ cư trú:				
Số thẻ:	Ngày cấp:	Ngày hết hạn:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
l. Số điện thoại liên lạc*:				
4. Thông tin khác bổ sung				
Phần III	THÔNG TIN VỀ CÁ NHÂN, TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN GIAO DỊCH ĐÁNG NGỜ			
1. Thông tin về cá nhân liên quan đến giao dịch				
a. Họ và tên:				
b. Ngày, tháng, năm sinh:				

c. Độ tuổi:				
☐ Dưới 20 tuổi		☐ Từ 20 tuổi đến dưới 30 tuổi		☐ Từ 30 tuổi đến dưới 40 tuổi
☐ Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi		☐ Từ 50 tuổi trở lên		
d. Giới tính:				
☐ Nam		☐ Nữ		☐ Khác
đ. Quốc tịch:				
☐ Việt Nam		☐ Nước ngoài: (tên quốc gia.....)		☐ Không quốc tịch
e. Nghề nghiệp:				
☐ Công chức/viên chức		☐ Học sinh/sinh viên		☐ Giáo viên/bác sĩ
☐ Nội trợ		☐ Kinh doanh tự do		☐ Kỹ sư
☐ Công nhân		☐ Nông dân		☐ Khác
g. Địa chỉ đăng ký thường trú:				
Quận/Huyện:		Tỉnh/Thành phố:		Quốc gia:
h. Nơi ở hiện tại:				
Quận/Huyện/Thị trấn:		Tỉnh/Thành phố:		Quốc gia:
i. Thông tin định danh cá nhân:				
☐ CMND ☐ CCCD ☐ Hộ chiếu ☐ Định danh cá nhân	Số:	Ngày cấp:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
☐ Thị thực nhập cảnh:				
Số thị thực:	Ngày cấp:	Ngày hết hạn:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
k. Số điện thoại liên lạc:				
l. Dịch vụ sử dụng:				
☐ Cổng thanh toán điện tử		☐ Hỗ trợ thu hộ		☐ Hỗ trợ chi hộ
☐ Hỗ trợ chuyển tiền điện tử		☐ Ví điện tử		☐ Khác....
☐ Cổng thanh toán điện tử:				
Số hợp đồng:	Số tài khoản ngân hàng liên quan:		Tên ngân hàng liên quan:	
☐ Hỗ trợ thu hộ:				
Số hợp đồng:	Số tài khoản ngân hàng liên quan:		Tên ngân hàng liên quan:	
☐ Hỗ trợ chi hộ:				
Số hợp đồng:	Số tài khoản ngân hàng liên quan:		Tên ngân hàng liên quan:	

☐ Hỗ trợ chuyển tiền điện tử:		
Số tài khoản ngân hàng liên quan:		Tên ngân hàng liên quan:
☐ Ví điện tử:		
Ngày mở tài khoản ví điện tử:	Số thẻ/tài khoản ngân hàng liên kết:	Tên ngân hàng liên kết:
☐ Dịch vụ khác:		
Thông tin chi tiết của dịch vụ khác:		
2. Thông tin về tổ chức có liên quan tới giao dịch		
a. Tên đầy đủ của tổ chức:		
b. Tên tiếng nước ngoài (nếu có):		
c. Tên viết tắt (nếu có):		
d. Địa chỉ:		
Quận/Huyện:	Tỉnh/Thành phố:	Quốc gia:
e. Giấy phép thành lập số:	Ngày cấp:	Nơi cấp:
g. Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:	Ngày cấp:	Nơi cấp:
h. Ngành nghề kinh doanh chính:		
i. Số điện thoại liên lạc:		
k. Địa chỉ trang thông tin điện tử của doanh nghiệp (tổ chức):		
l. Dịch vụ sử dụng:		
☐ Cổng thanh toán điện tử	☐ Hỗ trợ thu hộ	☐ Hỗ trợ chi hộ
☐ Hỗ trợ chuyển tiền điện tử	☐ Ví điện tử	☐ Khác....
☐ Cổng thanh toán điện tử:		
Số hợp đồng:	Số tài khoản ngân hàng liên quan:	Tên ngân hàng liên quan:
☐ Hỗ trợ thu hộ:		
Số hợp đồng:	Số tài khoản ngân hàng liên quan:	Tên ngân hàng liên quan:
☐ Hỗ trợ chi hộ:		
Số hợp đồng:	Số tài khoản ngân hàng liên quan:	Tên ngân hàng liên quan:
☐ Hỗ trợ chuyển tiền điện tử:		
Số tài khoản ngân hàng liên quan:		Tên ngân hàng liên quan:
☐ Ví điện tử:		
Ngày mở tài khoản ví điện tử:	Số thẻ/tài khoản ngân hàng liên kết:	Tên ngân hàng liên kết:

☐ Dịch vụ khác:

Thông tin chi tiết của dịch vụ khác:

3. Thông tin khác bổ sung

Phần IV

THÔNG TIN VỀ GIAO DỊCH ĐÁNG NGỜ

1. Loại báo cáo giao dịch đáng ngờ*

☐ a) Báo cáo giao dịch đáng ngờ theo điểm a khoản 1 Điều 26 Luật Phòng, chống rửa tiền

b) Báo cáo giao dịch đáng ngờ theo điểm b khoản 1 Điều 26 Luật Phòng, chống rửa tiền

☐ b1) Nếu có, đề nghị ghi rõ dấu hiệu đáng ngờ phát sinh ban đầu theo khoản nào của các Điều 27, 29 Luật Phòng, chống rửa tiền: khoản Điều Luật Phòng, chống rửa tiền.

☐ b2) Dấu hiệu đáng ngờ khác do đối tượng báo cáo tự xác định:

2. Mô tả, phân tích chi tiết lý do báo cáo giao dịch đáng ngờ theo dấu hiệu nêu tại mục 1 phần này

a) Mô tả thông tin giao dịch của cá nhân, tổ chức thực hiện giao dịch đáng ngờ và cá nhân, tổ chức có liên quan tới giao dịch đáng ngờ:

- Dòng tiền vào liên quan đến cá nhân, tổ chức thực hiện giao dịch (ghi có vào ví điện tử) (trong trường hợp tài khoản của khách hàng có phát sinh giao dịch):

Họ và tên người chuyển tiền	Số ví điện tử chuyển tiền vào	Tên ngân hàng liên quan	Tổng số tiền (Đ/vị: nghìn đồng)	Tổng số lượng giao dịch	Khoảng thời gian giao dịch	Loại tiền	Nội dung chuyển tiền

- Dòng tiền ra liên quan đến cá nhân, tổ chức thực hiện giao dịch (ghi nợ vào ví điện tử) (trong trường hợp tài khoản của khách hàng có phát sinh giao dịch):

Họ và tên người chuyển tiền	Số ví điện tử chuyển tiền ra	Tên ngân hàng liên quan	Tổng số tiền (Đ/vị: nghìn đồng)	Tổng số lượng giao dịch	Khoảng thời gian giao dịch	Loại tiền	Nội dung chuyển tiền

- Minh họa bằng sơ đồ dòng tiền (nếu có).

- Mô tả cụ thể, rõ ràng về các dấu hiệu, nhân tố, tình huống bất thường liên quan đến các giao dịch và cá nhân, tổ chức nêu trên*:

b) Cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch liên quan đến các dấu hiệu nêu trên được xác định từ việc xem xét, thu thập và phân tích thông tin theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 26 Luật Phòng, chống rửa tiền:

- Thông báo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc xác định bị can, bị cáo, người bị kết án:

- Cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch là tài sản thuộc quyền sở hữu hoặc có nguồn gốc thuộc quyền sở hữu, quyền kiểm soát của bị can, bị cáo, người bị kết án đó:

c) Hoặc cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch liên quan đến các dấu hiệu nêu trên được xác định từ việc xem xét, thu thập và phân tích thông tin theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 26 Luật Phòng, chống rửa tiền (kết quả phân tích, đánh giá của đối tượng báo cáo đối với khách hàng, giao dịch phải báo cáo):

3. Ngày phát hiện giao dịch đáng ngờ*:

Phần V	NHỮNG CÔNG VIỆC ĐÃ XỬ LÝ LIÊN QUAN ĐẾN GIAO DỊCH ĐÁNG NGỜ
Liệt kê cụ thể những công việc đã thực hiện liên quan đến việc xử lý báo cáo giao dịch đáng ngờ, ví dụ: - Từ chối thực hiện giao dịch; - Tạm khóa tài khoản ví; - Chấm dứt thiết lập giao dịch với khách hàng; - Giám sát sau giao dịch; - Đưa vào hệ thống cảnh báo của đối tượng báo cáo; - Công việc khác	
Phần VI	TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM
- Hồ sơ mở tài khoản của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch và liên quan đến giao dịch (nếu mở ví điện tử tại đối tượng báo cáo); - Bản sao kê tài khoản ví điện tử từ trước thời điểm phát sinh giao dịch đáng ngờ ít nhất 6 tháng đến ngày báo cáo giao dịch đáng ngờ của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch và liên quan đến giao dịch (nếu mở ví điện tử tại đối tượng báo cáo); - Kết quả phân tích, đánh giá cuối cùng của đối tượng báo cáo đối với khách hàng, giao dịch phải báo cáo; - Tài liệu, chứng từ khác có liên quan đến giao dịch đáng ngờ được thể hiện ở phần mô tả, phân tích chi tiết lý do giao dịch đáng ngờ.	

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO*
(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG PHÒNG (bộ phận)*
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP*
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

HƯỚNG DẪN ĐIỀN BÁO CÁO GIAO DỊCH ĐÁNG NGỜ:

Tất cả các trường có dấu (*) là thông tin bắt buộc, không được để trống.

Số báo cáo: theo định dạng abcd/yyyy. Trong đó: abcd là số thứ tự trong năm tài chính; yyyy là năm tài chính (VD: 0010/2023).

Phần I:

(1d): Đối tượng báo cáo điền thông tin về tên điểm phát sinh giao dịch trong trường hợp khách hàng thực hiện trực tiếp hoặc đơn vị quản lý tài khoản trong trường hợp khách hàng thực hiện giao dịch trực tuyến.

(1e): Đối tượng báo cáo điền thông tin về địa chỉ điểm phát sinh giao dịch trong trường hợp khách hàng thực hiện trực tiếp hoặc địa chỉ đơn vị quản lý tài khoản trong trường hợp khách hàng thực hiện giao dịch trực tuyến.

(1h): Chỉ rõ 01 thư điện tử (email) đại diện chung của đối tượng báo cáo để nhận thư xác nhận của Cơ quan thực hiện chức năng, nhiệm vụ phòng, chống rửa tiền thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

(2): Ghi đầy đủ thông tin của người chịu trách nhiệm về phòng, chống rửa tiền và người lập báo cáo tại đơn vị.

(2.1a): Ghi đầy đủ họ, tên đệm, tên của người chịu trách nhiệm về phòng, chống rửa tiền tại đơn vị bằng chữ thường, có dấu.

(2.2a): Ghi đầy đủ họ, tên đệm, tên của người lập báo cáo bằng chữ thường, có dấu.

Phần II:

(1): Áp dụng cho khách hàng cá nhân (để trống hoặc có thể lược bỏ các trường thông tin này tại báo cáo nếu khách hàng là tổ chức). Trường hợp có nhiều cá nhân thực hiện giao dịch đáng ngờ thì chèn thêm các trường chi tiết tương ứng với mỗi cá nhân. Nếu có từ 10 cá nhân trở lên có thể tạo thành bảng chi tiết thông tin cá nhân, nhưng phải đảm bảo đầy đủ các thông tin như quy định tại phần này.

(1a): Ghi đầy đủ họ, tên đệm, tên của cá nhân thực hiện giao dịch bằng chữ thường, có dấu.

(1b): Ghi rõ ngày, tháng, năm sinh.

(1c): Xác định độ tuổi tính theo năm sinh của khách hàng đến thời điểm báo cáo.

(1d): Trường hợp không xác định được giới tính của khách hàng là nam hay nữ thì chọn vào ô "Khác".

(1h): Điền thông tin đối với khách hàng cá nhân có quốc tịch là người Việt Nam.

(1i):

- Điền thông tin này khi khách hàng cá nhân có quốc tịch là người Việt Nam có địa chỉ nơi ở hiện tại khác với địa chỉ đăng ký thường trú.

- Điền thông tin địa chỉ của các khách hàng theo quy định tại điểm b, c, d, đ khoản 1 Điều 10 Luật Phòng, chống rửa tiền.

(1k): Có thể chọn một hoặc nhiều giấy tờ định danh cá nhân và điền đầy đủ thông tin đối với mỗi loại giấy tờ tương ứng.

(2): Áp dụng cho khách hàng là tổ chức (để trống hoặc có thể lược bỏ các trường thông tin này tại báo cáo nếu là khách hàng cá nhân). Trường hợp có nhiều tổ chức thực hiện giao dịch đáng ngờ thì chèn thêm các trường chi tiết tương ứng với mỗi tổ chức.

(2.1b): Để trống nếu tổ chức không có tên nước ngoài tương ứng.

(2.2): Trong trường hợp có nhiều người đại diện theo pháp luật, chèn bổ sung thêm trường thông tin và điền đủ số người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

(2.2a): Ghi đầy đủ họ, tên đệm, tên người đại diện theo pháp luật của tổ chức bằng chữ thường, có dấu.

(2.2b): Ghi rõ ngày, tháng, năm sinh.

(2.2e): Điền thông tin đối với khách hàng cá nhân có quốc tịch là người Việt Nam.

(2.2g):

- Điền thông tin này khi khách hàng cá nhân có quốc tịch là người Việt Nam có địa chỉ nơi ở hiện tại khác với địa chỉ đăng ký thường trú.

- Điền thông tin địa chỉ của các khách hàng theo quy định tại điểm b, c, d, đ khoản 1 Điều 10 Luật Phòng, chống rửa tiền.

(2.2h): Có thể chọn một hoặc nhiều giấy tờ định danh cá nhân và điền đầy đủ thông tin đối với mỗi loại giấy tờ tương ứng.

(2.3): Điền thông tin này trong trường hợp có người đại diện mở ví điện tử khác chủ tài khoản

(2.3a): Ghi đầy đủ họ, tên đệm, tên bằng chữ thường, có dấu.

(2.3b): Ghi rõ ngày, tháng, năm sinh.

(2.3c): Ghi rõ quan hệ với chủ ví điện tử là vợ/chồng, cha mẹ, con cái, anh chị em, cấp trên, đồng nghiệp/bạn bè, khác (ghi rõ...) hoặc ghi rõ “không biết” nếu không biết rõ thông tin.

(2.3g): Có thể chọn một hoặc nhiều giấy tờ định danh cá nhân và điền đầy đủ thông tin đối với mỗi loại giấy tờ tương ứng.

(3): Trường hợp nhiều chủ sở hữu hưởng lợi, đối tượng báo cáo bổ sung thêm đầy đủ các trường thông tin từ a đến l đối với mỗi chủ sở hữu hưởng lợi.

Phần III:

- Không bắt buộc trong trường hợp đối tượng báo cáo không có thông tin về cá nhân, tổ chức có liên quan tới giao dịch đáng ngờ (đối tác).

- Trong trường hợp đối tượng báo cáo có thông tin về cá nhân, tổ chức có liên quan tới giao dịch đáng ngờ: chỉ cần điền vào các trường có thông tin, không bắt buộc phải điền đầy đủ vào tất cả các trường thông tin.

Phần IV:

(1a): Nếu có phát sinh, phải đảm bảo hai yếu tố:

- Biết giao dịch được thực hiện theo yêu cầu của bị can, bị cáo, người bị kết án thông qua thông báo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

- Và có cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch là tài sản thuộc quyền sở hữu hoặc có nguồn gốc thuộc quyền sở hữu, quyền kiểm soát của bị can, bị cáo, người bị kết án đó.

(1b1): Nếu có phát sinh, ghi rõ nội dung giao dịch đáng ngờ có liên quan đến điều, khoản nào của Luật Phòng, chống rửa tiền. Trường hợp có nhiều dấu hiệu đáng ngờ thì liệt kê tất cả các điều, khoản về dấu hiệu đáng ngờ có liên quan.

(1b2): Nếu có phát sinh, ghi rõ nội dung dấu hiệu đáng ngờ có liên quan đến rửa tiền.

(2): Mô tả cụ thể, rõ ràng và chi tiết nhất có thể về các dấu hiệu, nhân tố, tình huống bất thường dẫn tới việc đối tượng báo cáo nghi ngờ giao dịch và/hoặc tin rằng giao dịch có liên quan đến rửa tiền hay hoạt động tội phạm.

(3): Ngày phát hiện giao dịch đáng ngờ theo khoản 2 Điều 37 Luật Phòng, chống rửa tiền.

Phần V: Mô tả cụ thể những công việc đã thực hiện liên quan đến việc xử lý báo cáo giao dịch đáng ngờ.

Phần VI: Các hồ sơ, tài liệu có liên quan, cần có bảng danh mục hồ sơ, tài liệu liệt kê: số thứ tự; loại hồ sơ, tài liệu gắn với tên tổ chức, cá nhân có liên quan; số lượng trang tương ứng với loại hồ sơ, tài liệu; tình trạng tài liệu (bản chụp hay sao y bản chính hay bản mềm).

Phần ký tên:

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO: theo quy định của Luật Phòng, chống rửa tiền, đơn vị báo cáo và chịu trách nhiệm với báo cáo phải là đối tượng báo cáo (hội sở) nên NGƯỜI LẬP BÁO CÁO là cán bộ tại hội sở. Trường hợp, đối tượng báo cáo ủy quyền cho chi nhánh hoặc phòng giao dịch lập báo cáo thì NGƯỜI LẬP BÁO CÁO là cán bộ của chi nhánh/Phòng giao dịch, tuy nhiên, việc này phải quy định trong Quy định nội bộ của đơn vị và đối tượng báo cáo (hội sở) phải là đơn vị chịu trách nhiệm về báo cáo.

TRƯỞNG PHÒNG (bộ phận): là trưởng phòng hoặc trưởng bộ phận kiểm soát trực tiếp báo

cáo giao dịch đáng ngờ.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP: Tổng Giám đốc (Giám đốc) là lãnh đạo cấp cao chịu trách nhiệm về công tác phòng, chống rửa tiền tại đơn vị hoặc người được Tổng Giám đốc (Giám đốc) ủy quyền hợp pháp.

Lưu ý:

(i) Biểu mẫu này áp dụng cho đối tượng báo cáo báo cáo giao dịch đáng ngờ cho Cơ quan thực hiện chức năng, nhiệm vụ phòng, chống rửa tiền thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Không gửi biểu mẫu này cho cơ quan có thẩm quyền khác.

(ii) Các cá nhân, tổ chức nêu trong cùng một báo cáo giao dịch đáng ngờ phải có mối liên hệ với nhau và thể hiện trong phần mô tả, phân tích chi tiết lý do giao dịch đáng ngờ.

Mẫu số 03

Áp dụng cho đối tượng báo cáo là tổ chức kinh doanh bảo hiểm nhân thọ

BÁO CÁO GIAO DỊCH ĐĂNG NGỜ <i>Ngày..... tháng..... năm.....</i>		Số báo cáo: abcd/yyyy
PHẢI ĐIỀN ĐẦY ĐỦ THÔNG TIN VÀO CÁC TRƯỜNG YÊU CẦU CÓ DẤU * (Xem phần Hướng dẫn điền báo cáo)		
Báo cáo này có sửa đổi/bổ sung/thay thế báo cáo nào trước không?		
☐ Không	☐ Có sửa đổi/bổ sung cho Báo cáo số..... ngày..... ☐ Có thay thế cho Báo cáo số..... ngày.....	
Phần I	THÔNG TIN VỀ ĐỐI TƯỢNG BÁO CÁO	
1. Thông tin về đối tượng báo cáo*		
a. Tên đối tượng báo cáo:		
b. Mã đối tượng báo cáo (nếu có):		
c. Địa chỉ (số nhà, đường/phố):		
Quận/Huyện:	Tỉnh/Thành phố:	Quốc gia:
d. Điện thoại:		
đ. Tên điểm phát sinh giao dịch:		
e. Địa chỉ điểm phát sinh giao dịch:		
Quận/Huyện:	Tỉnh/Thành phố:	Quốc gia:
g. Điện thoại:		
h. Địa chỉ email của đơn vị <i>(nhận email xác nhận của Cơ quan thực hiện chức năng, nhiệm vụ phòng, chống rửa tiền thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)</i> :		
2. Thông tin về người chịu trách nhiệm về phòng, chống rửa tiền và người lập báo cáo		
2.1. Thông tin về người chịu trách nhiệm về phòng, chống rửa tiền		
a. Họ và tên:		
b. Điện thoại nơi làm việc:		c. Điện thoại di động:
d. Chức vụ:		
2.2. Thông tin về người lập báo cáo*		
a. Họ và tên:		
b. Điện thoại nơi làm việc:		c. Điện thoại di động:
d. Bộ phận công tác:		
Phần II	THÔNG TIN VỀ CÁ NHÂN, TỔ CHỨC THỰC HIỆN GIAO DỊCH ĐĂNG NGỜ	

1. Thông tin về cá nhân thực hiện giao dịch				
1.1 Thông tin về cá nhân mua hợp đồng bảo hiểm				
a. Họ và tên*:				
b. Ngày, tháng, năm sinh*:				
c. Độ tuổi:				
☐ Dưới 20 tuổi ☐ Từ 20 tuổi đến dưới 30 tuổi ☐ Từ 30 tuổi đến dưới 40 tuổi ☐ Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi ☐ Từ 50 tuổi trở lên				
d. Giới tính*:				
☐ Nam ☐ Nữ ☐ Khác				
đ. Quốc tịch*:				
☐ Việt Nam ☐ Nước ngoài: (tên quốc gia.....) ☐ Không quốc tịch				
e. Nghề nghiệp*:				
☐ Công chức/viên chức ☐ Học sinh/sinh viên ☐ Giáo viên/bác sĩ ☐ Nội trợ ☐ Kinh doanh tự do ☐ Kỹ sư ☐ Công nhân ☐ Nông dân ☐ Khác				
g. Chức vụ/vị trí việc làm:				
h. Địa chỉ đăng ký thường trú*:				
Quận/Huyện:		Tỉnh/Thành phố:		Quốc gia:
i. Nơi ở hiện tại*:				
Quận/Huyện:		Tỉnh/Thành phố:		Quốc gia:
k. Thông tin định danh cá nhân*:				
☐ CMND ☐ CCCD ☐ Hộ chiếu ☐ Định danh cá nhân	Số:	Ngày cấp:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
☐ Thị thực nhập cảnh:				
Số thị thực:	Ngày cấp:	Ngày hết hạn:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
☐ Giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế/thẻ cư trú:				
Số thẻ:	Ngày cấp:	Ngày hết hạn:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
l. Số điện thoại liên lạc*:				
m. Số hợp đồng bảo hiểm đầu tiên có liên quan giao dịch đáng ngờ*:				
n. Loại hình bảo hiểm*:				

o. Tên sản phẩm bảo hiểm*:				
p. Tổng số tiền tham gia bảo hiểm*:				
q. Phí bảo hiểm/năm*:				
r. Ngày hợp đồng có hiệu lực*:				
s. Ngày hết hạn hợp đồng*:				
t. Phương thức thanh toán bảo hiểm*:				
☐ Thanh toán 1 lần ☐ Thanh toán hàng năm ☐ Thanh toán hàng tháng ☐ Thanh toán trước/thanh toán đủ ☐ hoàn/hủy ☐ Khác (ghi rõ)				
u. Hình thức thanh toán phí bảo hiểm*:				
☐ Tiền mặt ☐ Chuyển khoản				
v. Số tài khoản tại ngân hàng:				
x. Tên ngân hàng mở tài khoản:				
1.2. Thông tin về người được bảo hiểm				
a. Họ và tên*:				
b. Ngày, tháng, năm sinh*:				
c. Độ tuổi:				
☐ Dưới 20 tuổi ☐ Từ 20 tuổi đến dưới 30 tuổi ☐ Từ 30 tuổi đến dưới 40 tuổi ☐ Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi ☐ Từ 50 tuổi trở lên				
d. Giới tính*:				
☐ Nam ☐ Nữ ☐ Khác				
đ. Quốc tịch*:				
☐ Việt Nam ☐ Nước ngoài: (tên quốc gia.....) ☐ Không quốc tịch				
e. Địa chỉ đăng ký thường trú*:				
Quận/Huyện:		Tỉnh/Thành phố:		Quốc gia:
g. Nơi ở hiện tại*:				
Quận/Huyện:		Tỉnh/Thành phố:		Quốc gia:
h. Thông tin định danh cá nhân*:				
☐ CMND ☐ CCCD ☐ Hộ chiếu ☐ Định danh cá nhân	Số:	Ngày cấp:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
☐ Thị thực nhập cảnh:				

Số thị thực:	Ngày cấp:	Ngày hết hạn:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
i. Số điện thoại liên lạc*:				
k. Quan hệ với bên mua bảo hiểm*:				
1.3. Thông tin về người thụ hưởng				
a. Họ và tên*:				
b. Ngày, tháng, năm sinh*:				
c. Độ tuổi:				
☐ Dưới 20 tuổi ☐ Từ 20 tuổi đến dưới 30 tuổi ☐ Từ 30 tuổi đến dưới 40 tuổi ☐ Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi ☐ Từ 50 tuổi trở lên				
d. Giới tính*:				
☐ Nam ☐ Nữ ☐ Khác				
đ. Quốc tịch*:				
☐ Việt Nam ☐ Nước ngoài: (tên quốc gia.....) ☐ Không quốc tịch				
e. Địa chỉ đăng ký thường trú*:				
Quận/Huyện:		Tỉnh/Thành phố:	Quốc gia:	
g. Nơi ở hiện tại*:				
Quận/Huyện:		Tỉnh/Thành phố:	Quốc gia:	
h. Thông tin định danh cá nhân*:				
☐ CMND ☐ CCCD ☐ Hộ chiếu ☐ Định danh cá nhân	Số:	Ngày cấp:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
☐ Thị thực nhập cảnh:				
Số thị thực:	Ngày cấp:	Ngày hết hạn:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
i. Số điện thoại liên lạc:				
k. Quan hệ với bên mua bảo hiểm*:				
2. Thông tin về tổ chức thực hiện giao dịch				
2.1. Thông tin về tổ chức mua bảo hiểm				
a. Tên đầy đủ của tổ chức*:				
b. Tên tiếng nước ngoài (nếu có):				
c. Tên viết tắt (nếu có):				
d. Địa chỉ*:				

Quận/Huyện:		Tỉnh/Thành phố:	Quốc gia:
đ. Giấy phép thành lập số:		Ngày cấp:	Nơi cấp:
e. Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế*:		Ngày cấp:	Nơi cấp:
g. Loại hình tổ chức*:			
☐ Công ty TNHH Một thành viên ☐ Công ty TNHH Hai thành viên trở lên ☐ Công ty cổ phần ☐ Công ty hợp danh ☐ Doanh nghiệp tư nhân ☐ Tổ chức phi lợi nhuận ☐ Khác (mô tả rõ)			
h. Ngành nghề kinh doanh chính:			
i. Số điện thoại liên lạc*:			
k. Địa chỉ trang thông tin điện tử của doanh nghiệp (tổ chức):			
l. Số hợp đồng bảo hiểm có liên quan giao dịch đáng ngờ*:			
m. Loại hình bảo hiểm*:			
n. Tên sản phẩm bảo hiểm*:			
o. Tổng số tiền tham gia bảo hiểm*:			
p. Phí bảo hiểm/năm*:			
q. Ngày hợp đồng có hiệu lực*:			
r. Ngày hết hạn hợp đồng*:			
s. Phương thức thanh toán bảo hiểm*:			
☐ Thanh toán 1 lần ☐ Thanh toán hàng năm ☐ Thanh toán hàng tháng ☐ Thanh toán trước/thanh toán đủ ☐ hoàn/hủy ☐ Khác (ghi rõ)			
t. Số tài khoản ngân hàng:			
u. Tên ngân hàng mở tài khoản:			
2.2. Thông tin về người đại diện theo pháp luật của tổ chức*			
a. Họ và tên:			
b. Ngày, tháng, năm sinh:			
c. Quốc tịch:			
☐ Việt Nam ☐ Nước ngoài: (tên quốc gia.....) ☐ Không quốc tịch			
d. Địa chỉ đăng ký thường trú:			
Quận/Huyện:		Tỉnh/Thành phố:	Quốc gia:
e. Nơi ở hiện tại:			

Quận/Huyện:		Tỉnh/Thành phố:		Quốc gia:	
g. Thông tin định danh cá nhân:					
☐ CMND ☐ CCCD ☐ Hộ chiếu ☐ Định danh cá nhân:	Số:	Ngày cấp:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:	
☐ Thị thực nhập cảnh:					
Số thị thực:	Ngày cấp:	Ngày hết hạn:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:	
h. Số điện thoại liên lạc:					
2.3. Thông tin về người được bảo hiểm*					
a. Họ và tên:					
b. Ngày, tháng, năm sinh:					
c. Giới tính:					
☐ Nam ☐ Nữ ☐ Khác					
d. Quốc tịch:					
☐ Việt Nam ☐ Nước ngoài: (tên quốc gia.....) ☐ Không quốc tịch					
đ. Địa chỉ đăng ký thường trú:					
Quận/Huyện:		Tỉnh/Thành phố:		Quốc gia:	
e. Nơi ở hiện tại:					
Quận/Huyện:		Tỉnh/Thành phố:		Quốc gia:	
g. Thông tin định danh cá nhân:					
☐ CMND ☐ CCCD ☐ Hộ chiếu ☐ Định danh cá nhân:	Số:	Ngày cấp:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:	
☐ Thị thực nhập cảnh:					
Số thị thực:	Ngày cấp:	Ngày hết hạn:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:	
h. Số điện thoại liên lạc:					
i. Quan hệ với bên mua bảo hiểm:					
2.4. Thông tin về người thụ hưởng*					
a. Họ và tên:					
b. Ngày, tháng, năm sinh:					

c. Giới tính:				
☐ Nam ☐ Nữ ☐ Khác				
d. Quốc tịch:				
☐ Việt Nam ☐ Nước ngoài: (tên quốc gia.....) ☐ Không quốc tịch				
đ. Địa chỉ đăng ký thường trú:				
Quận/Huyện:		Tỉnh/Thành phố:		Quốc gia:
e. Nơi ở hiện tại:				
Quận/Huyện:		Tỉnh/Thành phố:		Quốc gia:
g. Thông tin định danh cá nhân:				
☐ CMND ☐ CCCD ☐ Hộ chiếu ☐ Định danh cá nhân:	Số:	Ngày cấp:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
☐ Thị thực nhập cảnh:				
Số thị thực:	Ngày cấp:	Ngày hết hạn:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
h. Số điện thoại liên lạc:				
i. Quan hệ với bên mua bảo hiểm:				
3. Thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi				
☐ Trùng với cá nhân tại mục 1 ☐ Trùng với cá nhân tại mục 2.2 ☐ Trùng với cá nhân tại mục 2.3 ☐ Trùng với cá nhân tại mục 2.4			☐ Khác	
<i>Điền các thông tin bên dưới (từ a đến l) trong trường hợp chủ sở hữu hưởng lợi khác với cá nhân tại mục 1, 2.2, 2.3, 2.4:</i>				
a. Họ và tên*:				
b. Ngày, tháng, năm sinh*:				
c. Độ tuổi:				
☐ Dưới 20 tuổi ☐ Từ 20 tuổi đến dưới 30 tuổi ☐ Từ 30 tuổi đến dưới 40 tuổi ☐ Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi ☐ Từ 50 tuổi trở lên				
d. Giới tính*:				
☐ Nam ☐ Nữ ☐ Khác				
đ. Quốc tịch*:				
☐ Việt Nam ☐ Nước ngoài: (tên quốc gia.....) ☐ Không quốc tịch				

e. Nghề nghiệp*:				
☐ Công chức/viên chức	☐ Học sinh/sinh viên	☐ Giáo viên/bác sĩ		
☐ Nội trợ	☐ Kinh doanh tự do	☐ Kỹ sư		
☐ Công nhân	☐ Nông dân	☐ Khác		
g. Chức vụ/vị trí việc làm:				
h. Địa chỉ đăng ký thường trú:				
Quận/Huyện:		Tỉnh/Thành phố:		Quốc gia:
i. Nơi ở hiện tại:				
Quận/Huyện:		Tỉnh/Thành phố:		Quốc gia:
k. Thông tin định danh cá nhân:				
☐ CMND				
☐ CCCD	Số:	Ngày cấp:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
☐ Hộ chiếu				
☐ Định danh cá nhân				
☐ Thị thực nhập cảnh:				
Số thị thực:	Ngày cấp:	Ngày hết hạn:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
☐ Giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế/thẻ cư trú:				
Số thẻ:	Ngày cấp:	Ngày hết hạn:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
l. Số điện thoại liên lạc:				
4. Thông tin khác bổ sung				
Phần III	THÔNG TIN VỀ CÁ NHÂN, TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN GIAO DỊCH ĐÁNG NGỜ			
1. Thông tin về cá nhân liên quan đến giao dịch				
a. Họ và tên:				
b. Ngày, tháng, năm sinh:				
c. Độ tuổi:				
☐ Dưới 20 tuổi	☐ Từ 20 tuổi đến dưới 30 tuổi	☐ Từ 30 tuổi đến dưới 40 tuổi		
☐ Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	☐ Từ 50 tuổi trở lên			
d. Giới tính:				
☐ Nam	☐ Nữ	☐ Khác		
đ. Quốc tịch:				

☐ Việt Nam		☐ Nước ngoài: (tên quốc gia.....)		☐ Không quốc tịch	
e. Nghề nghiệp:					
☐ Công chức/viên chức		☐ Học sinh/sinh viên		☐ Giáo viên/bác sĩ	
☐ Nội trợ		☐ Kinh doanh tự do		☐ Kỹ sư	
☐ Công nhân		☐ Nông dân		☐ Khác	
g. Chức vụ/vị trí việc làm:					
h. Địa chỉ đăng ký thường trú:					
Quận/Huyện:		Tỉnh/Thành phố:		Quốc gia:	
i. Nơi ở hiện tại:					
Quận/Huyện/Thị trấn:		Tỉnh/Thành phố:		Quốc gia:	
k. Thông tin định danh cá nhân:					
☐ CMND					
☐ CCCD	Số:	Ngày cấp:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:	
☐ Hộ chiếu					
☐ Định danh cá nhân:					
☐ Thị thực nhập cảnh:					
Số thị thực:	Ngày cấp:	Ngày hết hạn:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:	
l. Số điện thoại liên lạc:					
m. Số hợp đồng bảo hiểm:					
n. Tên sản phẩm bảo hiểm:					
o. Tổng số tiền tham gia bảo hiểm:					
p. Phí bảo hiểm/năm:					
q. Ngày hợp đồng có hiệu lực:					
r. Ngày hết hạn hợp đồng:					
2. Thông tin về tổ chức có liên quan tới giao dịch					
a. Tên đầy đủ của tổ chức:					
b. Tên tiếng nước ngoài (nếu có):					
c. Tên viết tắt (nếu có):					
d. Địa chỉ:					
Quận/Huyện:		Tỉnh/Thành phố:		Quốc gia:	
đ. Giấy phép thành lập số:		Ngày cấp:		Nơi cấp:	
e. Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:		Ngày cấp:		Nơi cấp:	

g. Ngành nghề kinh doanh chính:

h. Số điện thoại liên lạc:

i. Số hợp đồng bảo hiểm:

k. Tên sản phẩm bảo hiểm:

l. Tổng số tiền tham gia bảo hiểm:

m. Phí bảo hiểm/năm:

n. Ngày hợp đồng có hiệu lực:

o. Ngày hết hạn hợp đồng:

3. Thông tin khác bổ sung

Phần IV	THÔNG TIN VỀ GIAO DỊCH ĐÁNG NGỜ
----------------	--

1. Loại báo cáo giao dịch đáng ngờ*

☐ a) Báo cáo giao dịch đáng ngờ theo điểm a khoản 1 Điều 26 Luật Phòng, chống rửa tiền.

b) Báo cáo giao dịch đáng ngờ theo điểm b khoản 1 Điều 26 Luật Phòng, chống rửa tiền

☐ b1) Nếu có, đề nghị ghi rõ dấu hiệu đáng ngờ phát sinh ban đầu theo khoản nào của các Điều 27, 30 Luật Phòng, chống rửa tiền: khoản Điều Luật Phòng, chống rửa tiền.

☐ b2) Dấu hiệu đáng ngờ khác do đối tượng báo cáo tự xác định:

2. Mô tả chi tiết giao dịch

a) Mô tả rõ thông tin giao dịch đáng ngờ của cá nhân, tổ chức tham gia bảo hiểm*:

STT	Số hợp đồng bảo hiểm	Tổng số tiền bảo hiểm (Đ/vị: nghìn đồng)	Phí bảo hiểm (Đ/vị: nghìn đồng)	Tổng số lần nộp phí bảo hiểm	Tổng số phí bảo hiểm đã nộp (Đ/vị: nghìn đồng)	Tổng số tiền bảo hiểm rút ra (Đ/vị: nghìn đồng)	Tổng số lần rút ra	Ngày kết thúc hợp đồng trước hạn

b) Cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch liên quan đến các dấu hiệu nêu trên được xác định từ việc xem xét, thu thập và phân tích thông tin theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 26 Luật Phòng, chống rửa tiền:

- Thông báo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc xác định bị can, bị cáo, người bị kết án:

- Cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch là tài sản thuộc quyền sở hữu hoặc có nguồn gốc thuộc quyền sở hữu, quyền kiểm soát của bị can, bị cáo, người bị kết án đó:.....

c) Hoặc cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch liên quan đến các dấu hiệu nêu trên được xác định từ việc xem xét, thu thập và phân tích thông tin theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 26 Luật Phòng, chống rửa tiền (kết quả phân tích, đánh giá của đối tượng báo cáo đối với khách hàng, giao dịch phải báo cáo):

3. Ngày phát hiện giao dịch đáng ngờ*:

Phần V	NHỮNG CÔNG VIỆC ĐÃ XỬ LÝ LIÊN QUAN ĐẾN GIAO DỊCH ĐÁNG NGỜ
Liệt kê cụ thể những công việc đã thực hiện liên quan đến việc xử lý báo cáo giao dịch đáng ngờ.	
Phần VI	TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM
- Hồ sơ bảo hiểm của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch và liên quan đến giao dịch; - Kết quả phân tích, đánh giá cuối cùng của đối tượng báo cáo đối với khách hàng, giao dịch phải báo cáo; - Tài liệu, chứng từ khác có liên quan đến giao dịch đáng ngờ được thể hiện ở phần mô tả, phân tích chi tiết lý do giao dịch đáng ngờ.	

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO*
(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG PHÒNG (bộ phận)*
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP*
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

HƯỚNG DẪN ĐIỀN BÁO CÁO GIAO DỊCH ĐÁNG NGỜ:

Tất cả các trường có dấu (*) là thông tin bắt buộc, không được để trống.

Phần I:

(1b): Mã đối tượng báo cáo do Bộ Tài chính hướng dẫn (nếu có).

(1h): Chỉ rõ 01 thư điện tử (email) đại diện chung của đối tượng báo cáo để nhận thư xác nhận của Cơ quan thực hiện chức năng, nhiệm vụ phòng, chống rửa tiền thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

(2.1a): Ghi đầy đủ họ, tên đệm, tên của người chịu trách nhiệm về phòng, chống rửa tiền tại đơn vị bằng chữ thường, có dấu.

(2.2a): Ghi đầy đủ họ, tên đệm, tên của người lập báo cáo bằng chữ thường, có dấu.

Phần II:

(1): Áp dụng cho khách hàng cá nhân (để trống hoặc có thể lược bỏ các trường thông tin này tại báo cáo nếu khách hàng là tổ chức). Trường hợp có nhiều cá nhân thực hiện giao dịch đáng ngờ thì chèn thêm các trường chi tiết tương ứng với mỗi cá nhân. Nếu có từ 10 cá nhân trở lên có thể tạo thành bảng chi tiết thông tin cá nhân, nhưng phải đảm bảo đầy đủ các thông tin như quy định tại phần này.

(1.1a): Ghi đầy đủ họ, tên đệm, tên của người mua bảo hiểm bằng chữ thường, có dấu.

(1.1b): Ghi rõ ngày, tháng, năm sinh.

(1.1c): Xác định độ tuổi tính theo năm sinh của khách hàng đến thời điểm báo cáo.

(1.1d): Trường hợp không xác định được giới tính của khách hàng là nam hay nữ thì chọn vào ô "Khác".

(1h): Điền thông tin đối với khách hàng cá nhân có quốc tịch là người Việt Nam.

(1i):

- Điền thông tin này khi khách hàng cá nhân có quốc tịch là người Việt Nam có địa chỉ nơi ở hiện tại khác với địa chỉ đăng ký thường trú.

- Điền thông tin địa chỉ của các khách hàng theo quy định tại điểm b, c, d, đ khoản 1 Điều 10 Luật Phòng, chống rửa tiền.

(1.1k): Có thể chọn một hoặc nhiều giấy tờ định danh cá nhân và điền đầy đủ thông tin đối với mỗi loại giấy tờ tương ứng.

(1.1 từ m-s): Trường hợp nhiều hợp đồng bảo hiểm cùng liên quan đến giao dịch đáng ngờ thì chèn thêm hàng và điền đầy đủ thông tin các trường thông tin: Số hợp đồng bảo hiểm/L loại hình bảo hiểm/Tên sản phẩm bảo hiểm/Tổng số tiền tham gia bảo hiểm /Phí bảo hiểm/Ngày hợp đồng có hiệu lực/Ngày hết hạn hợp đồng.

(1.1n): Nêu rõ tên loại hình bảo hiểm nhân thọ (ví dụ: bảo hiểm trọn đời, bảo hiểm sinh kỳ, bảo hiểm tử kỳ, bảo hiểm hỗn hợp, bảo hiểm liên kết đầu tư, bảo hiểm hưu trí...)

(1.2): Áp dụng cho trường hợp người được bảo hiểm khác với người mua bảo hiểm (để trống nếu người mua bảo hiểm đồng thời là người được bảo hiểm).

(1.2a): Ghi đầy đủ họ, tên đệm, tên của người được bảo hiểm bằng chữ thường, có dấu.

(1.2b): Ghi rõ ngày, tháng, năm sinh.

(1.2e): Điền thông tin đối với khách hàng cá nhân có quốc tịch là người Việt Nam.

(1.2g):

- Điền thông tin này khi khách hàng cá nhân có quốc tịch là người Việt Nam có địa chỉ nơi ở hiện tại khác với địa chỉ đăng ký thường trú.

- Điền thông tin địa chỉ của các khách hàng theo quy định tại điểm b, c, d, đ khoản 1 Điều 10 Luật Phòng, chống rửa tiền.

(1.2h): Có thể chọn một hoặc nhiều giấy tờ định danh cá nhân và điền đầy đủ thông tin đối với mỗi loại giấy tờ tương ứng.

(1.2k): Ghi rõ quan hệ với bên mua bảo hiểm là vợ/chồng, cha mẹ, con cái, anh chị em, cấp

trên, đồng nghiệp/bạn bè, khác (ghi rõ....) hoặc ghi rõ “không biết” nếu không biết rõ thông tin.

(1.3): Áp dụng cho trường hợp người thụ hưởng khác với người mua bảo hiểm (để trống nếu người mua bảo hiểm đồng thời là người thụ hưởng).

(1.3a): Ghi đầy đủ họ, tên đệm, tên của người thụ hưởng bằng chữ thường, có dấu.

(1.3b): Ghi rõ ngày, tháng, năm sinh.

(1.3e): Điền thông tin đối với khách hàng cá nhân có quốc tịch là người Việt Nam.

(1.3g):

- Điền thông tin này khi khách hàng cá nhân có quốc tịch là người Việt Nam có địa chỉ nơi ở hiện tại khác với địa chỉ đăng ký thường trú.

- Điền thông tin địa chỉ của các khách hàng theo quy định tại điểm b, c, d, đ khoản 1 Điều 10 Luật Phòng, chống rửa tiền.

(1.3h): Có thể chọn một hoặc nhiều giấy tờ định danh cá nhân và điền đầy đủ thông tin đối với mỗi loại giấy tờ tương ứng.

(1.3k): Ghi rõ quan hệ với bên mua bảo hiểm là vợ/chồng, cha mẹ, con cái, anh chị em, cấp trên, đồng nghiệp/bạn bè, khác (ghi rõ....) hoặc ghi rõ “không biết” nếu không biết rõ thông tin.

(2): Áp dụng cho khách hàng là tổ chức (để trống hoặc có thể lược bỏ các trường thông tin này tại báo cáo nếu là khách hàng cá nhân). Trường hợp có nhiều tổ chức thực hiện giao dịch đáng ngờ thì chèn thêm các trường chi tiết tương ứng với mỗi tổ chức.

(2.1b): Để trống nếu tổ chức không có tên nước ngoài tương ứng.

(2.1m): Nêu rõ tên loại hình bảo hiểm nhân thọ (ví dụ: bảo hiểm trọn đời, bảo hiểm sinh kỳ, bảo hiểm tử kỳ, bảo hiểm hỗn hợp, bảo hiểm liên kết đầu tư, bảo hiểm hưu trí....).

(2.2): Trong trường hợp có nhiều người đại diện theo pháp luật, chèn bổ sung thêm trường thông tin và điền đủ số người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

(2.2a): Ghi đầy đủ họ, tên đệm, tên người đại diện theo pháp luật của tổ chức bằng chữ thường, có dấu.

(2.2b): Ghi rõ ngày, tháng, năm sinh.

(2.2d): Điền thông tin đối với khách hàng cá nhân có quốc tịch là người Việt Nam.

(2.2e):

- Điền thông tin này khi khách hàng cá nhân có quốc tịch là người Việt Nam có địa chỉ nơi ở hiện tại khác với địa chỉ đăng ký thường trú.

- Điền thông tin địa chỉ của các khách hàng theo quy định tại điểm b, c, d, đ khoản 1 Điều 10 Luật Phòng, chống rửa tiền.

(2.2g): Có thể chọn một hoặc nhiều giấy tờ định danh cá nhân và điền đầy đủ thông tin đối với mỗi loại giấy tờ tương ứng.

(2.3): Áp dụng cho trường hợp người được bảo hiểm khác với người mua bảo hiểm (để trống nếu người mua bảo hiểm đồng thời là người được bảo hiểm).

(2.3a): Ghi đầy đủ họ, tên đệm, tên của người được bảo hiểm bằng chữ thường, có dấu.

(2.3b): Ghi rõ ngày, tháng, năm sinh.

(2.3đ): Điền thông tin đối với khách hàng cá nhân có quốc tịch là người Việt Nam.

(2.3e):

- Điền thông tin này khi khách hàng cá nhân có quốc tịch là người Việt Nam có địa chỉ nơi ở hiện tại khác với địa chỉ đăng ký thường trú.

- Điền thông tin địa chỉ của các khách hàng theo quy định tại điểm b, c, d, đ khoản 1 Điều 10 Luật Phòng, chống rửa tiền.

(2.3g): Có thể chọn một hoặc nhiều giấy tờ định danh cá nhân và điền đầy đủ thông tin đối với mỗi loại giấy tờ tương ứng.

(2.3i): Ghi rõ quan hệ với bên mua bảo hiểm là lãnh đạo, nhân viên, khác (ghi rõ....) hoặc ghi

rõ “không biết” nếu không biết rõ thông tin.

(2.4): Áp dụng cho trường hợp người thụ hưởng khác với người mua bảo hiểm (để trống nếu người mua bảo hiểm đồng thời là người thụ hưởng).

(2.4a): Ghi đầy đủ họ, tên đệm, tên của người thụ hưởng bằng chữ thường, có dấu.

(2.4b): Ghi rõ ngày, tháng, năm sinh.

(2.4d): Điền thông tin đối với khách hàng cá nhân có quốc tịch là người Việt Nam.

(2.4e):

- Điền thông tin này khi khách hàng cá nhân có quốc tịch là người Việt Nam có địa chỉ nơi ở hiện tại khác với địa chỉ đăng ký thường trú.

- Điền thông tin địa chỉ của các khách hàng theo quy định tại điểm b, c, d, đ khoản 1 Điều 10 Luật Phòng, chống rửa tiền.

(2.4g): Có thể chọn một hoặc nhiều giấy tờ định danh cá nhân và điền đầy đủ thông tin đối với mỗi loại giấy tờ tương ứng.

(2.4i): Ghi rõ quan hệ với bên mua bảo hiểm là lãnh đạo, nhân viên, khác (ghi rõ....) hoặc ghi rõ “không biết” nếu không biết rõ thông tin.

(3): Trường hợp nhiều chủ sở hữu hưởng lợi, đối tượng báo cáo chèn thêm đầy đủ các trường thông tin từ a đến l đối với mỗi chủ sở hữu hưởng lợi.

Phần III:

- Không bắt buộc trong trường hợp đối tượng báo cáo không có thông tin về cá nhân, tổ chức có liên quan tới giao dịch đáng ngờ (đối tác).

- Trong trường hợp đối tượng báo cáo có thông tin về cá nhân, tổ chức có liên quan tới giao dịch đáng ngờ: chỉ cần điền vào các trường có thông tin, không bắt buộc phải điền đầy đủ vào tất cả các trường thông tin.

Phần IV:

(1a): Nếu có phát sinh, phải đảm bảo hai yếu tố:

- Biết giao dịch được thực hiện theo yêu cầu của bị can, bị cáo, người bị kết án thông qua thông báo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

- Và có cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch là tài sản thuộc quyền sở hữu hoặc có nguồn gốc thuộc quyền sở hữu, quyền kiểm soát của bị can, bị cáo, người bị kết án đó.

(1b1): Nếu có phát sinh, ghi rõ nội dung giao dịch đáng ngờ có liên quan đến điều, khoản nào của Luật Phòng, chống rửa tiền. Trường hợp có nhiều dấu hiệu đáng ngờ thì liệt kê tất cả các điều, khoản về dấu hiệu đáng ngờ có liên quan.

(1b2): Nếu có phát sinh, ghi rõ nội dung dấu hiệu đáng ngờ có liên quan đến rửa tiền.

(2): Mô tả cụ thể, rõ ràng và chi tiết nhất có thể về các dấu hiệu, nhân tố, tình huống bất thường dẫn tới việc đối tượng báo cáo nghi ngờ giao dịch và/hoặc tin rằng giao dịch có liên quan đến rửa tiền.

(3): Ngày phát hiện giao dịch đáng ngờ theo khoản 2 Điều 37 Luật Phòng, chống rửa tiền.

Phần V: Mô tả cụ thể những công việc đã thực hiện liên quan đến việc xử lý báo cáo giao dịch đáng ngờ.

Phần VI: Các hồ sơ, tài liệu có liên quan, cần có bảng danh mục hồ sơ, tài liệu liệt kê: số thứ tự; loại hồ sơ, tài liệu gắn với tên tổ chức, cá nhân có liên quan; số lượng trang tương ứng với loại hồ sơ, tài liệu; tình trạng tài liệu (bản chụp hay sao y bản chính hay bản mềm).

Phần ký tên:

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO: theo quy định của Luật Phòng, chống rửa tiền, đơn vị báo cáo và chịu trách nhiệm với báo cáo phải là đối tượng báo cáo (hội sở) nên **NGƯỜI LẬP BÁO CÁO** là cán bộ tại hội sở. Trường hợp, đối tượng báo cáo ủy quyền cho chi nhánh hoặc phòng giao dịch lập báo cáo thì **NGƯỜI LẬP BÁO CÁO** là cán bộ của chi nhánh/Phòng giao dịch, tuy nhiên, việc này phải quy định trong Quy định nội bộ của đơn vị và đối tượng báo cáo (hội sở) phải là đơn vị chịu trách nhiệm về báo cáo.

TRƯỞNG PHÒNG (bộ phận): là trưởng phòng hoặc trưởng bộ phận kiểm soát trực tiếp báo cáo giao dịch đáng ngờ.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP: Tổng Giám đốc (Giám đốc) là lãnh đạo cấp cao chịu trách nhiệm về công tác phòng, chống rửa tiền tại đơn vị hoặc người được Tổng Giám đốc (Giám đốc) ủy quyền hợp pháp.

Lưu ý:

(i) Biểu mẫu này áp dụng cho đối tượng báo cáo báo cáo giao dịch đáng ngờ cho Cơ quan thực hiện chức năng, nhiệm vụ phòng, chống rửa tiền thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Không gửi biểu mẫu này cho cơ quan có thẩm quyền khác.

(ii) Các cá nhân, tổ chức được nêu trong cùng một báo cáo giao dịch đáng ngờ phải có mối liên hệ với nhau và thể hiện trong phần mô tả, phân tích chi tiết lý do giao dịch đáng ngờ.

Mẫu số 04

Áp dụng cho đối tượng báo cáo là tổ chức kinh doanh chứng khoán

BÁO CÁO GIAO DỊCH ĐĂNG NGỜ <i>Ngày..... tháng..... năm.....</i>		<i>Số báo cáo: abcd/yyyy</i>
PHẢI ĐIỀN ĐẦY ĐỦ THÔNG TIN VÀO CÁC TRƯỜNG YÊU CẦU CÓ DẤU * (Xem phần Hướng dẫn điền báo cáo)		
Báo cáo này có sửa đổi/bổ sung/thay thế báo cáo nào trước không?		
☐ Không	☐ Có sửa đổi/bổ sung cho Báo cáo số..... ngày..... ☐ Có thay thế cho Báo cáo số..... ngày.....	
Phần I	THÔNG TIN VỀ ĐỐI TƯỢNG BÁO CÁO	
1. Thông tin về đối tượng báo cáo*		
a. Tên đối tượng báo cáo:		
b. Mã đối tượng báo cáo (nếu có):		
c. Địa chỉ (số nhà, đường/phố):		
Quận/Huyện:	Tỉnh/Thành phố:	Quốc gia:
d. Điện thoại:		
đ. Tên điểm phát sinh giao dịch:		
e. Địa chỉ điểm phát sinh giao dịch:		
Quận/Huyện:	Tỉnh/Thành phố:	Quốc gia:
g. Điện thoại:		
h. Địa chỉ email của đơn vị (<i>nhận email xác nhận của Cơ quan thực hiện chức năng, nhiệm vụ phòng, chống rửa tiền thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam</i>):		
2. Thông tin về người chịu trách nhiệm về phòng, chống rửa tiền và người lập báo cáo		
2.1. Thông tin về người chịu trách nhiệm về phòng, chống rửa tiền		
a. Họ và tên:		
b. Điện thoại nơi làm việc:	c. Điện thoại di động:	
d. Chức vụ:		
2.2. Thông tin về người lập báo cáo*:		
a. Họ và tên:		
b. Điện thoại nơi làm việc:	c. Điện thoại di động:	
d. Bộ phận công tác:		
Phần II	THÔNG TIN VỀ CÁ NHÂN, TỔ CHỨC THỰC HIỆN GIAO DỊCH ĐĂNG NGỜ	

1. Thông tin về cá nhân thực hiện giao dịch				
a. Họ và tên*:				
b. Ngày, tháng, năm sinh*:				
c. Độ tuổi:				
☐ Dưới 20 tuổi		☐ Từ 20 tuổi đến dưới 30 tuổi		☐ Từ 30 tuổi đến dưới 40 tuổi
☐ Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi		☐ Từ 50 tuổi trở lên		
d. Giới tính*:				
☐ Nam		☐ Nữ		☐ Khác
đ. Quốc tịch*:				
☐ Việt Nam		☐ Nước ngoài: (tên quốc gia.....)		☐ Không quốc tịch
e. Nghề nghiệp*:				
☐ Công chức/viên chức		☐ Học sinh/sinh viên		☐ Giáo viên/bác sĩ
☐ Nội trợ		☐ Kinh doanh tự do		☐ Kỹ sư
☐ Công nhân		☐ Nông dân		☐ Khác
g. Chức vụ/vị trí việc làm:				
h. Địa chỉ đăng ký thường trú*:				
Quận/Huyện:		Tỉnh/Thành phố:		Quốc gia:
i. Nơi ở hiện tại*:				
Quận/Huyện:		Tỉnh/Thành phố:		Quốc gia:
k. Thông tin định danh cá nhân*:				
☐ CMND				
☐ CCCD	Số:	Ngày cấp:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
☐ Hộ chiếu				
☐ Định danh cá nhân				
☐ Thị thực nhập cảnh:				
Số thị thực:	Ngày cấp:	Ngày hết hạn:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
☐ Giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế/thẻ cư trú:				
Số thẻ:	Ngày cấp:	Ngày hết hạn:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
l. Số điện thoại liên lạc*:				
m. Số tài khoản chứng khoán*:				
n. Các loại chứng khoán có giá có liên quan*:				
☐ Cổ phiếu		☐ Trái phiếu		☐ Chứng chỉ quỹ
☐ Khác(mô tả rõ)				

o. Số tài khoản ngân hàng liên quan:		
p. Tên ngân hàng mở tài khoản:		
2. Thông tin về tổ chức thực hiện giao dịch		
2.1. Thông tin về tổ chức		
a. Tên đầy đủ của tổ chức*:		
b. Tên tiếng nước ngoài (nếu có):		
c. Tên viết tắt (nếu có):		
d. Địa chỉ*:		
Quận/Huyện:	Tỉnh/Thành phố:	Quốc gia:
đ. Giấy phép thành lập số:	Ngày cấp:	Nơi cấp:
e. Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế*:	Ngày cấp:	Nơi cấp:
g. Loại hình tổ chức*:		
☐ Công ty TNHH Một thành viên ☐ Công ty TNHH Hai thành viên trở lên ☐ Công ty cổ phần ☐ Công ty hợp danh ☐ Doanh nghiệp tư nhân ☐ Tổ chức phi lợi nhuận ☐ Khác (mô tả rõ)		
h. Ngành nghề kinh doanh chính:		
i. Số điện thoại liên lạc*:		
k. Địa chỉ trang web của doanh nghiệp (tổ chức):		
l. Số tài khoản chứng khoán*:		
m. Các loại chứng khoán có giá có liên quan*:		
☐ Cổ phiếu ☐ Trái phiếu ☐ Chứng chỉ quỹ ☐ Khác(mô tả rõ)		
n. Số tài khoản ngân hàng liên quan*:		
o. Tên ngân hàng mở tài khoản*:		
2.2. Thông tin về người đại diện theo pháp luật của tổ chức		
a. Họ và tên*:		
b. Ngày, tháng, năm sinh*:		
c. Nghề nghiệp:		
☐ Công chức/viên chức	☐ Học sinh/sinh viên	☐ Giáo viên/bác sĩ
☐ Nội trợ	☐ Kinh doanh tự do	☐ Kỹ sư
☐ Công nhân	☐ Nông dân	☐ Khác

d. Quốc tịch*:				
☐ Việt Nam ☐ Nước ngoài: (tên quốc gia.....) ☐ Không quốc tịch				
đ. Địa chỉ đăng ký thường trú*:				
Quận/Huyện:		Tỉnh/Thành phố:		Quốc gia:
e. Nơi ở hiện tại*:				
Quận/Huyện:		Tỉnh/Thành phố:		Quốc gia:
g. Thông tin định danh cá nhân*:				
☐ CMND ☐ CCCD ☐ Hộ chiếu ☐ Định danh cá nhân	Số:	Ngày cấp:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
☐ Thị thực nhập cảnh:				
Số thị thực:	Ngày cấp:	Ngày hết hạn:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
h. Số điện thoại liên lạc:				
3. Thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi				
☐ Trùng với cá nhân tại mục 1 ☐ Khác ☐ Trùng với cá nhân tại mục 2.2				
<i>Điền các thông tin bên dưới (từ a đến l) trong trường hợp chủ sở hữu hưởng lợi khác với cá nhân tại mục 1, 2.2:</i>				
a. Họ và tên*:				
b. Ngày, tháng, năm sinh*:				
c. Độ tuổi:				
☐ Dưới 20 tuổi ☐ Từ 20 tuổi đến dưới 30 tuổi ☐ Từ 30 tuổi đến dưới 40 tuổi ☐ Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi ☐ Từ 50 tuổi trở lên				
d. Giới tính*:				
☐ Nam ☐ Nữ ☐ Khác				
đ. Quốc tịch*:				
☐ Việt Nam ☐ Nước ngoài: (tên quốc gia.....) ☐ Không quốc tịch				
e. Nghề nghiệp*:				
☐ Công chức/viên chức ☐ Học sinh/sinh viên ☐ Giáo viên/bác sĩ ☐ Nội trợ ☐ Kinh doanh tự do ☐ Kỹ sư ☐ Công nhân ☐ Nông dân ☐ Khác				
g. Chức vụ/vị trí việc làm:				
h. Địa chỉ đăng ký thường trú*:				

Quận/Huyện:	Tỉnh/Thành phố:	Quốc gia:	
i. Nơi ở hiện tại*:			
Quận/Huyện:	Tỉnh/Thành phố:	Quốc gia:	
k. Thông tin định danh cá nhân*:			
☐ CMND ☐ CCCD ☐ Hộ chiếu ☐ Định danh cá nhân	Số:	Ngày cấp:	Cơ quan có thẩm quyền cấp: Nơi cấp:
☐ Thị thực nhập cảnh:			
Số thị thực:	Ngày cấp:	Ngày hết hạn:	Cơ quan có thẩm quyền cấp: Nơi cấp:
☐ Giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế/thẻ cư trú:			
Số thẻ:	Ngày cấp:	Ngày hết hạn:	Cơ quan có thẩm quyền cấp: Nơi cấp:
l. Số điện thoại liên lạc*:			
4. Thông tin khác bổ sung			
Phần III	THÔNG TIN VỀ CÁ NHÂN, TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN GIAO DỊCH ĐÁNG NGỜ		
1. Thông tin về cá nhân liên quan đến giao dịch			
a. Họ và tên:			
b. Ngày, tháng, năm sinh:			
c. Độ tuổi:			
☐ Dưới 20 tuổi ☐ Từ 20 tuổi đến dưới 30 tuổi ☐ Từ 30 tuổi đến dưới 40 tuổi ☐ Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi ☐ Từ 50 tuổi trở lên			
d. Giới tính:			
☐ Nam ☐ Nữ ☐ Khác			
đ. Quốc tịch:			
☐ Việt Nam ☐ Nước ngoài: (tên quốc gia.....) ☐ Không quốc tịch			
e. Nghề nghiệp:			
☐ Công chức/viên chức ☐ Học sinh/sinh viên ☐ Giáo viên/bác sĩ ☐ Nội trợ ☐ Kinh doanh tự do ☐ Kỹ sư ☐ Công nhân ☐ Nông dân ☐ Khác			
g. Chức vụ/vị trí việc làm:			

h. Địa chỉ đăng ký thường trú:				
Quận/Huyện:		Tỉnh/Thành phố:		Quốc gia:
i. Nơi ở hiện tại:				
Quận/Huyện/Thị trấn:		Tỉnh/Thành phố:		Quốc gia:
k. Thông tin định danh cá nhân:				
☐ CMND ☐ CCCD ☐ Hộ chiếu ☐ Định danh cá nhân:	Số:	Ngày cấp:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
☐ Thị thực nhập cảnh:				
Số thị thực:	Ngày cấp:	Ngày hết hạn:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
l. Số điện thoại liên lạc:				
m. Số tài khoản:				
n. Mở tại ngân hàng:				
2. Thông tin về tổ chức có liên quan tới giao dịch				
a. Tên đầy đủ của tổ chức:				
b. Tên tiếng nước ngoài (nếu có):				
c. Tên viết tắt (nếu có):				
d. Địa chỉ:				
Quận/Huyện:		Tỉnh/Thành phố:		Quốc gia:
đ. Giấy phép thành lập số:		Ngày cấp:		Nơi cấp:
e. Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:		Ngày cấp:		Nơi cấp:
g. Ngành nghề kinh doanh chính:				
i. Số điện thoại liên lạc:				
k. Số tài khoản:				
l. Mở tại ngân hàng:				
3. Thông tin khác bổ sung				
Phần IV		THÔNG TIN VỀ GIAO DỊCH ĐÁNG NGỜ		
1. Loại báo cáo giao dịch đáng ngờ*				
☐ a) Báo cáo giao dịch đáng ngờ theo điểm a khoản 1 Điều 26 Luật Phòng, chống rửa tiền.				

b) Báo cáo giao dịch đáng ngờ theo điểm b khoản 1 Điều 26 Luật Phòng, chống rửa tiền

☐ b1) Nếu có, đề nghị ghi rõ theo khoản nào của các Điều 27, 31 Luật Phòng, chống rửa tiền: khoản Điều Luật Phòng, chống rửa tiền.

☐ b2) Dấu hiệu đáng ngờ khác do đối tượng báo cáo tự xác định:

2. Mô tả, phân tích chi tiết lý do báo cáo giao dịch đáng ngờ theo dấu hiệu nêu tại mục 1 phần này

a) Mô tả thông tin giao dịch của cá nhân, tổ chức thực hiện giao dịch đáng ngờ và cá nhân, tổ chức có liên quan tới giao dịch đáng ngờ:

- Dòng tiền liên quan đến mua, bán chứng khoán của cá nhân, tổ chức thực hiện giao dịch (trong trường hợp tài khoản của khách hàng có phát sinh giao dịch):

STT	Danh mục loại chứng khoán mua vào	Tổng số tiền giao dịch chứng khoán	Tổng số lượng giao dịch mua chứng khoán	Thời gian giao dịch	Danh mục loại chứng khoán bán ra	Tổng số tiền giao dịch chứng khoán	Tổng số lượng giao dịch bán chứng khoán	Thời gian giao dịch

- Minh họa bằng sơ đồ dòng tiền mua, bán chứng khoán (nếu có)

- Mô tả cụ thể, rõ ràng về các dấu hiệu, nhân tố, tình huống bất thường liên quan đến các giao dịch và cá nhân, tổ chức nêu trên*:

b) Cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch liên quan đến các dấu hiệu nêu trên được xác định từ việc xem xét, thu thập và phân tích thông tin theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 26 Luật Phòng, chống rửa tiền:

- Thông báo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc xác định bị can, bị cáo, người bị kết án:

- Cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch là tài sản thuộc quyền sở hữu hoặc có nguồn gốc thuộc quyền sở hữu, quyền kiểm soát của bị can, bị cáo, người bị kết án đó:

c) Hoặc cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch liên quan đến các dấu hiệu nêu trên được xác định từ việc xem xét, thu thập và phân tích thông tin theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 26 Luật Phòng, chống rửa tiền (kết quả phân tích, đánh giá của đối tượng báo cáo đối với khách hàng, giao dịch phải báo cáo):

3. Ngày phát hiện giao dịch đáng ngờ*:

Phần V	NHỮNG CÔNG VIỆC ĐÃ XỬ LÝ LIÊN QUAN ĐẾN GIAO DỊCH ĐÁNG NGỜ
Liệt kê cụ thể những công việc đã thực hiện liên quan đến việc xử lý báo cáo giao dịch đáng ngờ	
Phần VI	TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM
- Hồ sơ chứng khoán của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch và liên quan đến giao dịch; - Kết quả phân tích, đánh giá cuối cùng của đối tượng báo cáo đối với khách hàng, giao dịch phải báo cáo; - Tài liệu, chứng từ khác có liên quan đến giao dịch đáng ngờ được thể hiện ở phần mô tả, phân tích chi tiết lý do giao dịch đáng ngờ.	

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO*
(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG PHÒNG (bộ phận)*
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP*
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

HƯỚNG DẪN ĐIỀN BÁO CÁO GIAO DỊCH ĐÁNG NGỜ:

Tất cả các trường có dấu (*) là thông tin bắt buộc, không được để trống.

Phần I:

(1b): Mã đối tượng báo cáo do Bộ Tài chính hướng dẫn (nếu có).

(1h): Chỉ rõ 01 thư điện tử (email) đại diện chung của đối tượng báo cáo để nhận thư xác nhận của Cơ quan thực hiện chức năng, nhiệm vụ phòng, chống rửa tiền thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

(2.1a): Ghi đầy đủ họ, tên đệm, tên của người chịu trách nhiệm về phòng, chống rửa tiền tại đơn vị bằng chữ thường, có dấu.

(2.2a): Ghi đầy đủ họ, tên đệm, tên của người lập báo cáo bằng chữ thường, có dấu.

Phần II:

(1): Áp dụng cho khách hàng cá nhân (để trống hoặc có thể lược bỏ các trường thông tin này tại báo cáo nếu khách hàng là tổ chức). Trường hợp có nhiều cá nhân thực hiện giao dịch đáng ngờ thì chèn thêm các trường chi tiết tương ứng với mỗi cá nhân. Nếu có từ 10 cá nhân trở lên có thể tạo thành bảng chi tiết thông tin cá nhân, nhưng phải đảm bảo đầy đủ các thông tin như quy định tại phần này.

(1a): Ghi đầy đủ họ, tên đệm, tên của cá nhân thực hiện giao dịch bằng chữ thường, có dấu.

(1b): Ghi rõ ngày, tháng, năm sinh.

(1c): Xác định độ tuổi tính theo năm sinh của khách hàng đến thời điểm báo cáo.

(1d): Trường hợp không xác định được giới tính của khách hàng là nam hay nữ thì chọn vào ô "Khác".

(1h): Điền thông tin đối với khách hàng cá nhân có quốc tịch là người Việt Nam.

(1i):

- Điền thông tin này khi khách hàng cá nhân có quốc tịch là người Việt Nam có địa chỉ nơi ở hiện tại khác với địa chỉ đăng ký thường trú.

- Điền thông tin địa chỉ của các khách hàng theo quy định tại điểm b, c, d, đ khoản 1 Điều 10 Luật Phòng, chống rửa tiền.

(1k): Có thể chọn một hoặc nhiều giấy tờ định danh cá nhân và điền đầy đủ thông tin đối với mỗi loại giấy tờ tương ứng.

(2): Áp dụng cho khách hàng là tổ chức (để trống hoặc có thể lược bỏ các trường thông tin này tại báo cáo nếu là khách hàng cá nhân). Trường hợp có nhiều tổ chức thực hiện giao dịch đáng ngờ thì chèn thêm các trường chi tiết tương ứng với mỗi tổ chức.

(2.1b): Để trống nếu tổ chức không có tên nước ngoài tương ứng.

(2.2a): Ghi đầy đủ họ, tên đệm, tên người đại diện theo pháp luật của tổ chức bằng chữ thường, có dấu.

(2.2b): Ghi rõ ngày, tháng, năm sinh.

(2.2d): Điền thông tin đối với khách hàng cá nhân có quốc tịch là người Việt Nam.

(2.2e):

- Điền thông tin này khi khách hàng cá nhân có quốc tịch là người Việt Nam có địa chỉ nơi ở hiện tại khác với địa chỉ đăng ký thường trú.

- Điền thông tin địa chỉ của các khách hàng theo quy định tại điểm b, c, d, đ khoản 1 Điều 10 Luật Phòng, chống rửa tiền.

(2.2g): Có thể chọn một hoặc nhiều giấy tờ định danh cá nhân và điền đầy đủ thông tin đối với mỗi loại giấy tờ tương ứng.

(3): Trường hợp nhiều chủ sở hữu hưởng lợi, đối tượng báo cáo chèn thêm đầy đủ các trường thông tin từ a đến l đối với mỗi chủ sở hữu hưởng lợi.

Phần III:

- Không bắt buộc trong trường hợp đối tượng báo cáo không có thông tin về cá nhân, tổ chức

có liên quan tới giao dịch đáng ngờ (đối tác).

- Trong trường hợp đối tượng báo cáo có thông tin về cá nhân, tổ chức có liên quan tới giao dịch đáng ngờ: chỉ cần điền vào các trường có thông tin, không bắt buộc phải điền đầy đủ vào tất cả các trường thông tin.

Phần IV:

(1a): Nếu có phát sinh, phải đảm bảo hai yếu tố:

- Biết giao dịch được thực hiện theo yêu cầu của bị can, bị cáo, người bị kết án thông qua thông báo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

- Và có cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch là tài sản thuộc quyền sở hữu hoặc có nguồn gốc thuộc quyền sở hữu, quyền kiểm soát của bị can, bị cáo, người bị kết án đó.

(1b1): Nếu có phát sinh, ghi rõ nội dung giao dịch đáng ngờ có liên quan đến điều, khoản nào của Luật Phòng, chống rửa tiền.

(1b2): Nếu có phát sinh, ghi rõ nội dung dấu hiệu giao dịch đáng ngờ có liên quan đến rửa tiền.

(2): Mô tả cụ thể, rõ ràng và chi tiết nhất có thể về các dấu hiệu, nhân tố, tình huống bất thường dẫn tới việc đối tượng báo cáo nghi ngờ giao dịch và/hoặc tin rằng giao dịch có liên quan đến rửa tiền hay hoạt động tội phạm.

(3): Ngày phát hiện giao dịch đáng ngờ theo khoản 2 Điều 37 Luật Phòng, chống rửa tiền.

Phần V: Mô tả cụ thể những công việc đã thực hiện liên quan đến việc xử lý báo cáo giao dịch đáng ngờ.

Phần VI: Các hồ sơ, tài liệu có liên quan, cần có bảng danh mục hồ sơ, tài liệu liệt kê: số thứ tự; loại hồ sơ, tài liệu gắn với tên tổ chức, cá nhân có liên quan; số lượng trang tương ứng với loại hồ sơ, tài liệu; tình trạng tài liệu (bản chụp hay sao y bản chính hay bản mềm).

Phần ký tên:

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO: theo quy định của Luật Phòng, chống rửa tiền, đơn vị báo cáo và chịu trách nhiệm với báo cáo phải là đối tượng báo cáo (hội sở) nên **NGƯỜI LẬP BÁO CÁO** là cán bộ tại hội sở. Trường hợp, đối tượng báo cáo ủy quyền cho chi nhánh hoặc phòng giao dịch lập báo cáo thì **NGƯỜI LẬP BÁO CÁO** là cán bộ của chi nhánh/Phòng giao dịch, tuy nhiên, việc này phải quy định trong Quy định nội bộ của đơn vị và đối tượng báo cáo (hội sở) phải là đơn vị chịu trách nhiệm về báo cáo.

TRƯỞNG PHÒNG (bộ phận): là trưởng phòng hoặc trưởng bộ phận kiểm soát trực tiếp báo cáo giao dịch đáng ngờ.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP: Tổng Giám đốc (Giám đốc) là lãnh đạo cấp cao chịu trách nhiệm về công tác phòng, chống rửa tiền tại đơn vị hoặc người được Tổng Giám đốc (Giám đốc) ủy quyền hợp pháp.

Lưu ý:

(i) Biểu mẫu này áp dụng cho đối tượng báo cáo báo cáo giao dịch đáng ngờ cho Cơ quan thực hiện chức năng, nhiệm vụ phòng, chống rửa tiền thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Không gửi biểu mẫu này cho cơ quan có thẩm quyền khác.

(ii) Các cá nhân, tổ chức được nêu trong cùng một báo cáo giao dịch đáng ngờ phải có mối liên hệ với nhau.

Mẫu số 05
Dành cho đối tượng báo cáo là tổ chức kinh doanh bất động sản

BÁO CÁO GIAO DỊCH ĐĂNG NGỜ <i>Ngày..... tháng..... năm.....</i>		Số báo cáo: <i>abcd/yyyy</i>
PHẢI ĐIỀN ĐẦY ĐỦ THÔNG TIN VÀO CÁC TRƯỜNG YÊU CẦU CÓ ĐÁU * (Xem phần Hướng dẫn điền báo cáo)		
Báo cáo này có sửa đổi/bổ sung/thay thế báo cáo nào trước không?		
☐ Không	☐ Có sửa đổi/bổ sung cho Báo cáo số..... ngày..... ☐ Có thay thế cho Báo cáo số..... ngày.....	
Phần I	THÔNG TIN VỀ ĐỐI TƯỢNG BÁO CÁO	
1. Thông tin về đối tượng báo cáo*		
a. Tên đối tượng báo cáo:		
b. Mã đối tượng báo cáo (nếu có):		
c. Địa chỉ (số nhà, đường/phố):		
Quận/Huyện:	Tỉnh/Thành phố:	Quốc gia:
d. Điện thoại:		
đ. Tên điểm phát sinh giao dịch:		
e. Địa chỉ điểm phát sinh giao dịch:		
Quận/Huyện:	Tỉnh/Thành phố:	Quốc gia:
g. Điện thoại:		
h. Địa chỉ email của đơn vị <i>(nhận email xác nhận của Cơ quan thực hiện chức năng, nhiệm vụ phòng, chống rửa tiền thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam):</i>		
2. Thông tin về người chịu trách nhiệm về phòng, chống rửa tiền và người lập báo cáo		
2.1. Thông tin về người chịu trách nhiệm về phòng, chống rửa tiền		
a. Họ và tên:		
b. Điện thoại nơi làm việc:	c. Điện thoại di động:	
d. Chức vụ:		
2.2. Thông tin về người lập báo cáo*		
a. Họ và tên:		
b. Điện thoại nơi làm việc:	c. Điện thoại di động:	
d. Bộ phận công tác:		
Phần II	THÔNG TIN VỀ CÁ NHÂN, TỔ CHỨC THỰC HIỆN GIAO DỊCH ĐĂNG NGỜ	

1. Thông tin về cá nhân thực hiện giao dịch				
a. Họ và tên*:				
b. Ngày, tháng, năm sinh*:				
c. Độ tuổi:				
☐ Dưới 20 tuổi ☐ Từ 20 tuổi đến dưới 30 tuổi ☐ Từ 30 tuổi đến dưới 40 tuổi ☐ Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi ☐ Từ 50 tuổi trở lên				
d. Giới tính:				
☐ Nam ☐ Nữ ☐ Khác				
đ. Quốc tịch*:				
☐ Việt Nam ☐ Nước ngoài: (tên quốc gia.....) ☐ Không quốc tịch				
e. Nghề nghiệp*:				
☐ Công chức/viên chức ☐ Học sinh/sinh viên ☐ Giáo viên/bác sĩ ☐ Nội trợ ☐ Kinh doanh tự do ☐ Kỹ sư ☐ Công nhân ☐ Nông dân ☐ Khác				
g. Chức vụ/vị trí việc làm:				
h. Địa chỉ đăng ký thường trú*:				
Quận/Huyện:		Tỉnh/Thành phố:		Quốc gia:
i. Nơi ở hiện tại*:				
Quận/Huyện:		Tỉnh/Thành phố:		Quốc gia:
k. Thông tin định danh cá nhân*:				
☐ CMND ☐ CCCD ☐ Hộ chiếu ☐ Định danh cá nhân	Số:	Ngày cấp:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
☐ Thị thực nhập cảnh:				
Số thị thực:	Ngày cấp:	Ngày hết hạn:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
☐ Giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế/thẻ cư trú:				
Số thẻ:	Ngày cấp:	Ngày hết hạn:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
l. Số điện thoại liên lạc*:				
m. Số hợp đồng bất động sản có liên quan giao dịch đáng ngờ*:				
n. Loại bất động sản:				
☐ Nhà cấp I ☐ Nhà cấp II ☐ Nhà cấp III ☐ Nhà cấp IV ☐ Chung cư ☐ Đất thổ cư ☐ Đất ruộng ☐ Khác				

o. Ngày hợp đồng có hiệu lực:		
p. Hình thức thanh toán hợp đồng:		
☐ Tiền mặt ☐ Chuyển khoản		
q. Phương thức thanh toán hợp đồng:		
☐ Thanh toán 1 lần ☐ Thanh toán nhiều lần ☐ Khác (ghi rõ)		
r. Số tài khoản ngân hàng:		
s. Ngân hàng mở tài khoản:		
2. Thông tin về tổ chức thực hiện giao dịch		
2.1. Thông tin về tổ chức		
a. Tên đầy đủ của tổ chức*:		
b. Tên tiếng nước ngoài (nếu có):		
c. Tên viết tắt (nếu có):		
d. Địa chỉ*:		
Quận/Huyện:	Tỉnh/Thành phố:	Quốc gia:
d. Giấy phép thành lập số:	Ngày cấp:	Nơi cấp:
e. Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế*:	Ngày cấp:	Nơi cấp:
g. Ngành nghề kinh doanh chính:		
h. Số điện thoại liên lạc*:		
i. Địa chỉ trang thông tin điện tử của doanh nghiệp (tổ chức):		
k. Số hợp đồng bất động sản có liên quan giao dịch đáng ngờ*:		
n. Loại bất động sản:		
☐ Nhà cấp I	☐ Nhà cấp II	☐ Nhà cấp III
☐ Nhà cấp IV	☐ Chung cư	☐ Đất thổ cư
☐ Đất ruộng	☐ Khác	
o. Ngày hợp đồng có hiệu lực:		
p. Hình thức thanh toán hợp đồng:		
☐ Tiền mặt ☐ Chuyển khoản		
q. Phương thức thanh toán hợp đồng:		
☐ Thanh toán 1 lần ☐ Thanh toán nhiều lần ☐ Khác (ghi rõ)		
r. Số tài khoản ngân hàng:		
s. Ngân hàng mở tài khoản:		
2.2. Thông tin về người đại diện theo pháp luật của tổ chức*		
a. Họ và tên:		
b. Ngày, tháng, năm sinh:		

c. Quốc tịch:				
☐ Việt Nam		☐ Nước ngoài: (tên quốc gia.....)		☐ Không quốc tịch
d. Nghề nghiệp:				
☐ Công chức/viên chức	☐ Học sinh/sinh viên	☐ Giáo viên/bác sĩ		
☐ Nội trợ	☐ Kinh doanh tự do	☐ Kỹ sư		
☐ Công nhân	☐ Nông dân	☐ Khác		
đ. Địa chỉ đăng ký thường trú:				
Quận/Huyện:		Tỉnh/Thành phố:		Quốc gia:
e. Nơi ở hiện tại:				
Quận/Huyện:		Tỉnh/Thành phố:		Quốc gia:
g. Thông tin định danh cá nhân:				
☐ CMND				
☐ CCCD	Số:	Ngày cấp:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
☐ Hộ chiếu				
☐ Định danh cá nhân				
☐ Thị thực nhập cảnh:				
Số thị thực:	Ngày cấp:	Ngày hết hạn:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
h. Số điện thoại liên lạc:				
3. Thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi				
☐ Trùng với cá nhân tại mục 1		☐ Khác		
☐ Trùng với cá nhân tại mục 2.2				
<i>Điền các thông tin bên dưới (từ a đến l) trong trường hợp chủ sở hữu hưởng lợi khác với cá nhân tại mục 1, 2.2:</i>				
a. Họ và tên*:				
b. Ngày, tháng, năm sinh*:				
c. Độ tuổi:				
☐ Dưới 20 tuổi	☐ Từ 20 tuổi đến dưới 30 tuổi	☐ Từ 30 tuổi đến dưới 40 tuổi		
☐ Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi		☐ Từ 50 tuổi trở lên		
d. Giới tính*:				
☐ Nam		☐ Nữ	☐ Khác	
đ. Quốc tịch*:				
☐ Việt Nam		☐ Nước ngoài: (tên quốc gia.....)		☐ Không quốc tịch
e. Nghề nghiệp*:				
☐ Công chức/viên chức		☐ Học sinh/sinh viên		☐ Giáo viên/bác sĩ

☐ Nội trợ	☐ Kinh doanh tự do	☐ Kỹ sư
☐ Công nhân	☐ Nông dân	☐ Khác
g. Chức vụ/vị trí việc làm:		
h. Địa chỉ đăng ký thường trú*:		
Quận/Huyện:	Tỉnh/Thành phố:	Quốc gia:
i. Nơi ở hiện tại*:		
Quận/Huyện:	Tỉnh/Thành phố:	Quốc gia:
k. Thông tin định danh cá nhân*:		
☐ CMND ☐ CCCD ☐ Hộ chiếu ☐ Định danh cá nhân	Số:	Ngày cấp:
		Cơ quan có thẩm quyền cấp:
		Nơi cấp:
☐ Thị thực nhập cảnh:		
Số thị thực:	Ngày cấp:	Ngày hết hạn:
		Cơ quan có thẩm quyền cấp:
		Nơi cấp:
☐ Giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế/thẻ cư trú:		
Số thẻ:	Ngày cấp:	Ngày hết hạn:
		Cơ quan có thẩm quyền cấp:
		Nơi cấp:
l. Số điện thoại liên lạc*:		
4. Thông tin khác bổ sung		
Phần III	THÔNG TIN VỀ CÁ NHÂN, TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN GIAO DỊCH ĐĂNG NGỪ	
1. Thông tin về cá nhân liên quan đến giao dịch (người mua/người bán bất động sản...)		
a. Họ và tên:		
b. Ngày, tháng, năm sinh:		
c. Quốc tịch:		
☐ Việt Nam	☐ Nước ngoài: (tên quốc gia.....)	☐ Không quốc tịch
d. Nghề nghiệp:		
☐ Công chức/viên chức	☐ Học sinh/sinh viên	☐ Giáo viên/bác sĩ
☐ Nội trợ	☐ Kinh doanh tự do	☐ Kỹ sư
☐ Công nhân	☐ Nông dân	☐ Khác
đ. Chức vụ/vị trí việc làm:		
e. Địa chỉ đăng ký thường trú:		

Quận/Huyện:		Tỉnh/Thành phố:		Quốc gia:	
g. Nơi ở hiện tại:					
Quận/Huyện/Thị trấn:		Tỉnh/Thành phố:		Quốc gia:	
i. Thông tin định danh cá nhân:					
☐ CMND ☐ CCCD ☐ Hộ chiếu ☐ Định danh cá nhân:	Số:	Ngày cấp:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:	
☐ Thị thực nhập cảnh:					
Số thị thực:	Ngày cấp:	Ngày hết hạn:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:	
k. Số điện thoại liên lạc:					
2. Thông tin về tổ chức có liên quan tới giao dịch					
a. Tên đầy đủ của tổ chức:					
b. Tên tiếng nước ngoài (nếu có):					
c. Tên viết tắt (nếu có):					
d. Địa chỉ:					
Quận/Huyện:		Tỉnh/Thành phố:		Quốc gia:	
e. Giấy phép thành lập số:		Ngày cấp:		Nơi cấp:	
g. Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:		Ngày cấp:		Nơi cấp:	
h. Ngành nghề kinh doanh chính:					
i. Số điện thoại liên lạc:					
3. Thông tin khác bổ sung					
Phần IV			THÔNG TIN VỀ GIAO DỊCH ĐÁNG NGỜ		
1. Loại báo cáo giao dịch đáng ngờ*					
☐ a) Báo cáo giao dịch đáng ngờ theo điểm a khoản 1 Điều 26 Luật Phòng, chống rửa tiền					
☐ b) Báo cáo giao dịch đáng ngờ theo điểm b khoản 1 Điều 26 Luật Phòng, chống rửa tiền					
☐ b1) Nếu có, đề nghị ghi rõ theo khoản nào của các Điều 27, 28, 29, 30, 31, 32 và 33 Luật Phòng, chống rửa tiền: khoản Điều Luật Phòng, chống rửa tiền.					

☐ b2) Dấu hiệu đáng ngờ khác do đối tượng báo cáo tự xác định:

2. Mô tả, phân tích chi tiết lý do báo cáo giao dịch đáng ngờ theo dấu hiệu nêu tại mục 1 phần này:

a) Mô tả thông tin giao dịch của cá nhân, tổ chức thực hiện giao dịch đáng ngờ và cá nhân, tổ chức có liên quan tới giao dịch đáng ngờ:

- Dòng tiền liên quan đến mua, bán bất động sản của cá nhân, tổ chức thực hiện giao dịch (trong trường hợp tài khoản của khách hàng có phát sinh giao dịch):

STT	Danh mục loại BĐS mua vào	Tổng số tiền giao dịch	Tổng số lần thanh toán mua BĐS	Thời gian giao dịch	Danh mục loại BĐS bán ra	Tổng số tiền giao dịch	Tổng số lần thanh toán bán BĐS	Thời gian giao dịch

- Minh họa bằng sơ đồ dòng tiền mua, bán bất động sản (nếu có)

- Mô tả cụ thể, rõ ràng về các dấu hiệu, nhân tố, tình huống bất thường liên quan đến các giao dịch và cá nhân, tổ chức nêu trên*:

b) Cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch liên quan đến các dấu hiệu nêu trên được xác định từ việc xem xét, thu thập và phân tích thông tin theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 26 Luật Phòng, chống rửa tiền:

- Thông báo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc xác định bị can, bị cáo, người bị kết án:

- Cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch là tài sản thuộc quyền sở hữu hoặc có nguồn gốc thuộc quyền sở hữu, quyền kiểm soát của bị can, bị cáo, người bị kết án đó:

c) Hoặc cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch liên quan đến các dấu hiệu nêu trên được xác định từ việc xem xét, thu thập và phân tích thông tin theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 26 Luật Phòng, chống rửa tiền (kết quả phân tích, đánh giá của đối tượng báo cáo đối với khách hàng, giao dịch phải báo cáo):

3. Ngày phát hiện giao dịch đáng ngờ*:

Phần V

NHỮNG CÔNG VIỆC ĐÃ XỬ LÝ LIÊN QUAN ĐẾN GIAO DỊCH ĐÁNG NGỜ

Liệt kê cụ thể những công việc đã thực hiện liên quan đến việc xử lý báo cáo giao dịch đáng ngờ

Phần VI	TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM
- Hồ sơ giao dịch mua, bán bất động sản của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch và liên quan đến giao dịch; - Kết quả phân tích, đánh giá cuối cùng của đối tượng báo cáo đối với khách hàng, giao dịch phải báo cáo; - Thông tin, tài liệu khác có liên quan đến giao dịch đáng ngờ được thể hiện ở phần mô tả, phân tích chi tiết lý do giao dịch đáng ngờ.	

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO*
(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG PHÒNG (bộ phận)*
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP*
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

HƯỚNG DẪN ĐIỀN BÁO CÁO GIAO DỊCH ĐÁNG NGỜ:

Tất cả các trường có dấu (*) là thông tin bắt buộc, không được để trống.

Phần I:

(1b): Mã đối tượng báo cáo do Bộ Xây dựng hướng dẫn (nếu có).

(1h): Chỉ rõ 01 thư điện tử (email) đại diện chung của đối tượng báo cáo để nhận thư xác nhận của Cơ quan thực hiện chức năng, nhiệm vụ phòng, chống rửa tiền thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

(2.1a): Ghi đầy đủ họ, tên đệm, tên của người chịu trách nhiệm về phòng, chống rửa tiền tại đơn vị bằng chữ thường, có dấu.

(2.2a): Ghi đầy đủ họ, tên đệm, tên của người lập báo cáo bằng chữ thường, có dấu.

Phần II:

(1): Áp dụng cho khách hàng cá nhân (để trống nếu khách hàng là tổ chức).

(1a): Ghi đầy đủ họ, tên đệm, tên của cá nhân thực hiện giao dịch bằng chữ thường, có dấu

(1b): Ghi rõ ngày, tháng, năm sinh.

(1c): Xác định độ tuổi tính theo năm sinh của khách hàng đến thời điểm báo cáo.

(1d): Trường hợp không xác định được giới tính của khách hàng là nam hay nữ thì chọn vào ô "Khác".

(1h): Điền thông tin đối với khách hàng cá nhân có quốc tịch là người Việt Nam.

(1i):

- Điền thông tin này khi khách hàng cá nhân có quốc tịch là người Việt Nam có địa chỉ nơi ở hiện tại khác với địa chỉ đăng ký thường trú.

- Điền thông tin địa chỉ của các khách hàng theo quy định tại điểm b, c, d, đ khoản 1 Điều 10 Luật Phòng, chống rửa tiền.

(1k): Có thể chọn một hoặc nhiều giấy tờ định danh cá nhân và điền đầy đủ thông tin đối với mỗi loại giấy tờ tương ứng.

(2): Áp dụng cho khách hàng là tổ chức (để trống nếu là khách hàng cá nhân). Trường hợp có nhiều tổ chức thực hiện giao dịch đáng ngờ thì chèn thêm các trường chi tiết tương ứng với mỗi tổ chức.

(2.1b): Để trống nếu tổ chức không có tên nước ngoài tương ứng.

(2.2a): Ghi đầy đủ họ, tên đệm, tên người đại diện theo pháp luật của tổ chức bằng chữ thường, có dấu.

(2.2b): Ghi rõ ngày, tháng, năm sinh.

(2.2d): Điền thông tin đối với khách hàng cá nhân có quốc tịch là người Việt Nam.

(2.2e):

- Điền thông tin này khi khách hàng cá nhân có quốc tịch là người Việt Nam có địa chỉ nơi ở hiện tại khác với địa chỉ đăng ký thường trú.

- Điền thông tin địa chỉ của các khách hàng theo quy định tại điểm b, c, d, đ khoản 1 Điều 10 Luật Phòng, chống rửa tiền.

(2.2g): Có thể chọn một hoặc nhiều giấy tờ định danh cá nhân và điền đầy đủ thông tin đối với mỗi loại giấy tờ tương ứng.

(3): Trường hợp nhiều chủ sở hữu hưởng lợi, đối tượng báo cáo chèn thêm đầy đủ các trường thông tin từ a đến l đối với mỗi chủ sở hữu hưởng lợi.

Phần III:

- Không bắt buộc trong trường hợp đối tượng báo cáo không có thông tin về cá nhân, tổ chức có liên quan tới giao dịch đáng ngờ (đối tác).

- Trong trường hợp đối tượng báo cáo có thông tin về cá nhân, tổ chức có liên quan tới giao dịch đáng ngờ: chỉ cần điền vào các trường có thông tin, không bắt buộc phải điền đầy đủ vào tất cả các trường thông tin.

Phần IV:

(1a): Nếu có phát sinh, phải đảm bảo hai yếu tố:

- Biết giao dịch được thực hiện theo yêu cầu của bị can, bị cáo, người bị kết án thông qua thông báo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

- Và có cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch là tài sản thuộc quyền sở hữu hoặc có nguồn gốc thuộc quyền sở hữu, quyền kiểm soát của bị can, bị cáo, người bị kết án đó.

(1b1): Nếu có phát sinh, ghi rõ nội dung giao dịch đáng ngờ có liên quan đến điều, khoản nào của Luật Phòng, chống rửa tiền.

(1b2): Nếu có phát sinh, ghi rõ nội dung dấu hiệu đáng ngờ có liên quan đến rửa tiền.

(2): Mô tả cụ thể, rõ ràng và chi tiết nhất có thể về các dấu hiệu, nhân tố, tình huống bất thường dẫn tới việc đối tượng báo cáo nghi ngờ giao dịch và/hoặc tin rằng giao dịch có liên quan đến rửa tiền.

(3): Ngày phát hiện giao dịch đáng ngờ theo khoản 2 Điều 37 Luật Phòng, chống rửa tiền.

Phần V: Mô tả cụ thể những công việc đã thực hiện liên quan đến việc xử lý báo cáo giao dịch đáng ngờ.

Phần VI: Các hồ sơ, tài liệu có liên quan, cần có bảng danh mục hồ sơ, tài liệu liệt kê: số thứ tự; loại hồ sơ, tài liệu gắn với tên tổ chức, cá nhân có liên quan; số lượng trang tương ứng với loại hồ sơ, tài liệu; tình trạng tài liệu (bản chụp hay sao y bản chính hay bản mềm).

Phần ký tên:

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO: theo quy định của Luật Phòng, chống rửa tiền, đơn vị báo cáo và chịu trách nhiệm với báo cáo phải là đối tượng báo cáo (hội sở) nên NGƯỜI LẬP BÁO CÁO là cán bộ tại hội sở. Trường hợp, đối tượng báo cáo ủy quyền cho chi nhánh hoặc phòng giao dịch lập báo cáo thì NGƯỜI LẬP BÁO CÁO là cán bộ của chi nhánh/Phòng giao dịch, tuy nhiên, việc này phải quy định trong Quy định nội bộ của đơn vị và đối tượng báo cáo (hội sở) phải là đơn vị chịu trách nhiệm về báo cáo.

TRƯỞNG PHÒNG (bộ phận): là trưởng phòng hoặc trưởng bộ phận kiểm soát trực tiếp báo cáo giao dịch đáng ngờ.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP: Tổng Giám đốc (Giám đốc) là lãnh đạo cấp cao chịu trách nhiệm về công tác phòng, chống rửa tiền tại đơn vị hoặc người được Tổng Giám đốc (Giám đốc) ủy quyền hợp pháp.

Lưu ý:

(i) Biểu mẫu này áp dụng cho đối tượng báo cáo báo cáo giao dịch đáng ngờ cho Cơ quan thực hiện chức năng, nhiệm vụ phòng, chống rửa tiền thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Không gửi biểu mẫu này cho cơ quan có thẩm quyền khác.

(ii) Các cá nhân, tổ chức được nêu trong cùng một báo cáo giao dịch đáng ngờ phải có mối liên hệ với nhau và thể hiện trong phần mô tả, phân tích chi tiết lý do giao dịch đáng ngờ.

Mẫu số 06

Áp dụng cho đối tượng báo cáo là tổ chức kinh doanh trò chơi có thưởng, bao gồm: trò chơi điện tử có thưởng; trò chơi trên mạng viễn thông, mạng Internet; casino; xổ số; đặt cược

BÁO CÁO GIAO DỊCH ĐÁNG NGỜ Ngày..... tháng..... năm.....		Số báo cáo: abcd/yyyy
PHẢI ĐIỀN ĐẦY ĐỦ THÔNG TIN VÀO CÁC TRƯỜNG YÊU CẦU CÓ DẦU * (Xem phần Hướng dẫn điền báo cáo)		
Báo cáo này có sửa đổi/bổ sung/thay thế báo cáo nào trước không?		
☐ Không	☐ Có sửa đổi/bổ sung cho Báo cáo số..... ngày..... ☐ Có thay thế cho Báo cáo số..... ngày.....	
Phần I	THÔNG TIN VỀ ĐỐI TƯỢNG BÁO CÁO	
1. Thông tin về đối tượng báo cáo*		
a. Tên đối tượng báo cáo:		
b. Mã đối tượng báo cáo (nếu có):		
c. Địa chỉ (số nhà, đường/phố):		
Quận/Huyện:	Tỉnh/Thành phố:	Quốc gia:
d. Điện thoại:		
đ. Tên điểm phát sinh giao dịch hoặc đơn vị quản lý tài khoản:		
e. Địa chỉ điểm phát sinh giao dịch hoặc địa chỉ đơn vị quản lý tài khoản:		
Quận/Huyện:	Tỉnh/Thành phố:	Quốc gia:
g. Điện thoại:		
h. Địa chỉ email của đơn vị (nhận email xác nhận của Cơ quan thực hiện chức năng, nhiệm vụ phòng, chống rửa tiền thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam):		
2. Thông tin về người chịu trách nhiệm về phòng, chống rửa tiền và người lập báo cáo		
2.1. Thông tin về người chịu trách nhiệm về phòng, chống rửa tiền		
a. Họ và tên:		
b. Điện thoại nơi làm việc:	c. Điện thoại di động:	
d. Chức vụ:		
2.2. Thông tin về người lập báo cáo*		
a. Họ và tên:		
b. Điện thoại nơi làm việc:	c. Điện thoại di động:	
d. Bộ phận công tác:		
Phần II	THÔNG TIN VỀ CÁ NHÂN THỰC HIỆN GIAO DỊCH ĐÁNG NGỜ	

1. Thông tin về cá nhân thực hiện giao dịch:				
a. Họ và tên*:				
b. Ngày, tháng, năm sinh*:				
c. Độ tuổi:				
☐ Dưới 20 tuổi ☐ Từ 20 tuổi đến dưới 30 tuổi ☐ Từ 30 tuổi đến dưới 40 tuổi ☐ Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi ☐ Từ 50 tuổi trở lên				
d. Giới tính*:				
☐ Nam ☐ Nữ ☐ Khác				
đ. Quốc tịch*:				
☐ Việt Nam ☐ Nước ngoài: (tên quốc gia.....) ☐ Không quốc tịch				
e. Nghề nghiệp*:				
☐ Công chức/viên chức ☐ Học sinh/sinh viên ☐ Giáo viên/bác sĩ ☐ Nội trợ ☐ Kinh doanh tự do ☐ Kỹ sư ☐ Công nhân ☐ Nông dân ☐ Khác				
g. Chức vụ/vị trí việc làm:				
h. Địa chỉ đăng ký thường trú*:				
Quận/Huyện:		Tỉnh/Thành phố:		Quốc gia:
i. Nơi ở hiện tại*:				
Quận/Huyện:		Tỉnh/Thành phố:		Quốc gia:
k. Thông tin định danh cá nhân*:				
☐ CMND ☐ CCCD ☐ Hộ chiếu ☐ Định danh cá nhân	Số:	Ngày cấp:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
☐ Thị thực nhập cảnh:				
Số thị thực:	Ngày cấp:	Ngày hết hạn:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
☐ Giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế/thẻ cư trú:				
Số thẻ:	Ngày cấp:	Ngày hết hạn:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
l. Số điện thoại liên lạc*:				
m. Phương thức giao dịch*:				
☐ Tiền mặt ☐ chuyển khoản				
n. Loại trò chơi*:				

☐ Casino	☐ Xổ số	☐ Khác (mô tả rõ)		
o. Số tài khoản tại ngân hàng:				
p. Tên ngân hàng mở tài khoản:				
2. Thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi:				
☐ Trùng với cá nhân thực hiện giao dịch		☐ Khác với cá nhân thực hiện giao dịch		
<i>Điền các thông tin bên dưới (từ a đến l) trong trường hợp chủ sở hữu hưởng lợi khác với cá nhân thực hiện giao dịch:</i>				
a. Họ và tên*:				
b. Ngày, tháng, năm sinh*:				
c. Độ tuổi:				
☐ Dưới 20 tuổi	☐ Từ 20 tuổi đến dưới 30 tuổi	☐ Từ 30 tuổi đến dưới 40 tuổi		
☐ Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	☐ Từ 50 tuổi trở lên			
d. Giới tính*:				
☐ Nam	☐ Nữ	☐ Khác		
đ. Quốc tịch*:				
☐ Việt Nam	☐ Nước ngoài: (tên quốc gia.....)	☐ Không quốc tịch		
e. Nghề nghiệp*:				
☐ Công chức/viên chức	☐ Học sinh/sinh viên	☐ Giáo viên/bác sĩ		
☐ Nội trợ	☐ Kinh doanh tự do	☐ Kỹ sư		
☐ Công nhân	☐ Nông dân	☐ Khác		
g. Chức vụ/vị trí việc làm:				
h. Địa chỉ đăng ký thường trú*:				
Quận/Huyện:	Tỉnh/Thành phố:	Quốc gia:		
i. Nơi ở hiện tại*:				
Quận/Huyện:	Tỉnh/Thành phố:	Quốc gia:		
k. Thông tin định danh cá nhân*:				
☐ CMND				
☐ CCCD	Số:	Ngày cấp:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
☐ Hộ chiếu				
☐ Định danh cá nhân				
☐ Thị thực nhập cảnh:				
Số thị thực:	Ngày cấp:	Ngày hết hạn:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
☐ Giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế/thẻ cư trú:				

Số thẻ:	Ngày cấp:	Ngày hết hạn:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
1. Số điện thoại liên lạc*:				
3. Thông tin khác bổ sung				
Phần III		THÔNG TIN VỀ CÁ NHÂN CÓ LIÊN QUAN ĐẾN GIAO DỊCH ĐĂNG NGỜ		
1. Thông tin về cá nhân liên quan đến giao dịch				
a. Họ và tên:				
b. Ngày, tháng, năm sinh:				
c. Độ tuổi:				
☐ Dưới 20 tuổi ☐ Từ 20 tuổi đến dưới 30 tuổi ☐ Từ 30 tuổi đến dưới 40 tuổi ☐ Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi ☐ Từ 50 tuổi trở lên				
d. Giới tính:				
☐ Nam ☐ Nữ ☐ Khác				
đ. Quốc tịch:				
☐ Việt Nam ☐ Nước ngoài: (tên quốc gia.....) ☐ Không quốc tịch				
e. Nghề nghiệp:				
☐ Công chức/viên chức ☐ Học sinh/sinh viên ☐ Giáo viên/bác sĩ ☐ Nội trợ ☐ Kinh doanh tự do ☐ Kỹ sư ☐ Công nhân ☐ Nông dân ☐ Khác				
g. Chức vụ:				
h. Địa chỉ đăng ký thường trú:				
Quận/Huyện:		Tỉnh/Thành phố:	Quốc gia:	
i. Nơi ở hiện tại:				
Quận/Huyện/Thị trấn:		Tỉnh/Thành phố:	Quốc gia:	
k. Thông tin định danh cá nhân:				
☐ CMND ☐ CCCD ☐ Hộ chiếu ☐ Định danh cá nhân	Số:	Ngày cấp:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
☐ Thị thực nhập cảnh:				
Số thị thực:	Ngày cấp:	Ngày hết hạn:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:

☐ Giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế/thẻ cư trú:					
Số thẻ:	Ngày cấp:	Ngày hết hạn:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:	
l. Số điện thoại liên lạc:					
m. Số tài khoản ngân hàng:					
n. Tên ngân hàng mở tài khoản:					
2. Thông tin khác bổ sung					
Phần IV		THÔNG TIN VỀ GIAO DỊCH ĐÁNG NGỜ			
1. Loại báo cáo giao dịch đáng ngờ*					
☐ a) Báo cáo giao dịch đáng ngờ theo điểm a khoản 1 Điều 26 Luật Phòng, chống rửa tiền					
b) Báo cáo giao dịch đáng ngờ theo điểm b khoản 1 Điều 26 Luật Phòng, chống rửa tiền					
☐ b1) Nếu có, đề nghị ghi rõ theo khoản nào của các Điều 27, 32 Luật Phòng, chống rửa tiền: khoản Điều Luật Phòng, chống rửa tiền.					
☐ b2) Dấu hiệu đáng ngờ khác do đối tượng báo cáo tự xác định:					
2. Mô tả, phân tích chi tiết lý do báo cáo giao dịch đáng ngờ theo dấu hiệu nêu tại mục 1 phần này:					
a) Mô tả thông tin giao dịch của cá nhân, tổ chức thực hiện giao dịch đáng ngờ và cá nhân, tổ chức có liên quan tới giao dịch đáng ngờ (trong trường hợp tài khoản của khách hàng có phát sinh giao dịch):					
STT	Tổng số lần tham gia trò chơi có thưởng	Tổng số tiền giao dịch tham gia trò chơi có thưởng	Tổng số tiền rút ra	Tổng số tiền thắng cược	Thời gian giao dịch
Mô tả cụ thể, rõ ràng về các dấu hiệu, nhân tố, tình huống bất thường liên quan đến các giao dịch và cá nhân nêu trên*:					
b) Cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch liên quan đến các dấu hiệu nêu trên được xác định từ việc xem xét, thu thập và phân tích thông tin theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 26 Luật Phòng, chống rửa tiền:					

- Thông báo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc xác định bị can, bị cáo, người bị kết án:

- Cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch là tài sản thuộc quyền sở hữu hoặc có nguồn gốc thuộc quyền sở hữu, quyền kiểm soát của bị can, bị cáo, người bị kết án đó:

c) Hoặc cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch liên quan đến các dấu hiệu nêu trên được xác định từ việc xem xét, thu thập và phân tích thông tin theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 26 Luật Phòng, chống rửa tiền (kết quả phân tích, đánh giá của đối tượng báo cáo đối với khách hàng, giao dịch phải báo cáo):

3. Ngày phát hiện giao dịch đáng ngờ*:

Phần V	NHỮNG CÔNG VIỆC ĐÃ XỬ LÝ LIÊN QUAN ĐẾN GIAO DỊCH ĐÁNG NGỜ
Liệt kê cụ thể những công việc đã thực hiện liên quan đến việc xử lý báo cáo giao dịch đáng ngờ Liệt kê cụ thể những công việc đã thực hiện liên quan đến việc xử lý báo cáo giao dịch đáng ngờ, ví dụ: - Từ chối thực hiện giao dịch; - Chấm dứt thiết lập giao dịch với khách hàng; - Giám sát sau giao dịch; - Đưa vào hệ thống cảnh báo của đối tượng báo cáo; - Công việc khác	
Phần VI	TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM
- Hồ sơ của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch và liên quan đến giao dịch; - Kết quả phân tích, đánh giá cuối cùng của đối tượng báo cáo đối với khách hàng, giao dịch phải báo cáo; - Tài liệu, chứng từ khác có liên quan đến giao dịch đáng ngờ (chứng từ nhận thưởng...) được thể hiện ở phần mô tả, phân tích chi tiết lý do giao dịch đáng ngờ.	

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO*

(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG PHÒNG (bộ phận)*

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP*

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

2

HƯỚNG DẪN ĐIỀN BÁO CÁO GIAO DỊCH ĐÁNG NGỜ:

Tất cả các trường có dấu (*) là thông tin bắt buộc, không được để trống.

Phần I:

(1b): Mã đối tượng báo cáo do Bộ Tài chính hướng dẫn (nếu có).

(1h): Chỉ rõ 01 thư điện tử (email) đại diện chung của đối tượng báo cáo để nhận thư xác nhận của Cơ quan thực hiện chức năng, nhiệm vụ phòng, chống rửa tiền thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

(2.1a): Ghi đầy đủ họ, tên đệm, tên của người chịu trách nhiệm về phòng, chống rửa tiền tại đơn vị bằng chữ thường, có dấu.

(2.2a): Ghi đầy đủ họ, tên đệm, tên của người lập báo cáo bằng chữ thường, có dấu.

Phần II:

(1): Áp dụng cho khách hàng cá nhân (để trống nếu khách hàng là tổ chức). Trường hợp có nhiều cá nhân thực hiện giao dịch đáng ngờ thì chèn thêm các trường chi tiết tương ứng với mỗi cá nhân. Nếu có từ 10 cá nhân trở lên có thể tạo thành bảng chi tiết thông tin cá nhân, nhưng phải đảm bảo đầy đủ các thông tin như quy định tại phần này.

(1a): Ghi đầy đủ họ, tên đệm, tên của cá nhân thực hiện giao dịch bằng chữ thường, có dấu.

(1b): Ghi rõ ngày, tháng, năm sinh.

(1c): Xác định độ tuổi tính theo năm sinh của khách hàng đến thời điểm báo cáo.

(1d): Trường hợp không xác định được giới tính của khách hàng là nam hay nữ thì chọn vào ô "Khác".

(1h): Điền thông tin đối với khách hàng cá nhân có quốc tịch là người Việt Nam.

(1i):

- Điền thông tin này khi khách hàng cá nhân có quốc tịch là người Việt Nam có địa chỉ nơi ở hiện tại khác với địa chỉ đăng ký thường trú.

- Điền thông tin địa chỉ của các khách hàng theo quy định tại điểm b, c, d, đ khoản 1 Điều 10 Luật Phòng, chống rửa tiền.

(1k): Có thể chọn một hoặc nhiều giấy tờ định danh cá nhân và điền đầy đủ thông tin đối với mỗi loại giấy tờ tương ứng.

(2): Trường hợp nhiều chủ sở hữu hưởng lợi, đối tượng báo cáo chèn thêm đầy đủ các trường thông tin từ a đến l đối với mỗi chủ sở hữu hưởng lợi.

Phần III:

- Không bắt buộc trong trường hợp đối tượng báo cáo không có thông tin về cá nhân, tổ chức có liên quan tới giao dịch đáng ngờ (đối tác).

- Trong trường hợp đối tượng báo cáo có thông tin về cá nhân, tổ chức có liên quan tới giao dịch đáng ngờ: chỉ cần điền vào các trường có thông tin, không bắt buộc phải điền đầy đủ vào tất cả các trường thông tin.

Phần IV:

(1a): Nếu có phát sinh, phải đảm bảo hai yếu tố:

- Biết giao dịch được thực hiện theo yêu cầu của bị can, bị cáo, người bị kết án thông qua thông báo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

- Và có cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch là tài sản thuộc quyền sở hữu hoặc có nguồn gốc thuộc quyền sở hữu, quyền kiểm soát của bị can, bị cáo, người bị kết án đó.

(1b1): Nếu có phát sinh, ghi rõ nội dung giao dịch đáng ngờ có liên quan đến điều, khoản nào của Luật Phòng, chống rửa tiền.

(1b2): Nếu có phát sinh, ghi rõ nội dung dấu hiệu đáng ngờ có liên quan đến rửa tiền.

(2): Mô tả cụ thể, rõ ràng và chi tiết nhất có thể về các dấu hiệu, nhận tố, tình huống bất thường dẫn tới việc đối tượng báo cáo nghi ngờ giao dịch và/hoặc tin rằng giao dịch có liên quan đến rửa tiền.

(3): Ngày phát hiện giao dịch đáng ngờ theo khoản 2 Điều 37 Luật Phòng, chống rửa tiền.

Phần V: Mô tả cụ thể những công việc đã thực hiện liên quan đến việc xử lý báo cáo giao dịch đáng ngờ.

Phần VI: Các hồ sơ, tài liệu có liên quan, cần có bảng danh mục hồ sơ, tài liệu liệt kê: số thứ tự; loại hồ sơ, tài liệu gắn với tên tổ chức, cá nhân có liên quan; số lượng trang tương ứng với loại hồ sơ, tài liệu; tình trạng tài liệu (bản chụp hay sao y bản chính hay bản mềm).

Phần ký tên:

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO: theo quy định của Luật Phòng, chống rửa tiền, đơn vị báo cáo và chịu trách nhiệm với báo cáo phải là đối tượng báo cáo (hội sở) nên NGƯỜI LẬP BÁO CÁO là cán bộ tại hội sở. Trường hợp, đối tượng báo cáo ủy quyền cho chi nhánh hoặc phòng giao dịch lập báo cáo thì NGƯỜI LẬP BÁO CÁO là cán bộ của chi nhánh/Phòng giao dịch, tuy nhiên, việc này phải quy định trong Quy định nội bộ của đơn vị và đối tượng báo cáo (hội sở) phải là đơn vị chịu trách nhiệm về báo cáo.

TRƯỞNG PHÒNG (bộ phận): là trưởng phòng hoặc trưởng bộ phận kiểm soát trực tiếp báo cáo giao dịch đáng ngờ.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP: Tổng Giám đốc (Giám đốc) là lãnh đạo cấp cao chịu trách nhiệm về công tác phòng, chống rửa tiền tại đơn vị hoặc người được Tổng Giám đốc (Giám đốc) ủy quyền hợp pháp.

Lưu ý:

(i) Biểu mẫu này áp dụng cho đối tượng báo cáo báo cáo giao dịch đáng ngờ cho Cơ quan thực hiện chức năng, nhiệm vụ phòng, chống rửa tiền thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. *Không gửi biểu mẫu này cho cơ quan có thẩm quyền khác.*

(ii) Các cá nhân, tổ chức được nêu trong cùng một báo cáo giao dịch đáng ngờ phải có mối liên hệ với nhau và thể hiện trong phần mô tả, phân tích chi tiết lý do giao dịch đáng ngờ.

Áp dụng cho đối tượng báo cáo là tổ chức/cá nhân kinh doanh ngành, nghề phi tài chính có liên quan (trừ các tổ chức kinh doanh bất động sản, trò chơi có thưởng) và tổ chức khác

BÁO CÁO GIAO DỊCH ĐĂNG NGỜ Ngày..... tháng..... năm.....		Số báo cáo: abcd/yyyy
PHẢI ĐIỀN ĐẦY ĐỦ THÔNG TIN VÀO CÁC TRƯỜNG YÊU CẦU CÓ DẤU * (Xem phần Hướng dẫn điền báo cáo)		
Báo cáo này có sửa đổi/bổ sung/thay thế báo cáo nào trước không?		
☐ Không	☐ Có sửa đổi/bổ sung cho Báo cáo số..... ngày..... ☐ Có thay thế cho Báo cáo số..... ngày.....	
Phần I	THÔNG TIN VỀ ĐỐI TƯỢNG BÁO CÁO	
1. Thông tin về đối tượng báo cáo*		
a. Tên đối tượng báo cáo:		
b. Địa chỉ (số nhà, đường/phố):		
Quận/Huyện:	Tỉnh/Thành phố:	Quốc gia:
c. Điện thoại:		
d. Tên điểm phát sinh giao dịch:		
đ. Địa chỉ điểm phát sinh giao dịch:		
Quận/Huyện:	Tỉnh/Thành phố:	Quốc gia:
e. Điện thoại:		
h. Địa chỉ email của đơn vị (<i>nhận email xác nhận của Cơ quan thực hiện chức năng, nhiệm vụ phòng, chống rửa tiền thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam</i>):		
i. Ngành, nghề phi tài chính của đối tượng báo cáo:		
☐ Kinh doanh kim khí quý, đá quý ☐ Kinh doanh dịch vụ kế toán ☐ Cung cấp dịch vụ công chứng ☐ Cung cấp dịch vụ pháp lý của luật sư, tổ chức hành nghề luật sư ☐ Cung cấp dịch vụ thành lập, quản lý, điều hành doanh nghiệp ☐ Cung cấp dịch vụ giám đốc, thư ký công ty cho bên thứ ba ☐ Cung cấp dịch vụ thỏa thuận pháp lý ☐ Khác..... (Mô tả rõ)		
k. Cơ quan quản lý hoạt động của đối tượng báo cáo:		
2. Thông tin về người chịu trách nhiệm về phòng, chống rửa tiền và người lập báo cáo		

2.1. Thông tin về người chịu trách nhiệm về phòng, chống rửa tiền*				
a. Họ và tên:				
b. Điện thoại nơi làm việc:		c. Điện thoại di động:		
d. Chức vụ:				
2.2. Thông tin về người lập báo cáo*				
a. Họ và tên:				
b. Điện thoại nơi làm việc:		c. Điện thoại di động:		
d. Bộ phận công tác:				
Phần II		THÔNG TIN VỀ CÁ NHÂN, TỔ CHỨC THỰC HIỆN GIAO DỊCH ĐÁNG NGỜ		
1. Thông tin về cá nhân thực hiện giao dịch				
a. Họ và tên*:				
b. Ngày, tháng, năm sinh*:				
c. Độ tuổi:				
☐ Dưới 20 tuổi ☐ Từ 20 tuổi đến dưới 30 tuổi ☐ Từ 30 tuổi đến dưới 40 tuổi ☐ Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi ☐ Từ 50 tuổi trở lên				
d. Giới tính*:				
☐ Nam ☐ Nữ ☐ Khác				
đ. Quốc tịch*:				
☐ Việt Nam ☐ Nước ngoài: (tên quốc gia.....) ☐ Không quốc tịch				
e. Nghề nghiệp*:				
☐ Công chức/viên chức ☐ Học sinh/sinh viên ☐ Giáo viên/bác sĩ ☐ Nội trợ ☐ Kinh doanh tự do ☐ Kỹ sư ☐ Công nhân ☐ Nông dân ☐ Khác				
g. Chức vụ/vị trí việc làm:				
h. Địa chỉ đăng ký thường trú*:				
Quận/Huyện:		Tỉnh/Thành phố:		Quốc gia:
i. Nơi ở hiện tại*:				
Quận/Huyện:		Tỉnh/Thành phố:		Quốc gia:
k. Thông tin định danh cá nhân*:				
☐ CMND ☐ CCCD ☐ Hộ chiếu ☐ Định danh cá nhân	Số:	Ngày cấp:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:

☐ Thị thực nhập cảnh:				
Số thị thực:	Ngày cấp:	Ngày hết hạn:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
☐ Giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế/thẻ cư trú:				
Số thẻ:	Ngày cấp:	Ngày hết hạn:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
1. Số điện thoại liên lạc*:				
m. Số tài khoản tại ngân hàng:				
n. Tên ngân hàng mở tài khoản:				
2. Thông tin về tổ chức thực hiện giao dịch				
2.1. Thông tin về tổ chức				
a. Tên đầy đủ của tổ chức*:				
b. Tên tiếng nước ngoài (nếu có):				
c. Tên viết tắt (nếu có):				
d. Địa chỉ*:				
Quận/Huyện:		Tỉnh/Thành phố:	Quốc gia:	
d. Giấy phép thành lập số:	Ngày cấp:		Nơi cấp:	
e. Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế*:	Ngày cấp:		Nơi cấp:	
g. Ngành nghề kinh doanh chính:				
h. Số điện thoại liên lạc*:				
i. Địa chỉ trang thông tin điện tử của doanh nghiệp (tổ chức):				
k. Số tài khoản tại ngân hàng:				
l. Tên ngân hàng mở tài khoản:				
2.2. Thông tin về người đại diện theo pháp luật của tổ chức*				
a. Họ và tên:				
b. Ngày, tháng, năm sinh:				
c. Quốc tịch:				
☐ Việt Nam ☐ Nước ngoài: (tên quốc gia.....) ☐ Không quốc tịch				
d. Chức vụ/vị trí việc làm:				
e. Địa chỉ đăng ký thường trú:				
Quận/Huyện:		Tỉnh/Thành phố:	Quốc gia:	
g. Nơi ở hiện tại:				
Quận/Huyện:		Tỉnh/Thành phố:	Quốc gia:	
h. Thông tin định danh cá nhân:				

☐ CMND ☐ CCCD ☐ Hộ chiếu ☐ Định danh cá nhân	Số:	Ngày cấp:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
☐ Thị thực nhập cảnh:				
Số thị thực:	Ngày cấp:	Ngày hết hạn:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
i. Số điện thoại liên lạc:				
3. Thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi				
☐ Trùng với cá nhân tại mục 1 ☐ Trùng với cá nhân tại mục 2.2		☐ Khác		
<i>Điền các thông tin bên dưới (từ a đến l) trong trường hợp chủ sở hữu hưởng lợi khác với cá nhân tại mục 1, 2.2:</i>				
a. Họ và tên*:				
b. Ngày, tháng, năm sinh*:				
c. Độ tuổi:				
☐ Dưới 20 tuổi ☐ Từ 20 tuổi đến dưới 30 tuổi ☐ Từ 30 tuổi đến dưới 40 tuổi ☐ Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi ☐ Từ 50 tuổi trở lên				
d. Giới tính*:				
☐ Nam ☐ Nữ ☐ Khác				
đ. Quốc tịch*:				
☐ Việt Nam ☐ Nước ngoài: (tên quốc gia.....) ☐ Không quốc tịch				
e. Nghề nghiệp*:				
☐ Công chức/viên chức ☐ Học sinh/sinh viên ☐ Giáo viên/bác sĩ ☐ Nội trợ ☐ Kinh doanh tự do ☐ Kỹ sư ☐ Công nhân ☐ Nông dân ☐ Khác				
g. Chức vụ/vị trí việc làm:				
h. Địa chỉ đăng ký thường trú*:				
Quận/Huyện:	Tỉnh/Thành phố:	Quốc gia:		
i. Nơi ở hiện tại*:				
Quận/Huyện:	Tỉnh/Thành phố:	Quốc gia:		
k. Thông tin định danh cá nhân*:				
☐ CMND	Số:	Ngày cấp:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:

☐ CCCD ☐ Hộ chiếu ☐ Định danh cá nhân			quyền cấp:	
☐ Thị thực nhập cảnh:				
Số thị thực:	Ngày cấp:	Ngày hết hạn:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
☐ Giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế/thẻ cư trú:				
Số thẻ:	Ngày cấp:	Ngày hết hạn:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
l. Số điện thoại liên lạc*:				
4. Thông tin khác bổ sung				
Phần III		THÔNG TIN VỀ CÁ NHÂN, TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN GIAO DỊCH ĐÁNG NGỜ		
1. Thông tin về cá nhân liên quan đến giao dịch				
a. Họ và tên:				
b. Ngày, tháng, năm sinh:				
c. Độ tuổi:				
☐ Dưới 20 tuổi ☐ Từ 20 tuổi đến dưới 30 tuổi ☐ Từ 30 tuổi đến dưới 40 tuổi ☐ Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi ☐ Từ 50 tuổi trở lên				
d. Giới tính:				
☐ Nam ☐ Nữ ☐ Khác				
đ. Quốc tịch:				
☐ Việt Nam ☐ Nước ngoài: (tên quốc gia.....) ☐ Không quốc tịch				
e. Nghề nghiệp:				
☐ Công chức/viên chức ☐ Học sinh/sinh viên ☐ Giáo viên/bác sĩ ☐ Nội trợ ☐ Kinh doanh tự do ☐ Kỹ sư ☐ Công nhân ☐ Nông dân ☐ Khác				
g. Chức vụ/vị trí việc làm:				
h. Địa chỉ đăng ký thường trú:				
Quận/Huyện:		Tỉnh/Thành phố:	Quốc gia:	
i. Nơi ở hiện tại:				
Quận/Huyện/Thị trấn:		Tỉnh/Thành phố:	Quốc gia:	
k. Thông tin định danh cá nhân:				

☐ CMND ☐ CCCD ☐ Hộ chiếu ☐ Định danh cá nhân:	Số:	Ngày cấp:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
☐ Thị thực nhập cảnh:				
Số thị thực:	Ngày cấp:	Ngày hết hạn:	Cơ quan có thẩm quyền cấp:	Nơi cấp:
1. Số điện thoại liên lạc:				
m. Số tài khoản:				
n. Mở tại ngân hàng:				
2. Thông tin về tổ chức có liên quan tới giao dịch				
a. Tên đầy đủ của tổ chức:				
b. Tên tiếng nước ngoài (nếu có):				
c. Tên viết tắt (nếu có):				
d. Địa chỉ:				
Quận/Huyện:		Tỉnh/Thành phố:	Quốc gia:	
đ. Giấy phép thành lập số:		Ngày cấp:	Nơi cấp:	
e. Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:		Ngày cấp:	Nơi cấp:	
g. Ngành nghề kinh doanh chính:				
h. Số điện thoại liên lạc:				
i. Số tài khoản ngân hàng:				
k. Tên ngân hàng mở tài khoản:				
3. Thông tin khác bổ sung				
Phần IV		THÔNG TIN VỀ GIAO DỊCH ĐÁNG NGỜ		
1. Loại báo cáo giao dịch đáng ngờ*				
☐ a) Báo cáo giao dịch đáng ngờ theo điểm a khoản 1 Điều 26 Luật Phòng, chống rửa tiền ☐ b) Báo cáo giao dịch đáng ngờ theo điểm b khoản 1 Điều 26 Luật Phòng, chống rửa tiền ☐ b1) Nếu có, đề nghị ghi rõ dấu hiệu đáng ngờ phát sinh ban đầu theo khoản của Điều 27, 28, 29, 30, 31, 32 và 33 Luật Phòng, chống rửa tiền: khoản Điều Luật Phòng, chống rửa tiền.				

□ b2) Dấu hiệu đáng ngờ khác do đối tượng báo cáo tự xác định:

2. Mô tả, phân tích chi tiết lý do báo cáo giao dịch đáng ngờ theo dấu hiệu nêu tại mục 1 phần này

a) Mô tả cụ thể, rõ ràng và chi tiết nhất có thể về các dấu hiệu, nhân tố, tình huống bất thường dẫn tới việc đối tượng báo cáo nghi ngờ giao dịch và/hoặc tin rằng giao dịch có liên quan đến rửa tiền:

- Minh họa bằng sơ đồ dòng tiền (nếu có)
- Kết quả phân tích, đánh giá của đối tượng báo cáo đối với khách hàng, giao dịch phải báo cáo*:

b) Cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch liên quan đến các dấu hiệu nêu trên được xác định từ việc xem xét, thu thập và phân tích thông tin theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 26 Luật Phòng, chống rửa tiền:

- Thông báo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc xác định bị can, bị cáo, người bị kết án:
- Cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch là tài sản thuộc quyền sở hữu hoặc có nguồn gốc thuộc quyền sở hữu, quyền kiểm soát của bị can, bị cáo, người bị kết án đó:

c) Hoặc cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch liên quan đến các dấu hiệu nêu trên được xác định từ việc xem xét, thu thập và phân tích thông tin theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 26 Luật Phòng, chống rửa tiền (kết quả phân tích, đánh giá của đối tượng báo cáo đối với khách hàng, giao dịch phải báo cáo):

3. Ngày phát hiện giao dịch đáng ngờ*:

Phần V

**NHỮNG CÔNG VIỆC ĐÃ XỬ LÝ LIÊN QUAN ĐẾN
GIAO DỊCH ĐÁNG NGỜ**

Liệt kê cụ thể những công việc đã thực hiện liên quan đến việc xử lý báo cáo giao dịch đáng ngờ, ví dụ:

- Từ chối thực hiện giao dịch;
- Chấm dứt thiết lập giao dịch với khách hàng;
- Giám sát sau giao dịch;
- Đưa vào hệ thống cảnh báo của đối tượng báo cáo;
- Công việc khác

Phần VI	TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM
- Kết quả phân tích, đánh giá cuối cùng của đối tượng báo cáo đối với khách hàng, giao dịch phải báo cáo; - Tài liệu, chứng từ khác có liên quan đến giao dịch đáng ngờ được thể hiện ở phần mô tả, phân tích chi tiết lý do giao dịch đáng ngờ.	

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO*
(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG PHÒNG (bộ phận)*
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP*
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

HƯỚNG DẪN ĐIỀN BÁO CÁO GIAO DỊCH ĐÁNG NGỜ:

Tất cả các trường có dấu (*) là thông tin bắt buộc, không được để trống.

Phần I:

(1h): Ghi rõ 01 thư điện tử (email) đại diện chung của đối tượng báo cáo để nhận thư xác nhận của Cơ quan thực hiện chức năng, nhiệm vụ phòng, chống rửa tiền thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

(1k) Ghi rõ Cơ quan quản lý hoạt động của đối tượng báo cáo là:

1- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

2- Bộ Tài chính

3- Bộ Tư pháp

4- Bộ Kế hoạch đầu tư

5- Khác..... (Vui lòng nêu rõ)

(2.1a): Ghi đầy đủ họ, tên đệm, tên của người chịu trách nhiệm về phòng, chống rửa tiền tại đơn vị bằng chữ thường, có dấu.

(2.2a): Ghi đầy đủ họ, tên đệm, tên của người lập báo cáo bằng chữ thường, có dấu.

Phần II:

(1): Áp dụng cho khách hàng cá nhân (để trống nếu khách hàng là tổ chức). Trường hợp có nhiều cá nhân thực hiện giao dịch đáng ngờ thì chèn thêm các trường chi tiết tương ứng với mỗi cá nhân. Nếu có từ 10 cá nhân trở lên có thể tạo thành bảng chi tiết thông tin cá nhân, nhưng phải đảm bảo đầy đủ các thông tin như quy định tại phần này.

(1a): Ghi đầy đủ họ, tên đệm, tên của cá nhân thực hiện giao dịch bằng chữ thường, có dấu.

(1b): Ghi rõ ngày, tháng, năm sinh.

(1c): Xác định độ tuổi tính theo năm sinh của khách hàng đến thời điểm báo cáo.

(1d): Trường hợp không xác định được giới tính của khách hàng là nam hay nữ thì chọn vào ô "Khác".

(1h): Điền thông tin đối với khách hàng cá nhân có quốc tịch là người Việt Nam.

(1i):

- Điền thông tin này khi khách hàng cá nhân có quốc tịch là người Việt Nam có địa chỉ nơi ở hiện tại khác với địa chỉ đăng ký thường trú.

- Điền thông tin địa chỉ của các khách hàng theo quy định tại điểm b, c, d, đ khoản 1 Điều 10 Luật Phòng, chống rửa tiền.

(1k): Có thể chọn một hoặc nhiều giấy tờ định danh cá nhân và điền đầy đủ thông tin đối với mỗi loại giấy tờ tương ứng.

(2): Áp dụng cho khách hàng là tổ chức (để trống nếu là khách hàng cá nhân). Trường hợp có nhiều tổ chức thực hiện giao dịch đáng ngờ thì chèn thêm các trường chi tiết tương ứng với mỗi tổ chức.

(2.1b): Để trống nếu tổ chức không có tên nước ngoài tương ứng.

(2.2a): Ghi đầy đủ họ, tên đệm, tên người đại diện theo pháp luật của tổ chức bằng chữ thường, có dấu

(2.2b): Ghi rõ ngày, tháng, năm sinh.

(2.2d): Điền thông tin đối với khách hàng cá nhân có quốc tịch là người Việt Nam.

(2.2e):

- Điền thông tin này khi khách hàng cá nhân có quốc tịch là người Việt Nam có địa chỉ nơi ở hiện tại khác với địa chỉ đăng ký thường trú.

- Điền thông tin địa chỉ của các khách hàng theo quy định tại điểm b, c, d, đ khoản 1 Điều 10 Luật Phòng, chống rửa tiền.

(2.2h): Có thể chọn một hoặc nhiều giấy tờ định danh cá nhân và điền đầy đủ thông tin đối với mỗi loại giấy tờ tương ứng.

(3): Trường hợp nhiều chủ sở hữu hưởng lợi, đối tượng báo cáo chèn thêm đầy đủ các trường

thông tin từ a đến l đối với mỗi chủ sở hữu hưởng lợi.

Phần III:

- Không bắt buộc trong trường hợp đối tượng báo cáo không có thông tin về cá nhân, tổ chức có liên quan tới giao dịch đáng ngờ (đối tác).
- Trong trường hợp đối tượng báo cáo có thông tin về cá nhân, tổ chức có liên quan tới giao dịch đáng ngờ: chỉ cần điền vào các trường có thông tin, không bắt buộc phải điền đầy đủ vào tất cả các trường thông tin.

Phần IV:

(1a): Nếu có phát sinh, phải đảm bảo hai yếu tố:

- Biết giao dịch được thực hiện theo yêu cầu của bị can, bị cáo, người bị kết án thông qua thông báo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- Và có cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch là tài sản thuộc quyền sở hữu hoặc có nguồn gốc thuộc quyền sở hữu, quyền kiểm soát của bị can, bị cáo, người bị kết án đó.

(1b1): Nếu có phát sinh, ghi rõ nội dung giao dịch đáng ngờ có liên quan đến điều, khoản nào của Luật Phòng, chống rửa tiền.

(1b2): Nếu có phát sinh, ghi rõ nội dung dấu hiệu đáng ngờ có liên quan đến rửa tiền.

(2): Mô tả cụ thể, rõ ràng và chi tiết nhất có thể về các dấu hiệu, nhân tố, tình huống bất thường dẫn tới việc đối tượng báo cáo nghi ngờ giao dịch và/hoặc tin rằng giao dịch có liên quan đến rửa tiền.

(3): Ngày phát hiện giao dịch đáng ngờ theo khoản 2 Điều 37 Luật Phòng, chống rửa tiền.

Phần V: Mô tả cụ thể những công việc đã thực hiện liên quan đến việc xử lý báo cáo giao dịch đáng ngờ.

Phần VI: Các hồ sơ, tài liệu có liên quan, cần có bảng danh mục hồ sơ, tài liệu liệt kê: số thứ tự; loại hồ sơ, tài liệu gắn với tên tổ chức, cá nhân có liên quan; số lượng trang tương ứng với loại hồ sơ, tài liệu; tình trạng tài liệu (bản chụp hay sao y bản chính hay bản mềm).

Phần ký tên:

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO: theo quy định của Luật Phòng, chống rửa tiền, đơn vị báo cáo và chịu trách nhiệm với báo cáo phải là đối tượng báo cáo (hội sở) nên **NGƯỜI LẬP BÁO CÁO** là cán bộ tại hội sở. Trường hợp, đối tượng báo cáo ủy quyền cho chi nhánh hoặc phòng giao dịch lập báo cáo thì **NGƯỜI LẬP BÁO CÁO** là cán bộ của chi nhánh/Phòng giao dịch, tuy nhiên, việc này phải quy định trong Quy định nội bộ của đơn vị và đối tượng báo cáo (hội sở) phải là đơn vị chịu trách nhiệm về báo cáo.

TRƯỞNG PHÒNG (bộ phận): là trưởng phòng hoặc trưởng bộ phận kiểm soát trực tiếp báo cáo giao dịch đáng ngờ.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP: Tổng Giám đốc (Giám đốc) là lãnh đạo cấp cao chịu trách nhiệm về công tác phòng, chống rửa tiền tại đơn vị hoặc người được Tổng Giám đốc (Giám đốc) ủy quyền hợp pháp đối với đối tượng báo cáo là tổ chức. Cá nhân hoặc người được cá nhân ủy quyền đối với đối tượng báo cáo là cá nhân.

Lưu ý:

(i) Biểu mẫu này áp dụng cho đối tượng báo cáo báo cáo giao dịch đáng ngờ cho Cơ quan thực hiện chức năng, nhiệm vụ phòng, chống rửa tiền thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Không gửi biểu mẫu này cho cơ quan có thẩm quyền khác.

(ii) Các cá nhân, tổ chức được nêu trong cùng một báo cáo giao dịch đáng ngờ phải có mối liên hệ với nhau và thể hiện trong phần mô tả, phân tích chi tiết lý do giao dịch đáng ngờ.